

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Theo Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm

Hà Nội - Tháng 12/2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Theo Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm

Hà Nội - Tháng 12/2019

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	iii
Phần 1: MỞ ĐẦU	1
1.1. Thông tin tóm tắt về Trường.....	1
1.1.1. Thông tin chung về Trường ĐHSP Hà Nội 2	1
1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi	1
1.2. Bối cảnh chung của Trường và bối cảnh tham gia ETEP	4
1.2.1. Bối cảnh chung của Trường ĐHSP Hà Nội 2	4
1.2.2. Bối cảnh tham gia ETEP	7
1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá	8
1.3.1. Điểm tồn tại	8
1.3.2. Điểm mạnh.....	11
1.3.3. Những vấn đề cần cải tiến chất lượng.....	16
1.3.4. Điểm tự đánh giá các lĩnh vực	22
Phần 2. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	23
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng.....	23
Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược	23
Tiêu chí 1.2. Quản lý	26
Tiêu chí 1.3. Đảm bảo chất lượng	31
Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo	37
Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình	37
Tiêu chí 2.5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện.....	43
Tiêu chuẩn 3. Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	49
Tiêu chí: 3.6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới	49
Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	53
Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đối ngoại.....	57
Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương.....	57
Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế.....	61
Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác	68
Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông.....	76
Tiêu chuẩn 5. Môi trường sư phạm và các nguồn lực	81

<i>Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm.....</i>	81
<i>Tiêu chí 5.13. Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học</i>	85
<i>Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính</i>	92
<i>Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực</i>	94
Tiêu chuẩn 6. Hỗ trợ dạy học	98
<i>Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên</i>	98
<i>Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên</i>	103
Tiêu chuẩn 7. Hỗ trợ học tập	105
<i>Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học.....</i>	105
<i>Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập.....</i>	111
<i>Tiêu chí 7.20. Các hoạt động ngoại khóa</i>	114
Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	121
Phần 4. KẾT LUẬN	126

DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

CGCN	:	Chuyển giao công nghệ
CNTT	:	Công nghệ thông tin
CSVN	:	Cơ sở vật chất
CTCT-HSSV	:	Công tác chính trị và Học sinh sinh viên
CTĐT	:	Chương trình đào tạo
ĐHSP	:	Đại học Sư phạm
ETEP	:	Chương trình Phát triển các trường sư phạm
GD&ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GDTC	:	Giáo dục thể chất
GDTH	:	Giáo dục Tiểu học
GV	:	Giảng viên
GVC	:	Giảng viên chính
HSSV	:	Học sinh sinh viên
HTQT	:	Hợp tác quốc tế
KĐCLGD	:	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN&HTQT	:	Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế
KHCN	:	Khoa học công nghệ
KT&ĐBCLGD	:	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
NCKH&UĐ	:	Nghiên cứu khoa học và Ứng dụng
NCKH	:	Nghiên cứu khoa học
NCS	:	Nghiên cứu sinh
NCSP	:	Nghiên cứu sư phạm
PGS	:	Phó Giáo sư
PTCN	:	Phát triển công nghệ
PTN	:	Phòng thí nghiệm
TC-HC	:	Tổ chức - Hành chính
ThS	:	ThS
TS	:	Tiến sĩ
TTSP	:	Thực tập sư phạm
VC	:	Viên chức
VCQL	:	Viên chức quản lý

Phần 1: MỞ ĐẦU

1.1. Thông tin tóm tắt về Trường

1.1.1. Thông tin chung về Trường ĐHSP Hà Nội 2

a. Tên trường:

Tiếng Việt:

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tiếng Anh:

Hanoi Pedagogical University 2

Tên viết tắt tiếng Anh:

HPU2

b. Cơ quan/Bộ chủ quản:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

c. Địa chỉ:

Phường Xuân Hòa - thành phố Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc

d. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: **(0211) 3863416**

Số fax: **(0211) 3863207**

Email: **dhsphn2@moet.edu.vn**

Website: **<http://www.hpu2.edu.vn>**

e. Năm thành lập:

1967

f. Loại hình trường đào tạo:

Công lập

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi

a. Sứ mạng

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 có sứ mạng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và công nghệ trình độ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục khu vực nông thôn và miền núi phía Bắc với khu vực thành thị, thiết lập mô hình tiêu biểu về mạng lưới kết nối giữa trường sư phạm với các trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập của đất nước.

b. Tầm nhìn

Tới năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 sẽ:

- Trở thành một trong những trường đại học sư phạm hàng đầu của Việt Nam, góp phần vào sự phát triển các cơ sở đào tạo giáo viên khu vực phía Bắc và cả nước; là trường đại học có uy tín ở khu vực Đông Nam Á về đào tạo giáo viên và kết nối với hệ thống các trường phổ thông, hướng tới các trường đại học sư phạm hàng đầu châu Á.

- Cung cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học trình độ cao, đặc biệt là nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Đảm bảo người học tốt nghiệp có chất lượng cao, có năng lực làm việc, thích nghi, sáng tạo và tự học suốt đời.

c. Mục tiêu

Mục tiêu chung

Xây dựng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 thành:

- Cơ sở đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học trình độ đại học, sau đại học có chất lượng cao.
- Trung tâm nghiên cứu khoa học chất lượng cao với trọng tâm là nghiên cứu giáo dục và chuyển giao tri thức, công nghệ trong khoa học giáo dục và khoa học cơ bản.
- Trung tâm kết nối các trường đại học, cao đẳng sư phạm, các sở giáo dục và đào tạo và các trường phổ thông phía Bắc Việt Nam trên các lĩnh vực phát triển nghề nghiệp, nghiên cứu giáo dục, đổi mới nội dung và phương pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.
- Cơ sở đào tạo và nghiên cứu với trang thiết bị hiện đại nhằm tạo môi trường sư phạm tốt nhất cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, từng bước trở thành cơ sở đào tạo giáo viên có uy tín trong khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu cụ thể

- Cơ cấu tổ chức:

Đảm bảo cơ cấu tổ chức của Nhà trường theo đúng quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan; có đầy đủ quy chế tổ chức và hoạt động và hệ thống văn bản quản lý về các lĩnh vực hoạt động; việc phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban, khoa rõ ràng, phù hợp.

- Đào tạo, bồi dưỡng:

- + Các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm đa dạng, đáp ứng yêu cầu về giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; phát triển các chương trình cử nhân sư phạm đào tạo bằng tiếng Anh, các chương trình đào tạo giáo viên chất lượng cao.
- + Phát triển các chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ trong lĩnh vực khoa học giáo dục.
- + Đa dạng hóa các chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên, đáp ứng kịp thời nhu cầu bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, đặc biệt là khu vực nông thôn và miền núi phía Bắc.

- *Nghiên cứu khoa học:*

Xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học có chất lượng, hiệu quả với định hướng thúc đẩy nghiên cứu khoa học giáo dục, nghiên cứu gắn với thực tiễn; tin học hóa quy trình và phương thức quản lý khoa học của Trường; tăng số lượng các công bố khoa học của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

- *Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:*

+ Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (Tổng diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng; các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu; học liệu của thư viện và trung tâm học liệu; diện tích đất/sinh viên, diện tích sàn/sinh viên) đáp ứng tốt hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học;

+ Đảm bảo cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu, tỉ lệ sinh viên/giảng viên theo từng khối ngành; Đội ngũ GV phát triển cân đối về độ tuổi, thâm niên, kinh nghiệm công tác và giới;

+ Chất lượng giáo dục của trường đáp ứng Tiêu chuẩn AUN-QA;

+ 100% chương trình đào tạo cử nhân sư phạm được kiểm định và công nhận đạt chuẩn chất lượng bởi các tổ chức kiểm định trong nước hoặc khu vực.

- *Đối ngoại, hợp tác quốc tế:*

+ Thiết lập được mạng lưới điển hình quốc gia trong kết nối giữa trường sư phạm và các trường phổ thông;

+ Phát triển sự hợp tác với các cơ sở đào tạo giáo viên trong nước về xây dựng chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên và nghiên cứu khoa học giáo dục;

+ Tham gia vào mạng lưới giáo dục khu vực Đông Nam Á và quốc tế. Tăng số lượng kí kết hợp tác với các trường đại học nước ngoài và hiện thực hóa kí kết hợp tác bằng các hoạt động cụ thể trong phát triển chương trình liên kết, hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và công nghệ.

d. *Giá trị cốt lõi*

Uy tín - Trí tuệ - Cống hiến

Uy tín: Chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học là kim chỉ nam cho sự phát triển Nhà trường thành cơ sở giáo dục hàng đầu; việc xây dựng uy tín của Nhà trường

đối với xã hội là một quá trình lâu dài và được thực hiện xuyên suốt qua mọi hoạt động; khai thác, phát triển mọi nguồn lực để bảo đảm cho người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục và có khả năng tự học suốt đời.

Trí tuệ: Chìa khóa quan trọng nhất đảm bảo thực hiện thành công sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của Nhà trường; coi trọng việc xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ cao, phát huy trí tuệ tập thể, tích cực đổi mới tư duy để xây dựng và thực hiện những bước đi đột phá nhằm phát triển Nhà trường.

Cống hiến: Đóng góp sức lực, trí tuệ trong đào tạo là phương châm sống của mỗi cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường; thúc đẩy việc đề cao lòng nhiệt huyết, sự tận tụy của đội ngũ viên chức trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1.2. Bối cảnh chung của Trường và bối cảnh tham gia ETEP

1.2.1. Bối cảnh chung của Trường ĐHSP Hà Nội 2

1. CSVC

Nhà trường hiện có:

- + Tổng diện tích đất của trường: 112,213 m².
- + Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo: 49.614 m²; Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy: 7.5 m²/01 sinh viên.
- + Diện tích sàn xây dựng ký túc xá sinh viên: 22.282 m²
- + Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 484 phòng (08 người/phòng, có nóng lạnh; miễn phí wifi, nước lọc).
- + Hệ thống phòng học đủ và đáp ứng tiêu chuẩn cho hoạt động dạy học, trong đó có các phòng học chuyên dụng cho các hoạt động dạy học đặc thù như: tin học, ngoại ngữ, múa, nhạc,... Phòng học được trang bị máy chiếu Projector, bảng thông minh và các trang thiết bị hiện đại khác. Các loại phòng học và số lượng gồm:

TT	Loại phòng	Số lượng
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	05
2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	15
3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	67
4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	00
5.	Số phòng học đa phương tiện	06
6.	Phòng học Ngoại ngữ	03

- + Hệ thống 45 phòng thực hành, thí nghiệm với đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng việc

học tập, thực hành và NCKH của người học. Ngoài ra, Nhà trường còn hợp tác với nhiều cơ sở nghiên cứu trong và ngoài trường để phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của người học.

+ Thư viện có các phòng chức năng với trang thiết bị chuyên dụng, có đủ giáo trình và đa dạng về tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu. Phòng tra cứu có thiết bị hiện đại cùng hệ thống hướng dẫn tỉ mỉ, internet băng thông rộng. Ngoài ra, nhà trường đã mua các cơ sở dữ liệu từ các nhà cung cấp như: Springer Link (Nhà xuất bản Elsevier); Proquest Central; Credo References; KQNC (Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia); STD (Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia); Tạp chí Toán học MathSciNet (Hội toán học Hoa kỳ),... Các đơn vị liên kết: Trung tâm Thông tin Tư liệu - Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam; Thư viện ĐHQG Hà Nội; Thư viện ĐH Sư phạm Tp Hồ Chí Minh,... phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập của cán bộ, học viên và sinh viên.

+ Ký túc xá sinh viên có tổng diện tích sàn xây dựng 22.282 m². Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 484 phòng (08 người/phòng). Ký túc xá có khả năng phục vụ trên 3100 SV, đảm bảo mức trên 35% lượng SV đang theo học tại trường. Mỗi SV được trang bị bàn ghế học, tủ cá nhân. Các phòng đều có công trình phụ khép kín, bình nóng lạnh. Hệ thống wifi miễn phí phủ sóng toàn ký túc xá. Khuôn viên ký túc xá có: sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bãi tập xà, sân cầu lông... Ngoài ra ký túc xá còn có các phòng cho SV sinh hoạt nhóm, sinh nhật... Công tác an ninh trong ký túc xá luôn được đảm bảo.

2. Cơ cấu tổ chức

Nhà trường hiện có (Số liệu tính đến ngày 30/8/2019):

+ 11 khoa với 21 ngành đào tạo bậc đại học, 17 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 05 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Toán, Vật lý, Sinh- KTNN, Ngữ văn, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Hoá học, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Thể chất, Ngoại ngữ, Lịch sử.

+ 01 bộ môn trực thuộc: Tâm lý - Giáo dục.

+ 02 trung tâm: Trung tâm GDQP&AN và Trung tâm KT&ĐBCLGD.

+ 03 viện nghiên cứu: Viện NCSP, Viện NCKH&ƯD và Viện CNTT.

+ 07 phòng chức năng: TC-HC, CTCT-HSSV, Đào tạo, KHCN-HTQT, Tài vụ, QTĐS, Thanh tra.

+ 04 đơn vị trực thuộc: Thư viện, Trạm Y tế, Ban Quản lý ký túc xá SV, Ban Bảo vệ.

3. *Đội ngũ*

Tổng số viên chức của Trường là 530, trong đó:

- + PGS. TS. NGŨT: 02
- + Phó Giáo sư: 16
- + Tiến sĩ: 109
- + Thạc sĩ: 270
- + GVC: 83
- + GVCC: 16
- + GV: 206
- + Sĩ quan biệt phái: 22
- + Chuyên viên chính: 11
- + Chuyên viên: 97
- + Viên chức giảng dạy: 327 *(chiếm 61,7% tổng số VC và NLD).*

4. *CTĐT và quy mô đào tạo*

a) CTĐT

Năm học 2018 - 2019, nhà trường tổ chức đào tạo:

- + 13 ngành cử nhân sư phạm: SP Toán, SP Ngữ văn, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, GDTH, GDMN, GD CD, GDTC, GDQP-AN, SP Lịch sử, SP Tiếng Anh, SP Tin học;
- + 05 ngành cử nhân ngoài sư phạm: Văn học, CNTT, VNH, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; 03 lớp SP Toán chất lượng cao thí điểm; 03 lớp SP Toán, 03 lớp SP Vật lý; 01 lớp GDMN dạy bằng Tiếng Anh thí điểm.
- + 17 CTĐT trình độ ThS, gồm: Toán giải tích, Toán ứng dụng, Sinh học thực nghiệm, Sinh thái học, Động vật học, Vật lý chất rắn, Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý, Khoa học máy tính, Lý luận văn học, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Giáo dục học (bậc tiểu học), Giáo dục Mầm non, Quản lý giáo dục, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hóa học.
- + 05 CTĐT trình độ tiến sĩ, gồm: Toán giải tích, Giáo dục học (tiểu học), Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Quản lý giáo dục, Sinh lý học thực vật.

b) Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	Nghiên cứu sinh	Học viên Cao học	Đại học	
			Giáo dục chính quy	Giáo dục thường xuyên
Khối ngành I	28	227	4726	2199
Khối ngành II	0	0	0	0
Khối ngành III	0	0	0	0
Khối ngành IV	19	45	5	0
Khối ngành V	10	78	23	0
Khối ngành VI	0	0	0	0
Khối ngành VII	0	38	715	0
Tổng	57	388	5469	2199

* Số liệu tính đến ngày 17/3/2019

5. Tài chính và quản lý tài chính

Trường ĐHSP Hà Nội 2 là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Nhà trường là đơn vị dự toán cấp 2 chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã hoàn thiện việc tổ chức bộ máy kế toán theo các hướng dẫn thi hành Luật kế toán; từng bước ứng dụng tin học trong công tác kế toán; thực hiện đúng quy trình lập kế hoạch, thanh quyết toán kinh phí cho các hoạt động của Nhà trường. Việc phân bổ và sử dụng tài chính của Nhà trường hàng năm được thực hiện công khai, dân chủ và minh bạch.

1.2.2. Bồi dưỡng tham gia ETEP

Chương trình Phát triển các trường sư phạm (Tên tiếng Anh: Enhancing Teacher Education Program - ETEP) do Ngân hàng thế giới tài trợ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục chương trình đầu tư tại Quyết định số 956/QĐ-TTg ngày 30/5/2016. Chương trình tập trung vào lĩnh vực tăng cường năng lực cho các trường ĐHSP chủ chốt, thông qua các hoạt động nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông theo các chuẩn nghề nghiệp GV và hiệu trưởng trường phổ thông mới.

Trường ĐHSP Hà Nội 2 là một trong 07 trường sư phạm trọng điểm của cả nước. Cùng với các trường sư phạm trọng điểm và Học viện Quản lý giáo dục, Trường ĐHSP Hà Nội 2 được ETEP chọn là một trong 08 trường ĐHSP chủ chốt đi tiên phong trong

việc phát triển năng lực các trường ĐHSP nhằm đáp ứng hiệu quả hơn với nhu cầu mới trong đào tạo SV sư phạm và bồi dưỡng thường xuyên GV phổ thông.

1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá

1.3.1. Điểm tồn tại

i) Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

- Chưa đánh giá hiệu quả của việc phổ biến tầm nhìn, sứ mạng đến các bên liên quan.
- Việc giám sát kết quả thực thi nhiệm vụ của viên chức, người lao động còn gặp khó khăn do chưa có bộ chỉ số đánh giá có định lượng rõ ràng.
- Đội ngũ VC chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng còn ít.
- Chưa hoàn thiện hệ thống khảo sát trực tuyến để thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động đảm bảo chất lượng của trường.

ii) Chương trình đào tạo

- Nhà trường đã ban hành công văn hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo đại học và sau đại học, tuy nhiên, một quy trình cho việc rà soát, chỉnh sửa các CTBD chưa được ban hành.
- Sự tham gia của các nhà tuyển dụng lao động trong việc xây dựng và điều chỉnh chương trình còn hạn chế.
- Có sự tham khảo các chương trình quốc tế, tuy nhiên việc tham khảo là chưa đồng đều và phổ biến.
- Công tác lấy ý kiến các bên liên quan về cấu trúc, mức độ đáp ứng của CTĐT đã được thực hiện song hiệu quả chưa cao.
- Trong thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nhà trường đã tham khảo ý kiến của các bên liên quan, việc thu thập và xử lý đã bước đầu được thực hiện một cách hệ thống, việc tiếp thu trực tiếp các CTĐT, BD tiên tiến của nước ngoài đã được thực hiện song còn hạn chế.
- Khâu kiểm tra và hành động khắc phục chưa được thực hiện một cách bài bản và hiệu quả.

iii) Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

- Chưa có kế hoạch dài hạn cho hoạt động KHCN.
- Số lượng các nghiên cứu về khoa học giáo dục có tầm cỡ quốc tế còn ít.
- Việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa được chú trọng.

- Hệ thống công nghệ thông tin vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển.

iv) Hoạt động đối ngoại

- Chưa có chính sách rõ ràng trong việc khuyến khích các giảng viên đưa bối cảnh địa phương vào các hoạt động giảng dạy.

- Chưa có chính sách rõ ràng trong việc khuyến khích các giảng viên cộng tác với cộng đồng lân cận cũng như cộng đồng khác trong và ngoài tỉnh.

- Công tác xây dựng các chính sách khuyến khích giảng viên, người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản... còn chưa đáp ứng với sự thay đổi nhanh của thực tiễn.

- Chưa văn bản hóa chính sách về hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhất là đối với nhóm nghiên cứu có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài.

- Số lượng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế còn ít (01 đang thực hiện, 01 đang tiến hành đàm phán).

- Việc cải thiện năng lực ngoại ngữ của giảng viên chưa đưa vào các chế tài.

- Nhà trường còn bị động trong việc ký kết cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học, cao đẳng khác.

- Chưa có khảo sát việc việc làm của cựu sinh viên tại các trường đại học sư phạm và trường đại học, viện nghiên cứu, cao đẳng, TCCN.

- Chưa có khảo sát của các nhà tuyển dụng là các trường đại học sư phạm, trường đại học, viện nghiên cứu, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

- Chưa có thống kê thường xuyên cựu sinh viên của Nhà trường đang công tác tại các trường đại học, cao đẳng, sở giáo dục.... hiện nay đang là học viên, NCS tại trường.

- Chưa đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

- Nhà trường còn bị động trong việc ký kết cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học, cao đẳng khác.

- Các biên bản ghi nhớ về việc tham gia thành viên của mạng lưới các trường sư phạm chưa được ký kết.

- Chưa có điều tra khảo sát thường xuyên các hoạt động của giảng viên tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo trong ngành giáo dục và các hoạt động chuyên sâu trong ngành.

- Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với các bài báo khoa học chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của viên chức. Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng viên và người học chưa được đáp ứng theo quy chuẩn.
- Nhà trường chưa xây dựng được hệ thống văn bản quy định cụ thể, rõ ràng về hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.
- Việc liên liên kết, hợp tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường với các cơ sở nước ngoài, cũng như các doanh nghiệp sản xuất vẫn còn hạn chế, phần lớn dừng lại ở các biên bản ghi nhớ, viếng thăm; còn ít những văn bản kí kết về liên kết trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.
- Website của một số đơn vị trong trường chưa thường xuyên cập nhật thông tin.
- Văn bản quy định về đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ, xuất bản phẩm chưa được phổ biến, tập huấn rộng rãi, thường xuyên đến đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm hạn chế việc vi phạm luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, quy định về xuất bản.

v) Môi trường sư phạm và các nguồn lực

- Trường chưa chú trọng đến việc thường xuyên đánh giá mức độ đáp ứng của các tòa nhà, vườn cây, bãi xe, căng tin, sân bãi phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, văn nghệ, vui chơi, sinh hoạt, giải trí trong trường đối với hoạt động dạy và học.
- Trường chưa chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan về cảnh quan để thường xuyên cải tiến chất lượng.
- Trường cũng chưa có báo cáo về sự hiệu quả của các hoạt động kết nối giảng viên - sinh viên ngoài lớp học.
- Nguồn tài chính thu được từ hoạt động hợp tác quốc tế còn ít.
- Trường chưa có dữ liệu khảo sát của VC và học viên, sinh viên về việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường.
- Nhà trường chưa thu thập phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của CSVC, thiết bị, tài liệu học tập phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.
- Nhà trường chưa tổ chức được nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.
- Tỷ lệ viên chức có học hàm PGS, GS còn thấp. Viên chức có trình độ ngoại ngữ đủ khả năng làm việc trực tiếp với đối tác nước ngoài còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Trường chưa có đánh giá riêng về chất lượng giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng dựa trên ý kiến phản hồi của người học nhằm có những đánh giá thực tế để cải tiến chất lượng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.

vi) Hỗ trợ dạy học

- Trường chưa có dữ liệu khảo sát giảng viên tập sự, giảng viên mới và cán bộ quản lý cấp khoa và phòng ban có liên quan về hệ thống hỗ trợ của trường đối với đội ngũ giảng viên tập sự và giảng viên mới.

- Bộ tiêu chuẩn đánh giá GV chưa được hoàn thiện.

- Mức thưởng cho GV có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí có uy tín còn thấp.

vii) Hỗ trợ học tập

- Thông tin về công tác tuyển sinh của các chương trình bồi dưỡng tại địa phương hiện vẫn thực hiện chủ yếu qua đường công văn nên hạn chế trong việc tiếp cận của người học.

- Trường có đội ngũ tư vấn học tập tại các khoa, nhưng việc theo dõi sự tiến bộ của các đối tượng gặp khó khăn trong học tập chưa thực sự chu đáo.

- Trường chưa có đơn vị chuyên trách về hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo và sau khi tốt nghiệp.

- Việc rà soát, cải tiến bộ công cụ kiểm tra đánh giá (đặc biệt là khâu đánh giá, thử nghiệm đề thi trước khi đưa vào lưu trữ theo ngân hàng đề) được triển khai chưa thường xuyên, quy trình chưa rõ ràng.

- Số lượng chương trình có sự tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động của Nhà trường chưa nhiều.

1.3.2. Điểm mạnh

i) Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

- Tầm nhìn được rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm đảm bảo sự phù hợp với sứ mạng, nhiệm vụ chiến lược của trường, của ngành, địa phương và cả nước.

- Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, viên chức quản lý, chuyên viên, nhân viên, người lao động của Nhà trường được phân định rất rõ ràng.

- Đội ngũ VC chuyên trách và kiêm nhiệm về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục có trình độ, được đào tạo bài bản, đáp ứng tốt yêu cầu đảm bảo chất lượng giáo dục đại học.

- CSDL về GV và SV của trường được lưu trữ đầy đủ bằng phần mềm và các hồ sơ dữ liệu.

- Nhà trường đã duy trì được kế hoạch và có phương pháp đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nghiêm túc, khách quan từ đánh giá đồng cấp đến người học đánh giá hoạt động của GV.

ii) Chương trình đào tạo

- Việc xây dựng, rà soát, chỉnh sửa các CTĐT và CTBD đã được thực hiện theo một quy trình đảm bảo về chất lượng, từ việc khảo sát, đánh giá hiện trạng, nhu cầu, tới xây dựng đội ngũ phát triển, dự thảo, thẩm định, tham vấn và ban hành.

- Các CTĐT cử nhân sư phạm được xây dựng dựa trên sự tham khảo kinh nghiệm trong nước và quốc tế, có sự trao đổi giữa các trường sư phạm chủ chốt, nhờ đó tạo được sự tương đối thống nhất về CTĐT của khối trường sư phạm.

- CTĐT được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt, kịp thời theo dự đoán nhu cầu nhân lực thị trường và những chuyển hướng trong phát triển nghề nghiệp của người học.

- CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng và đáp ứng các yêu cầu mới nhân lực của thị trường lao động (ít nhất 02 năm /lần).

- Nhà trường định kỳ hằng năm tổ chức Hội nghị triển khai TTSP lấy ý kiến phản hồi từ các Sở Giáo dục đào tạo, GV và CBQL các trường phổ thông nơi có SV đến TTSP.

- Công tác lấy ý kiến người học về CTĐT đã được thực hiện hàng năm, có kế hoạch cụ thể, kết quả được phân tích và gửi về các đơn vị.

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra; phong phú đa dạng về loại hình, bao quát và bám sát những vấn đề thời sự trong thực tiễn giáo dục hiện nay; bao quát được những tình huống học tập cơ bản ở nhà trường sư phạm và trường phổ thông; có sự phù hợp giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học sự hiểu biết toàn diện và có thể hình thành được ở họ những phẩm chất, năng lực cần thiết để thực hiện hoạt động giáo dục một cách có hiệu quả.

- Việc tổ chức, triển khai thực hiện chương trình linh hoạt, mềm dẻo, đáp ứng nhu cầu và điều kiện học tập khác nhau của người học.

iii) Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

- Nhà trường đặc biệt quan tâm đến phát triển các nhóm nghiên cứu về KHGD.

- Tạo ra được kết nối giữa các kết quả nghiên cứu với các địa phương, các trường phổ thông, đặc biệt quan tâm đến đổi mới giáo dục.

- Nhà trường có định hướng quản lý hoạt động khoa học công nghệ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, nhóm nghiên cứu, tổ chức liên kết,... thực hiện nhiệm vụ KH&CN đạt được kết quả tốt nhất.

iv) Hoạt động đối ngoại

- Sức mạng và tầm nhìn của trường phản ánh nhu cầu hợp tác với cộng đồng địa phương và khu vực.

- Trường có đóng góp lớn trong việc cung cấp nền giáo dục chất lượng cao cho cộng đồng và địa phương.

- Công tác đánh giá sự hợp tác giữa trường ĐHSP Hà Nội 2 được quan tâm thực hiện mang lại hiệu quả và tác động tốt cho việc điều chỉnh các kế hoạch hợp tác vùng, địa phương.

- Trường có cơ chế phù hợp cho sự tham gia của giáo viên tại địa phương vào công việc của trường và chương trình đào tạo.

- Trường tổ chức nhiều các sự kiện đồng thời kí kết nhiều các thỏa thuận hợp tác và tham gia vào việc kết nối mạng lưới các trường và các tổ chức khác trong khu vực, trong nước và ngoài nước phù hợp với mục tiêu và sứ mạng mà nhà trường đã nêu ra.

- Chính sách, cơ chế và sự hỗ trợ của nhà trường ngày càng bài bản, rõ nét, có hệ thống và đa dạng hơn; tạo ra không khí cởi mở, tự chủ hơn trong việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia mạng lưới quốc tế các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này.

- Lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các đơn vị ngày càng tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm những cơ hội cho hợp tác quốc tế.

- Trường đã hỗ trợ và đang phát triển một số chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các đối tác quốc tế.

- Trong chương trình đào tạo cử nhân hiện hành ở một số khoa, đã tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa.

- Nhà trường tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ngoại ngữ, tin học đối với giảng viên và người học.

- Hỗ trợ phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên và sinh viên.

- Trường ĐHSP Hà Nội 2 là nơi cung cấp nguồn nhân lực lớn có uy tín và chất lượng cho đất nước. Nhà trường có các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đa dạng,

đáp ứng được nhu cầu thực tế hiện nay. Quy mô, chất lượng đào tạo từng bước được khẳng định. Nhiều cựu sinh viên, học viên của nhà trường đang đảm nhiệm những vị trí quan trọng ở các Bộ, ngành và địa phương.

- Nhà trường đã phát huy được thế mạnh của trường sư phạm trong việc bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học.

- Nhà trường đã tham gia tích cực vào mạng lưới các trường sư phạm trong Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP).

- Nhà trường luôn khẳng định được vị thế dẫn đầu trong khối các trường đại học, cao đẳng Cụm Trung - Bắc.

- Đào tạo sau đại học của Nhà trường là một thế mạnh, quy mô và chất lượng đào tạo được khẳng định, nâng cao, là nơi cung cấp nguồn nhân lực lớn có chất lượng cho đất nước.

- Trường ĐHSPT Hà Nội 2 đã tham gia vào mạng lưới các trường đại học, cao đẳng từ khi mới được thành lập. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào danh sách 7 trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia.

- Nhà trường có chính sách hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện cho giảng viên và người học tham gia hoạt động chuyên môn, học tập nâng cao trình độ.

- Quan hệ hợp tác của Nhà trường không ngừng được mở rộng và phát triển, số lượng các dự án kí kết thành công, tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên có cơ hội tham gia hội nhập và nâng cao kiến thức.

- Có hệ thống các văn bản quy định và đã triển khai trên thực tế việc tuân thủ luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.

- Có các trang website để truyền thông về các hoạt động của Trường và các đơn vị trực thuộc.

- Dữ liệu về đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và có việc làm được công khai trên website.

v) Môi trường sư phạm và các nguồn lực

- Trường có môi trường dạy và học hợp lý, phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

- Nhà trường đã thực hiện đầu tư nhiều trang thiết bị, hệ thống CNTT và tài liệu học tập đáp ứng được mục đích dạy học.
- Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng nhu cầu sử dụng.
- Trường đã chủ động mở rộng hợp tác quốc tế để tăng các nguồn thu.
- Trường quan tâm, tạo điều kiện cử nhiều viên chức đi học tập, nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ tại các trường đại học ở trong và ngoài nước.
- Trường có hệ thống văn bản, kế hoạch tuyển dụng, quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, có tính cạnh tranh.

vi) Hỗ trợ dạy học

- Nhà trường có nhiều chính sách hỗ trợ giảng viên phát triển năng lực nghề nghiệp. Đặc biệt là hỗ trợ giảng viên tham gia sinh hoạt chuyên môn ở trường phổ thông/trường mầm non.
- Công tác đánh giá GV được thực hiện thường xuyên và khách quan.
- Trường có chế độ đãi ngộ và khen thưởng kịp thời cho GV có thành tích.

vii) Hỗ trợ học tập

- Trường có chính sách quy trình tuyển sinh rõ ràng, được thực hiện công bằng và minh bạch.
- Trường có các chính sách, đội ngũ cố vấn học tập cùng hệ thống văn bản, giấy tờ, hệ thống công nghệ thông tin quản lý đào tạo rõ ràng và đa dạng, hỗ trợ người học tốt để hoàn thành khoa học với kết quả tốt nhất.
- Nhà trường định kỳ triển khai thu thập thông tin phản hồi từ người học và nhà sử dụng lao động về kết quả kiểm tra, đánh giá và chất lượng đào tạo để làm căn cứ tiến hành rà soát, điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với mục tiêu học tập của người học, đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu của xã hội.
- Các hoạt động ngoại khóa của Nhà trường rất phong phú và đa dạng từ cấp Khoa đến cấp Trường. Đặc biệt, Trường là đơn vị đầu tiên trong cả nước tổ chức Hội thi NVSP cấp trường với sự tham gia chấm thi của giáo viên phổ thông và phần Thi Dạy học được thực hiện trực tiếp tại các trường phổ thông trên đối tượng học sinh thực tế (không sử dụng học sinh giả định như mọi năm), đồng thời chương trình được truyền phát trực tiếp về các điểm cầu trong trường để đông đảo sinh viên có thể theo dõi, học tập. Sự cải tiến này được cán bộ giảng viên và người học đánh giá rất cao, góp phần cải tiến chất lượng

đào tạo và phát triển việc giảng dạy cho người học.

1.3.3. Những vấn đề cần cải tiến chất lượng

i) Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

- (1) Đánh giá hiệu quả của việc phổ biến tầm nhìn, sứ mạng đến các bên liên quan.
- (2) Lập kế hoạch định kỳ 05 năm rà soát, điều chỉnh tầm nhìn; xây dựng kế hoạch chiến lược và triển khai thực hiện.
- (3) Hoàn thành thử nghiệm bộ chỉ số KPI trong đánh giá viên chức và triển khai áp dụng trong thực tiễn.
- (4) Chỉnh sửa các văn bản quản lý, điều hành.
- (5) Xây dựng kế hoạch bổ sung nhân sự chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng.
- (6) Phát triển hệ thống online để thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động đảm bảo chất lượng trường
- (7) Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo.
- (8) Cải tiến việc lưu trữ CSDL về GV và SV
- (9) Cử VC chuyên trách tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng về công tác ĐBCLGD
- (10) Cải tiến các phương thức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV: đánh giá đồng cấp và người học đánh giá

ii) Chương trình đào tạo

- (1) XD quy trình rà soát, cập nhật CTBD.
- (2) Tăng cường sự tham gia trực tiếp của nhà tuyển dụng vào Hội đồng xây dựng, đánh giá CTĐT.
- (3) Tăng cường tham khảo CTĐT quốc tế, trước hết là CTĐT của các trường ĐH trong khu vực khi xây dựng, điều chỉnh CTĐT.
- (4) Rà soát, cải tiến công tác lấy ý kiến các bên liên quan về: nội dung, phương pháp, kế hoạch triển khai, phân tích kết quả và sử dụng kết quả trong điều chỉnh CTĐT.
- (5) Tiếp tục gắn kết với các trường sư phạm chủ chốt trong xây dựng các CTĐT cử nhân sư phạm, đồng thời mở rộng sự gắn kết với các trường ĐH khác trong xây dựng CTĐT ngoài sư phạm.
- (6) Tiếp tục duy trì hoạt động bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo định kỳ 02 năm/lần.
- (7) Duy trì và đổi mới hình thức tổ chức Hội nghị triển khai TTSP hằng năm.

(8) Tham khảo học tập các chương trình ĐT, BD tiên tiến của nước ngoài; khảo sát, phân tích và tích hợp ý kiến của các bên liên quan (đặc biệt là nhà tuyển dụng và GD cốt cán phổ thông) trong xây dựng và phát triển chương trình ĐT, BD.

(9) Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, đặc biệt là giảng viên chủ chốt (chú trọng xây dựng các nhóm chuyên gia trong bồi dưỡng thường xuyên).

(10) Tăng cường cơ sở vật chất, đặc biệt là hạ tầng CNTT cho bồi dưỡng trực tuyến.

iii) Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

(1) Tăng cường cộng tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khoa học giáo dục với các cơ quan tổ chức trong nước và quốc tế

(2) Xây dựng kế hoạch dài hạn cho nghiên cứu KHCN

(3) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, đặc biệt là phân bổ thêm kinh phí và thiết bị nghiên cứu

(4) Mở rộng kết nối với các địa phương và các trường phổ thông

(5) Xây dựng đồng bộ cơ chế, chính sách thực hiện và quản lý các nhiệm vụ KH&CN của nhà trường

(6) Duy trì chính sách khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học đạt kết quả cao

iv) Hoạt động đối ngoại

(1) Xây dựng/bổ sung và ban hành hệ thống văn bản thể hiện chính sách rõ ràng trong việc khuyến khích các giảng viên đưa bối cảnh địa phương vào các hoạt động giảng dạy.

(2) Xây dựng/bổ sung và ban hành hệ thống văn bản thể hiện chính sách rõ ràng trong việc khuyến khích giảng viên cộng tác với cộng đồng lân cận cũng như cộng đồng khác trong và ngoài tỉnh.

(3) Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách phát triển hợp tác quốc tế về NCKH, chuyển giao tri thức, công nghệ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, liên kết đào tạo.

(4) Xây dựng quy trình thực hiện công việc cho các hoạt động chủ yếu của nhà trường.

(5) Xây dựng cơ chế hỗ trợ các nhóm nghiên cứu mạnh, nhất là nhóm nghiên cứu về KHGD, có sự tham gia của chuyên gia nước ngoài.

(6) Phát triển một số các chương trình liên kết đào tạo quốc tế: sư phạm Toán, dạy tiếng Việt, tiếng Trung...

(7) Nghiên cứu để đưa các yếu tố toàn cầu hóa, con người và môi trường vào các chương trình cử nhân sư phạm.

- (8) Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên đạt mức thông thạo theo quy định .
- (9) Ban hành quy định về năng lực ngoại ngữ của giảng viên tại trường.
- (10) Thực hiện công tác tổng kết, đánh giá các chính sách, cơ chế hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế hàng năm, và ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ.
- (11) Phát huy vai trò của các bên liên quan: Các đối tác quốc tế, các nhà tuyển dụng, các chuyên gia nước ngoài, giảng viên, cựu sinh viên, người học vào xây dựng chính sách và kế hoạch hợp tác quốc tế của nhà trường.
- (12) Tạo động lực tích cực để phát huy tính chủ động của các lãnh đạo đơn vị tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch hợp tác quốc tế.
- (13) Thực hiện công tác tổng kết, đánh giá các chính sách, cơ chế hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế hàng năm, và ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ.
- (14) Thúc đẩy mạnh mẽ các chương trình đào tạo cử nhân dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, qua đó làm tăng số lượng các chương trình đào tạo liên kết quốc tế.
- (15) Triển khai đa dạng hóa các loại hình hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, trao đổi sinh viên, giảng viên với các trường đại học, các tổ chức quốc tế theo mô hình win-win.
- (16) Thực hiện công tác tổng kết, đánh giá các chính sách, cơ chế hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế hàng năm, và ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ.
- (17) Tiếp tục xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên với vai trò nòng cốt là khoa Ngoại ngữ.
- (18) Chủ động đặt quan hệ ký kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học cao đẳng, TCCN.
- (19) Xây dựng phiếu khảo sát và khảo sát việc làm của cựu sinh viên tại các trường đại học sư phạm và trường đại học, viện nghiên cứu, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.
- (20) Xây dựng phiếu khảo sát và khảo sát các nhà tuyển dụng là các trường đại học sư phạm trường đại học, viện nghiên cứu, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.
- (21) Xây dựng kế hoạch thống kê thường xuyên cựu sinh viên của Nhà trường đang công tác tại các trường đại học, cao đẳng, Sở Giáo dục.... hiện nay đang là học viên, NCS tại trường.
- (22) Đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- (23) Chủ động đặt quan hệ ký kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học cao đẳng, TCCN.
- (24) Xây dựng các Biên bản ghi nhớ về việc tham gia thành viên của mạng lưới các trường sư phạm chưa được ký kết.
- (25) Xây dựng kế hoạch khảo sát thường xuyên các hoạt động của giảng viên tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo trong ngành giáo dục và các hoạt động chuyên sâu trong ngành.
- (26) Các biện pháp hỗ trợ cho giảng viên và người học nên được rà soát và bổ sung hàng năm để có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.
- (27) Quan tâm xây dựng hệ thống văn bản về hoạt động hợp tác.
- (28) Tăng cường mở rộng quy mô hợp tác với các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học, cũng như các địa phương, doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.
- (29) Đẩy mạnh hơn nữa việc thu hút sinh viên người nước ngoài đến học tập và nghiên cứu.
- (30) Xây dựng đội ngũ các nhà khoa học có năng lực ngoại ngữ tốt để chiếm lĩnh các dự án quốc tế.
- (31) Hoạt động sau đại học của Nhà trường là một thế mạnh cần được tiếp tục quan tâm phát huy thế mạnh của mình.
- (32) Trường được chọn vào danh sách 7 trường ĐHSP trọng điểm quốc gia. Trên cơ sở đó Nhà trường tiến tới mở rộng quy mô tham gia mạng lưới các trường sư phạm trong và ngoài nước.
- (33) Duy trì và tăng thêm các biện pháp hỗ trợ kinh phí cho giảng viên và người học tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.
- (34) Duy trì và phát triển với các mối quan hệ đã được ký kết. Trên cơ sở đó mở rộng quy mô hợp tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với những cơ sở mới.
- (35) Website của một số đơn vị trong trường thường xuyên cập nhật thông tin.
- (36) Quy định về đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ, xuất bản phẩm chưa được phổ biến, tập huấn rộng rãi, thường xuyên đến đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm hạn chế việc vi phạm luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, quy định về xuất bản.

(37) Tăng cường sử dụng phần mềm chống đạo văn để nâng cao chất lượng các ấn phẩm chuyên môn.

(38) Tiếp tục cập nhật và đang hóa hơn nữa các thông tin trên websile của Trường và các đơn vị.

(39) Tiếp tục công khai đầy đủ dữ liệu về đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và có việc làm được trên website.

v) *Môi trường sư phạm và các nguồn lực*

(1) Thành lập hội đồng rà soát khuôn viên trường và đề xuất các biện pháp cải tiến.

(2) Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan về cảnh quan để thường xuyên cải tiến chất lượng.

(3) Khảo sát và báo cáo về sự hiệu quả của các hoạt động kết nối giảng viên - sinh viên ngoài lớp học.

(4) Lập kế hoạch, triển khai các dự án cải thiện trang thiết bị phục vụ cho các phương pháp giảng dạy và học tập hiện đại nhằm cải tiến môi trường dạy học của nhà trường.

(5) Tiến hành khảo sát của VC và học viên, sinh viên về việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường.

(6) Thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của CSVC, thiết bị, tài liệu học tập phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

(7) Tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.

(8) Tiến hành triển khai các dự án nâng cấp CSVC, hệ thống CNTT, trang thiết bị và tài liệu học tập nhằm đáp ứng tốt hơn mục đích giáo dục của Nhà trường, giúp GV và người học sử dụng linh hoạt, đáp ứng tính sáng tạo trong giảng dạy các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn.

(9) Tìm kiếm và kí kết quan hệ hợp tác với những cơ sở đào tạo và NCKH lớn trong khu vực và thế giới.

(10) Xây dựng đội ngũ các nhà khoa học có năng lực và khả năng sử dụng ngoại ngữ tốt để chiếm lĩnh các dự án có yếu tố nước ngoài.

(11) Lập kế hoạch tìm kiếm nguồn lực để gia tăng nguồn thu hợp pháp cho trường.

(12) Triển khai các hợp đồng đào tạo nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với năng lực của trường.

(13) Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế để tăng các nguồn thu.

(14) Nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

(15) Xây dựng chính sách có tính đột phá trong việc thu hút nhân lực chất lượng cao.

(16) Đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng dựa trên phản hồi của người học.

(17) Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội hợp tác đào tạo, bồi dưỡng với các trường đại học ở các nước phát triển.

(18) Cử cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tại các trường đại học ở trong và ngoài nước.

vi) Hỗ trợ dạy học

(1) Có kế hoạch khảo sát giảng viên tập sự, giảng viên mới và cán bộ quản lý cấp khoa và phòng ban có liên quan về hệ thống hỗ trợ của trường đối với đội ngũ giảng viên tập sự và giảng viên mới.

(2) Tiếp tục hỗ trợ giảng viên phát triển năng lực nghề nghiệp. Đặc biệt là hỗ trợ giảng viên tham gia sinh hoạt chuyên môn ở trường phổ thông/trường mầm non.

(3) Hoàn thiện và ban hành bộ KPI cho đánh giá GV.

(4) Tăng mức đãi ngộ với GV có thành tích trong giảng dạy và NCKH.

(5) Thực hiện đánh giá GV thường xuyên từ cấp bộ môn đến khoa và nhà trường.

(6) Kịp thời công nhận thành tích và có chế độ đãi ngộ xứng đáng thúc đẩy GV nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

vii) Hỗ trợ học tập

(1) Thông báo tuyển sinh, chương trình môn học của các chương trình bồi dưỡng cần được công bố rõ ràng trên website.

(2) Đào tạo đội ngũ tư vấn học tập để trở thành điểm kết nối giữa người học và nhà trường.

(3) Thành lập Trung tâm hỗ trợ, tư vấn và giới thiệu việc làm cho SV.

(4) Nhân rộng phương thức thực hiện của đào tạo trình độ đại học chính quy sang các chương trình đào tạo và bồi dưỡng khác.

(5) Xây dựng quy định về việc thử nghiệm, đánh giá đề thi trước khi được lưu trữ trong ngân hàng đề.

(6) Xây dựng quy định về hoạt động rà soát, cải tiến bộ công cụ kiểm tra, đánh giá.

(7) Định kỳ triển khai hoạt động thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động kiểm tra, đánh giá và công nhận năng lực người học.

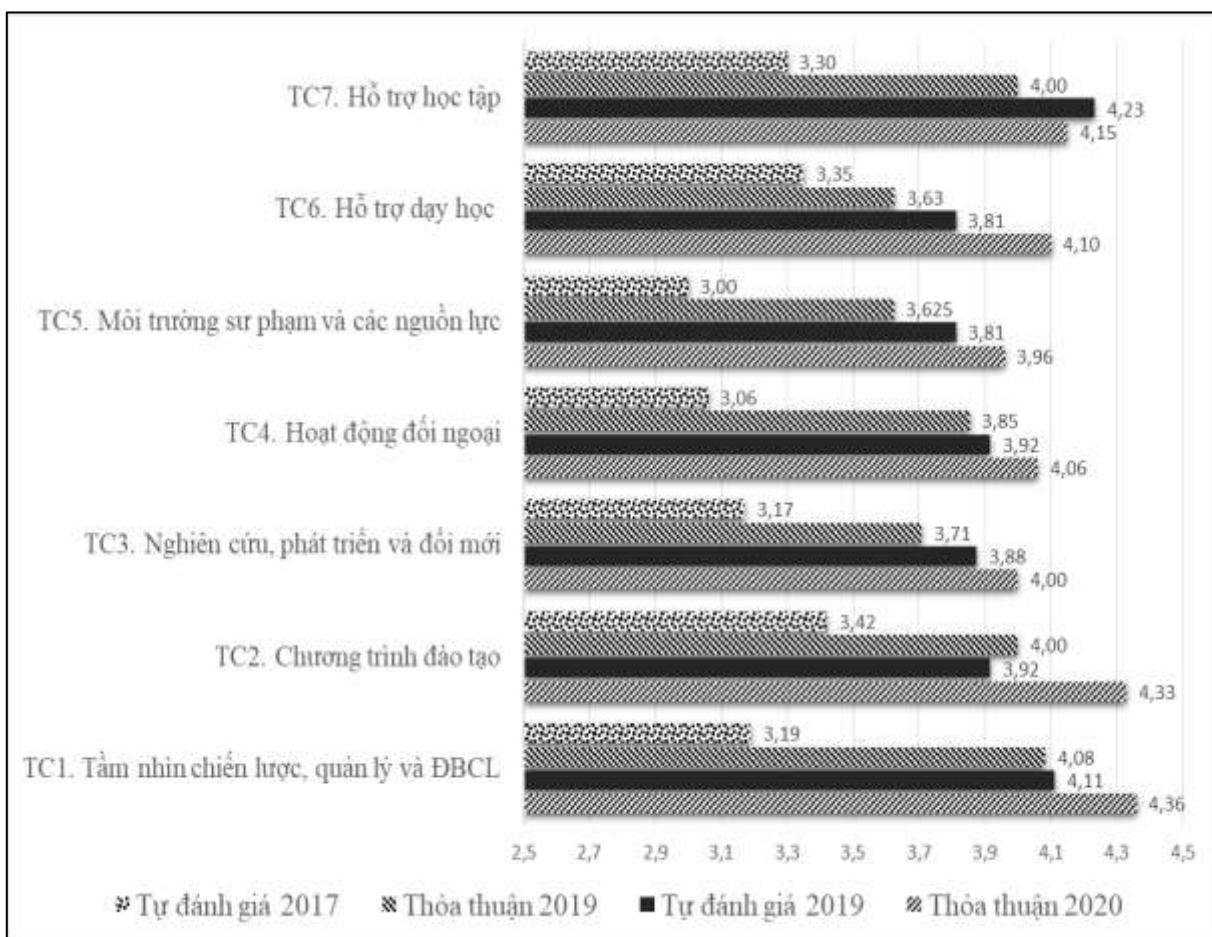
(8) Thiết lập báo cáo đối sánh kết quả điều tra, khảo sát để làm căn cứ rà soát, cải tiến chất lượng đào tạo.

(9) Tổ chức các chương trình kết nối, chia sẻ, hợp tác giữa Nhà trường với cựu SV trên cơ sở kết nối giữa Trường với Ban liên lạc CSV ở các khoa, các tỉnh.

(10) Tổ chức ít nhất 10 hoạt động ngoại khóa/năm cho người học.

(11) Duy trì tổ chức Hội thi NVSP cấp trường thực hiện trực tiếp nhiều phần thi tại các trường phổ thông để phát triển việc giảng dạy cho người học.

1.3.4. Điểm tự đánh giá các lĩnh vực



Phần 2. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược

1. Mô tả

Chỉ số 1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường

Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã xây dựng quy hoạch phát triển tổng thể nhà trường giai đoạn 2010-2020 [H1.01.01.01]. Trong giai đoạn này, sứ mạng của Trường ĐHSP Hà Nội 2 là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học trình độ đại học và sau đại học; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trình độ cao phục vụ sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H1.01.01.02]. Tầm nhìn đến năm 2030, Trường ĐHSP Hà Nội 2 là trường đại học theo định hướng nghiên cứu kết hợp đào tạo nghề, đạt trình độ của các trường được xếp hạng cao trong nước và được xếp hạng trong khu vực Đông Nam Á [H1.01.01.02].

Năm 2016, Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ phù hợp của tầm nhìn với sứ mạng, với thực tiễn của trường trong giai đoạn phát triển mới [H1.01.01.03].

Từ năm 2017, Trường ĐHSP Hà Nội 2 tham gia Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xây dựng trường ĐHSP Hà Nội 2 trở thành trường đại học sư phạm chủ chốt của đất nước. Nhà trường có chủ trương điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, xây dựng kế hoạch chiến lược cho giai đoạn phát triển mới. Nhà trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu, triển khai xây dựng chiến lược phát triển trường [H1.01.01.04; H1.01.01.05]; xây dựng tài liệu hướng dẫn (sử dụng phân tích SWOT trong hình thành chiến lược) [H1.01.01.06]; mời chuyên gia tư vấn; tổ chức hội nghị tham vấn các bên liên quan [H1.01.01.07; H1.01.01.08]; tổ chức hội thảo tham vấn xây dựng chiến lược phát triển trường [H1.01.01.09].

Ngày 20/8/2018, Thỏa thuận thực hiện chương trình ETEP [H1.01.01.10] đã được ký giữa Ban quản lý chương trình ETEP (Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Trường ĐHSP Hà Nội 2.

Các văn bản được xây dựng kèm theo Thỏa thuận thực hiện chương trình ETEP bao gồm: Sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược [H1.01.01.11]; Kế hoạch phát triển năng lực nhà trường [H1.01.01.12]; Lộ trình phát triển năng lực nhà trường theo bộ chỉ

số Teidi [H1.01.01.13]; Kế hoạch hoạt động - tài chính [H1.01.01.14]; Giám sát và đánh giá các chỉ số mục tiêu phát triển và các chỉ số kết quả chương trình [H1.01.01.15]; Giám sát và đánh giá các chỉ số liên kết giải ngân [H1.01.01.16]; Giám sát và đánh giá các chỉ số thực hiện của chương trình [H1.01.01.17].

Tuyên ngôn sứ mạng của trường trong giai đoạn phát triển mới:

Trường ĐHSP Hà Nội 2 có sứ mạng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức và công nghệ trình độ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục khu vực nông thôn và miền núi phía Bắc với khu vực thành thị, thiết lập mô hình tiêu biểu về mạng lưới kết nối giữa trường sư phạm với các trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập của đất nước. [H1.01.01.11]

Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường có các nội dung tương ứng phù hợp với sứ mạng của trường. Trong giai đoạn phát triển mới, sứ mạng của Trường ĐHSP Hà Nội 2 có đặc trưng riêng phân biệt với các trường đại học sư phạm khác, đó là “thiết lập mô hình tiêu biểu về mạng lưới kết nối giữa trường sư phạm với các trường phổ thông”. Với đặc trưng này, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường được xây dựng có nội dung tương ứng:

- Tầm nhìn đến năm 2030: “là trường đại học có uy tín ở khu vực Đông Nam Á về đào tạo giáo viên và kết nối với hệ thống các trường phổ thông”. [H1.01.01.11]

- Trong chiến lược phát triển trường: “Xây dựng mô hình điển hình quốc gia trong kết nối với hệ thống các trường phổ thông trong đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp dạy học và triển khai bồi dưỡng thường xuyên với các trường phổ thông, các sở giáo dục và đào tạo.” [H1.01.01.11]

- Trong kế hoạch chiến lược của trường:

Nội dung: Hợp tác với các trường phổ thông và các sở GD&ĐT.

Mục tiêu tổng quát: Nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường phổ thông, đặc biệt là các trường ở khu vực nông thôn và miền núi phía Bắc.

Mục tiêu cụ thể:

- + Xây dựng hệ thống mạng lưới hợp tác với các trường phổ thông nhằm thiết lập mô hình điển hình quốc gia về dự án hợp tác của trường sư phạm với các trường phổ thông ở Việt Nam.

+ Ký kết và tái ký kết biên bản hợp tác với các trường phổ thông và các sở GD&ĐT nhằm hỗ trợ và triển khai các kết quả nghiên cứu, các chương trình BDTX, cung cấp phản hồi về chương trình đào tạo, chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nâng cao chất lượng giáo viên phổ thông, các nhà quản lý giáo dục, mở rộng các địa điểm thực tập cho sinh viên.

+ Tổ chức buổi/phiên trao đổi về đổi mới giáo dục cho giáo viên phổ thông trong mỗi đợt sinh hoạt chuyên môn của giảng viên.

+ Rà soát và cải thiện nội dung và phương pháp tổ chức thực hiện các chương trình BDTX mới. [H1.01.01.11]

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được phê duyệt cho từng năm [H1.01.01.18; H1.01.01.19; H1.01.01.20]. Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, nhà trường giao cho các đơn vị chức năng triển khai thực hiện [H1.01.01.21].

Chỉ số 1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường

Để tầm nhìn, sứ mạng được phổ biến tới các bên liên quan, việc “phổ biến rộng rãi Kế hoạch chiến lược tới toàn thể viên chức trong trường và các bên liên quan”, trong đó có tầm nhìn, sứ mạng, được xác định là một phần trong Kế hoạch chiến lược [H1.01.01.11] với các kết quả cụ thể được đặt ra: 02 hội nghị viên chức trường và các bên liên quan được tổ chức; Kế hoạch chiến lược được công bố trên website trường. Việc công khai, phổ biến tới các bên liên quan trong kế hoạch chiến lược được cụ thể hóa trong các kế hoạch của từng hoạt động cụ thể, như: Kế hoạch tổ chức Hội nghị thực tập sư phạm, Kế hoạch soạn thảo sổ tay sinh viên,... Thực hiện kế hoạch đã đề ra, Nghị quyết của Đảng ủy theo nhiệm kỳ, theo năm học đã quán triệt sứ mạng tầm nhìn của trường [H1.01.01.22; H1.01.01.23]; Chiến lược phát triển nhà trường đã được phổ biến tới trường các đơn vị trong trường [H1.01.01.24]; đã công bố tầm nhìn, sứ mạng trên website trường, trong sổ tay sinh viên, kẹp file, sổ công tác [H1.01.01.25]. Nhà trường đã tổ chức Hội nghị với các sở GD&ĐT để truyền thông về chiến lược phát triển của trường [H1.01.01.26].

Kế hoạch triển khai các hoạt động phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng trường được xác định ngay trong các hoạt động cụ thể trong Kế hoạch chiến lược [H1.01.01.11]. Hàng năm, Nhà trường triển khai cho các đơn vị trong trường xây dựng kế hoạch công tác năm học của đơn vị, phối hợp xây dựng kế hoạch công tác năm học của trường với

định hướng các hoạt động được xác lập bám sát vào sứ mạng và tầm nhìn [H1.01.01.27], [H1.01.01.28]. Từ đó, các hoạt động cụ thể của từng đơn vị cũng như của trường được thực hiện luôn bám sát sứ mạng, tầm nhìn, như: Ký kết và tái ký kết biên bản hợp tác với các trường phổ thông và các sở GD&ĐT [H1.01.01.29]; Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý các tỉnh Hưng Yên, Hà Giang, Lào Cai,... [H1.01.01.30]... Hiệu quả triển khai các hoạt động được thường xuyên rà soát qua: báo cáo giao ban tháng của các đơn vị [H1.01.01.31], họp tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, báo cáo tổng kết năm học [H1.01.01.32], báo cáo tại hội nghị viên chức [H1.01.01.33], giao ban giữa ban quản lý ETEP với các trường các đơn vị và tổ Giám sát - Đánh giá [H1.01.01.34; H1.01.01.35]....

2. Điểm mạnh

Tầm nhìn được rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm đảm bảo sự phù hợp với sứ mạng, nhiệm vụ chiến lược của trường, của ngành, địa phương và cả nước.

3. Điểm tồn tại

Chưa đánh giá hiệu quả của việc phổ biến tầm nhìn, sứ mạng đến các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đánh giá hiệu quả của việc phổ biến tầm nhìn, sứ mạng đến các bên liên quan	KT&ĐBCLGD	4/2020	6/2020
2	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch định kỳ 05 năm rà soát, điều chỉnh tầm nhìn; xây dựng kế hoạch chiến lược và triển khai thực hiện.	Tập thể lãnh đạo Trường	2020	5 năm/lần

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường.				x			
Chỉ số 1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường.				x			
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chí 1.2. Quản lý

1. Mô tả

Chỉ số 1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực

Nhằm thực hiện sứ mạng, triển khai hiệu quả kế hoạch chiến lược, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã lập kế hoạch để từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hệ thống các chính sách, quy trình, quy định, công cụ. Trong mỗi giai đoạn phát triển, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng, rà soát và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, quy định và các công cụ liên quan là những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển và kế hoạch dài hạn/trung hạn của Trường. Một số thể hiện rõ nét là: “Xây dựng quy chế ưu tiên tuyển dụng cán bộ, giảng viên theo hướng lựa chọn, thu hút được cán bộ có trình độ cao về trường”, “Xây dựng quy chế quản lý kế hoạch, kinh phí và chất lượng các đề tài, nhiệm vụ NCKH”,... [H1.01.02.01]; “Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá (tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học, chất lượng công tác quản lý, phục vụ”,... [H1.01.02.02]; “Cải thiện các quy trình quản lý và cơ cấu tổ chức”, “Cải thiện cơ chế đảm bảo chất lượng”, “Xây dựng chính sách và quy trình thu thập và quản lý dữ liệu nghiên cứu”, “Xây dựng chính sách cho hợp tác quốc tế và kế hoạch hợp tác”,... [H1.01.02.03].

Các định hướng về hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ được cụ thể hóa trong kế hoạch của từng năm học [H1.01.02.04], và tiếp tục được chi tiết bằng các kế hoạch thực hiện hoạt động [H1.01.02.05].

Tới thời điểm hiện tại, về cơ bản, Trường đã cơ bản hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực:

Về cơ cấu tổ chức, Nhà trường đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hoạt động quản lý theo quy định, mô hình chung của một cơ sở giáo dục ĐH Việt Nam, phù hợp với một trường đào tạo giáo viên. Hiện nay, Nhà trường được tổ chức theo 03 cấp quản lý: Cấp Trường; Cấp Khoa, Phòng và tương đương; Cấp Bộ môn và tương đương [H1.01.02.06]. Nhà trường có các tổ chức, bộ phận theo quy định của *Luật giáo dục ĐH, Điều lệ trường ĐH* và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước hiện hành [H1.01.02.06, H1.01.02.07, H1.01.02.08, H1.01.02.09, H1.01.02.10], gồm hội đồng trường; hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng; hội đồng khoa học và đào tạo, hội đồng khác; 13 khoa/đơn vị thực hiện đào tạo; 11 phòng ban chức năng, 02 trung tâm; 03 viện nghiên

cứu; tổ chức phục vụ đào tạo khác.

Hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ, được văn bản hóa, gồm: các văn bản về định hướng chiến lược và kế hoạch; các văn bản để tổ chức thực hiện; hệ thống văn bản chỉ đạo; các văn bản giám sát, kiểm tra. Và bao quát các mảng hoạt động trong trường: tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, hành chính, công tác học sinh sinh viên, đảm bảo chất lượng giáo dục, thanh tra, tài chính, cơ sở vật chất, công tác đoàn thể [H1.01.02.11].

Những phản hồi về hiệu quả hoạt động của cơ cấu tổ chức cùng hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ thường xuyên được Nhà trường theo dõi, đánh giá qua nhiều kênh thông tin khác nhau như: Hiệu trưởng tiếp dân, Hội nghị Hiệu trưởng/trưởng khoa tiếp xúc đại diện sinh viên hàng tháng, giao ban công tác tháng [H1.01.02.12], Hòm thư góp ý cho Hiệu trưởng, Ban Thanh tra nhân dân [H1.01.02.13], Hội nghị CBVC trường [H1.01.02.14], Hội nghị CBVC các đơn vị [H1.01.02.15],... Bên cạnh sự kiểm tra, theo dõi thường xuyên, Nhà trường cũng định kỳ tổ chức các đợt rà soát để có những bổ sung, sửa đổi để phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, Bộ GD&ĐT và tình hình hoạt động thực tế [H1.01.02.16; H1.01.02.17; H1.01.02.18].

Trên cơ sở rà soát, đánh giá hiệu quả của cơ cấu tổ chức, hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ, đối chiếu với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã có thực hiện nhiều điều chỉnh, cải tiến rõ nét. Trường xác định khung vị trí việc làm và dựa vào yêu cầu của nhiệm vụ chiến lược để xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự 5 năm và hàng năm [H1.01.02.19, H1.01.02.20]; Lập và thực thi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, đặc biệt là bồi dưỡng đội ngũ giảng viên cốt cán để bồi dưỡng thay sách giáo khoa, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục [H1.01.02.21]. Trước năm 2017, hệ thống văn bản quản lý điều hành của Nhà trường ở một số lĩnh vực còn chưa đầy đủ. Năm 2017, Nhà trường có hệ thống văn bản quản lý, điều hành đầy đủ [H1.01.02.11]. Năm 2018, Nhà trường đã tiến hành rà soát cơ cấu tổ chức, đề xuất mô hình quản lý mới theo hướng giảm đầu mối, tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý [H1.01.02.06]. Từ năm 2018, Nhà trường thực hiện giảm số lượng cấp phó, sát nhập một số đơn vị có chức năng nhiệm vụ tương đồng, tránh chồng chéo, bỏ sót công việc. Hiện nay, mỗi đơn vị thành viên có không quá 02 cấp phó [H1.01.02.23]; số đơn vị đầu mối giảm 03 đơn vị [H1.01.02.24, H1.01.02.25]. Để khuyến khích viên chức tham gia

nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã thành lập 02 viện nghiên cứu và có nhiều nhóm nghiên cứu mạnh [H1.01.02.26, H1.01.02.27, H1.01.02.28]. Nhà trường có nhiều chính sách khuyến khích viên chức tham gia nghiên cứu khoa học như chính sách thưởng các công trình khoa học, hỗ trợ viên chức tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ở trong và ngoài nước [H1.01.02.29]. Quy chế chi tiêu nội bộ được thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực [H1.01.02.30].

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường sau khi được tái cấu trúc đã dần đi vào hoạt động, bước đầu có hiệu quả rõ rệt. Nhà trường đang tiến hành cho một số đơn vị tiến hành thí điểm tự chủ về tài chính [H1.01.02.31]. Những phản hồi thu nhận được của giảng viên, nhân viên các đơn vị này khá tích cực.

Chỉ số 1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm

Trường đã ban hành các quy chế, quy định hoạt động của các lĩnh vực đào tạo, công tác chính trị học sinh-sinh viên, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ, hành chính, quản lý tài sản, thu chi tài chính. Đặc biệt là Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.02.32]. Các văn bản này phân định rõ chức năng, trách nhiệm, quyền hạn, cách thức xử lý công việc của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người lao động.

Các mảng công việc của các đơn vị chức năng cũng đã được các đơn vị phân công rõ ràng cho các cá nhân chịu trách nhiệm. Sự sắp xếp này phù hợp với năng lực chuyên môn của từng người. Chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân được cụ thể hóa trong Đề án vị trí việc làm [H1.01.02.33]. Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ và quyền lợi của giảng viên trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học được thực hiện theo quy định của nhà nước [H1.01.02.34].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên, nhân viên phục vụ trong trường [H1.01.02.35]. Các ý kiến phản hồi góp ý đều mang tính xây dựng. Năng lực chuyên môn của các nhân sự trong Nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu của từng vị trí việc làm [H1.01.02.36].

Chỉ số 1.2.3. Toàn bộ nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ

Các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm và tương đương trong Nhà trường đều có quy trình giải quyết các công việc [H1.01.02.37]. Trong các quy trình đó, việc giải quyết công việc nêu rõ thời hạn xử lý, người thực hiện. Hiện nay, Nhà trường đã đưa vào sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, trong đó có phần quản lý sự giao việc, tiến trình vào kết quả thực hiện, cũng như chất lượng xử lý các công việc.

Hàng tháng, các đơn vị đều đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động. Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động [H1.01.02.38]. Từ đó, Nhà trường có khen thưởng các cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nhà trường, cũng như có kế hoạch khắc phục các tồn tại [H1.01.02.39].

Hiện nay, Nhà trường đang cho các đơn vị rà soát lại các quy trình, thủ tục [H1.01.02.40]. Dự kiến cuối năm 2019, Nhà trường sẽ đưa Bộ phận một cửa đi vào phục vụ nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian xử lý các quy trình, thủ tục.

2. Điểm mạnh

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, viên chức quản lý, chuyên viên, nhân viên, người lao động của Nhà trường được phân định rất rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Việc giám sát kết quả thực thi nhiệm vụ của viên chức, người lao động còn gặp khó khăn do chưa có bộ chỉ số đánh giá có định lượng rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thành thử nghiệm bộ chỉ số KPI trong đánh giá viên chức và triển khai áp dụng trong thực tiễn.	P. TC-HC, các đơn vị	1/2020	6/2020
2	Phát huy điểm mạnh	Chỉnh sửa các văn bản quản lý, điều hành.	Các phòng chức năng, các khoa	1/2020	4/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.					x		

Chỉ số 1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm.				x			
Chỉ số 1.2.3. Toàn bộ nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ.				x			
Điểm tiêu chí:	4,3						

Tiêu chí 1.3. Đảm bảo chất lượng

1. Mô tả

Chỉ số 1.3.1. Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong

Trường ĐHSP Hà Nội 2 có chính sách thích hợp về đảm bảo chất lượng. Nhiệm vụ về đảm bảo chất lượng được đề ra trong Mục tiêu chiến lược và Chiến lược phát triển của trường trong từng giai đoạn [H1.01.03.01]; được ban hành trong kế hoạch công tác năm học hàng năm [H1.01.03.02], trong các Nghị quyết của Đảng bộ theo nhiệm kỳ, theo năm học và theo hàng tháng [H1.01.03.03; H1.01.03.04; H1.01.03.05].

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục của trường thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục [H1.01.03.06; H1.01.03.07; H1.01.03.08]. Hiện nay, Trung tâm 07 viên chức với 02 tiến sĩ, 03 thạc sĩ và 02 cử nhân, trong đó 04 viên chức chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng [H1.01.03.09]. Các viên chức của Trung tâm, đặc biệt là viên chức chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng, được tham gia tập huấn, hội thảo về các nội dung khảo thí, đánh giá chất lượng, đảm bảo chất lượng và văn hóa chất lượng trong trường đại học [H1.01.03.10]. Nhà trường cũng tạo điều kiện cho một số viên chức trong trường, đặc biệt là các viên chức quản lý tham gia các khóa đào tạo Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục [H1.01.03.11].

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục của trường là đơn vị đầu mối xây dựng và triển khai các kế hoạch công tác về đảm bảo chất lượng giáo dục [H1.01.03.12]. Hàng năm, các hoạt động về đảm bảo chất lượng của trường được đánh giá đạt hiệu quả [H1.01.03.13].

Nhà trường tạo điều kiện cho các viên chức tham gia học tập, chia sẻ kinh nghiệm về công tác đảm bảo chất lượng với các đơn vị ngoài trường [H1.01.03.14], tạo điều

kiện cho các đơn vị ngoài trường đến học tập, chia sẻ kinh nghiệm về công tác đảm bảo chất lượng của trường [H1.01.03.15].

Năm 2018 Nhà trường đã triển khai xây dựng chiến lược đảm bảo chất lượng nội bộ giai đoạn 2018-2023 [H1.01.03.16]. Chiến lược này là cơ sở định hướng cho các hoạt động đảm bảo chất lượng của trường trong giai đoạn phát triển mới.

Chỉ số 1.3.2. Trường đã tiến hành tự đánh giá trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục

Từ năm 2007, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã triển khai tự đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục đại học. Năm học 2016-2017, Trường đã triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học. Năm 2018, Trường ĐHSP Hà Nội 2 được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 83,6% [H1.01.03.17; H1.01.03.18; H1.01.03.19; H1.01.03.20; H1.01.03.21].

Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ đại học: Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp (năm 2011); Sư phạm Toán, Sư phạm Ngữ văn, Giáo dục Tiểu học (năm 2017); Sư phạm Vật lý, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Tiếng Anh, Giáo dục Mầm non (năm 2018) [H1.01.03.22; H1.01.03.23].

Năm học 2019-2020, Trường ĐHSP Hà Nội 2 có kế hoạch đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo: Sư phạm Toán, Sư phạm Ngữ văn, Giáo dục Tiểu học; kế hoạch cải tiến chất lượng 04 chương trình đào tạo đã triển khai tự đánh giá: Sư phạm Vật lý, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Tiếng Anh, Giáo dục Mầm non; kế hoạch tự đánh giá 04 chương trình đào tạo: Sư phạm Hóa học, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục Công dân, Giáo dục thể chất; kế hoạch triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ đại học còn lại của trường [H1.01.03.24].

Chỉ số 1.3.3. Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học

Chiến lược phát triển của Trường ĐHSP Hà Nội 2 ở mỗi giai đoạn đều có những định hướng cụ thể đối với việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý. Quy hoạch phát triển tổng thể trường ĐHSP Hà Nội 2 đến năm 2020 xác định “tăng cường hệ thống vi tính, các trang thiết bị, phương tiện, phòng ốc..., các chương trình phần mềm tin học...” [H1.01.03.25]. Trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2018-

2022, Nhà trường lập kế hoạch thực hiện việc “Xây dựng hệ thống quản trị online để quản lý toàn bộ hoạt động đào tạo, giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác của trường”, “Cải thiện hệ thống thông tin phục vụ cho thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để đảm bảo tính hiệu quả của công tác đảm bảo chất lượng trong nhà trường”,... [H1.01.03.26]. Các định hướng chiến lược trên được cụ thể hóa trong kế hoạch của từng năm học [H1.01.03.02] để triển khai thực hiện.

Để nâng cao chất lượng công tác quản lý, Nhà trường đã sớm triển khai xây dựng và đưa vào khai thác song hành các hệ thống thông tin tích hợp (Integrated Information System). Mỗi hệ thống bao gồm nhiều hệ thống chức năng con, kết nối và phục vụ cho một số lĩnh vực quản lý của trường. Các hệ thống này sử dụng một trong hai hình thức tích hợp, tích hợp tổng thể hoặc ghép nối dần các phân hệ mới vào hệ đã có. Các hệ thống cơ bản hiện có của Nhà trường gồm:

(1) Hệ thống thông tin tích hợp để quản lý hoạt động đào tạo:

Trường ĐHSP Hà Nội 2 triển khai sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Unisoft bắt đầu từ năm 2011 [H1.01.03.27]. Đối tượng sử dụng và khai thác chính gồm: Lãnh đạo, chuyên viên, giảng viên và sinh viên. Các đơn vị tham gia quản lý là phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, các khoa/trung tâm/viện, phòng Tài vụ. Phần mềm Unisoft cho phép quản lý nhiều bậc học: đại học, sau đại học,...; quản lý nhiều loại hình đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học,...; đảm bảo các quy trình nghiệp vụ của phần mềm phù hợp với các quy chế của Bộ GD&ĐT. Đây là giải pháp giúp nhà Trường tạo lập một hệ thống thông tin tích hợp, phục vụ hiệu quả mọi nhu cầu nhập liệu, hoạt động tác nghiệp, tra cứu, báo cáo, tổng hợp, thống kê của mọi đối tượng trong nhà trường từ ban giám hiệu nhà trường đến các phòng ban, khoa, bộ môn và đặc biệt là giảng viên và sinh viên. [H1.01.03.28].

Bảng 1. Các phân hệ nghiệp vụ chính trong phần mềm Unisoft [H1.01.03.29]

STT	PHẦN HỆ	CHỨC NĂNG CHÍNH
1	Lập kế hoạch và xây dựng thời khóa biểu	1.1. Lập kế hoạch đào tạo
		1.2. Xây dựng thời khóa biểu chi tiết
		1.3. Quản lý đăng ký học sinh viên
2	Phân hệ Quản lý sinh viên	2.1. Sinh viên nhập trường
		2.2. Quản lý hồ sơ sinh viên
		2.3. Đánh giá rèn luyện sinh viên
3	Phân hệ quản lý kết quả học tập	3.1. Tổ chức thi
		3.2. Quản lý quá trình điểm
		3.3. Quản lý xét duyệt, cấp phát văn bằng, chứng chỉ

4	Quản lý tài chính sinh viên	4.1. Quản lý học phí
		4.2. Quản lý học bổng
5.	Đăng ký học trực tuyến	5.1. Đăng ký học trực tuyến
		5.2. Thông tin cá nhân sinh viên
		5.3. Diễn đàn, tin nhắn trao đổi giữa sinh viên với cố vấn học tập, cán bộ quản lý và ngược lại
6	Quản trị hệ thống	6.1. Quản lý cấp phát quyền người sử dụng
		6.2. Quản lý hệ thống

(2) Hệ thống thông tin tích hợp để quản lý hoạt động khác:

Để góp phần nâng cao chất lượng thu thập, khai thác, sử dụng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp của cán bộ, viên chức trong trường, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã xây dựng và đưa vào sử dụng trang thông tin điện tử nội bộ [H1.01.03.30]. Trang thông tin điện tử nội bộ của trường bản chất là hệ thống thông tin tích hợp nội bộ bao gồm các tính năng của trang thông tin điện tử nội bộ giúp cải tiến hình thức phổ biến, trao đổi, tiếp nhận thông tin trong nội bộ trường, góp phần nâng cao chất lượng xử lý công việc của cán bộ, viên chức thông qua việc tạo lập một kho tư liệu điện tử dùng chung được tổ chức phân cấp sử dụng theo từng chủ đề, chuyên mục thông tin và các công cụ cập nhật, tra cứu thông tin tiện lợi kèm theo. Đồng thời, đây cũng là một công cụ tích hợp các thành tố khác nhau trong hệ thống thông tin của trường (như Quản lý công văn; Lịch làm việc; Quản lý nhân sự, Tài chính kế toán, Quản lý văn bản pháp quy,...), giúp đơn giản hoá các thao tác, giảm thời gian tìm kiếm và tra cứu thông tin. Hệ thống trợ giúp lãnh đạo, cán bộ, chuyên viên trong các hoạt động chỉ đạo, tác nghiệp thường ngày như lịch làm việc, ghi nhớ công việc, báo cáo tiến độ công việc; lịch sử dụng phương tiện, tin tức liên quan hoạt động nội bộ,... Ngoài mục đích tạo lập một điểm truy cập phục vụ nhu cầu thông tin của cán bộ, viên chức, người học trong trường và các bên quan tâm ngoài trường, đây cũng là hệ thống đảm nhận chức năng thu thập, xử lý dữ liệu về đội ngũ thông qua sự tích hợp với website của từng đơn vị/bộ phận trong trường. Đối với đội ngũ giảng viên, hệ thống định kỳ tập trung thu thập các thông tin liên quan đến: thông tin liên hệ [H1.01.03.31], lí lịch khoa học [H1.01.03.32],..., và các thông tin khác.

Ngoài việc sử dụng hệ thống thông tin tích hợp, Trường ĐHSP Hà Nội 2 vẫn định kỳ thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu về GV và người học dưới cả hai hình thức: văn bản giấy tại các đơn vị chức năng như: P.Đào tạo, P.TCCB, P.SĐH, P.KHCN, các khoa

[H1.01.03.33]; văn bản điện tử tại hệ thống văn phòng điện tử được ghép nối với website của Nhà trường, phần mềm Quản lý đào tạo [H1.01.03.33; H1.01.03.34; H1.01.03.28].

Hoạt động của hệ thống thông tin tích hợp, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và hiệu quả của việc sử dụng các hệ thống này đã được Nhà trường rà soát, đánh giá bài bản, nghiêm túc [H1.01.03.35; H1.01.03.36; H1.01.03.37]. Trên cơ sở đó, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã có những động thái mạnh trong việc cải tiến, nâng cấp theo hướng xây dựng một hệ thống thông tin tích hợp toàn diện nhằm nâng cao hơn nữa sự thống nhất, đồng bộ trong công tác quản lý của Nhà trường [H1.01.03.38].

Chỉ số 1.3.4. Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học

Trường có hệ thống phản hồi từ các bên có liên quan về các tiến bộ học tập, các trải nghiệm và cải tiến chất lượng học tập, có phương pháp thực hiện các phản hồi này và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học. TT. KT&ĐBCLGD là đơn vị làm đầu mối triển khai hoạt động định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của GV [H1.01.03.39, H1.01.03.40]. Kết quả đánh giá sau khi được phân tích sẽ được báo cáo với lãnh đạo trường, lãnh đạo đơn vị và thông báo tới các GV, tìm biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng [H1.01.03.41]. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của GV được tiến hành qua website trường và được thực hiện đối với tất cả các GV của trường [H1.01.03.39, H1.01.03.40, H1.01.03.41]. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị triển khai công tác TTSP đối với các địa phương và Hội nghị tổng kết công tác TTSP [H1.01.03.42, H1.01.03.43, H1.01.03.44] từ đó phát huy điểm mạnh cũng như khắc phục những điểm còn hạn chế trong công tác đào tạo của Nhà trường; đồng thời điều chỉnh chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ VC chuyên trách và kiêm nhiệm về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục có trình độ, được đào tạo bài bản, đáp ứng tốt yêu cầu đảm bảo chất lượng giáo dục đại học.

CSDL về GV và SV của trường được lưu trữ đầy đủ bằng phần mềm và các hồ sơ dữ liệu.

Nhà trường đã duy trì được kế hoạch và có phương pháp đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nghiêm túc, khách quan từ đánh giá đồng cấp đến người học đánh giá hoạt động của GV.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ VC chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng còn ít.

Chưa hoàn thiện hệ thống khảo sát trực tuyến để thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động đảm bảo chất lượng của trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch bổ sung nhân sự chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng.	TT.KT&ĐBCL P.TC-HC	2020	Hàng năm
2		Phát triển hệ thống online để thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động đảm bảo chất lượng trường	P.QTĐS Viện CNTT TT.KT&ĐBCL	2020	2022
3	Phát huy	Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo.	Viện CNTT, P. Đào tạo	2020	Hàng năm
4	điểm mạnh	Cải tiến việc lưu trữ CSDL về GV và SV	Viện CNTT, P. Đào tạo	2020	Hàng năm
5		Cử VC chuyên trách tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng về công tác ĐBCLGD	TT.KT&ĐBCL	2020	Hàng năm
6		Cải tiến các phương thức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV: đánh giá đồng cấp và người học đánh giá	TT.KT&ĐBCL	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.3.1. Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.				x			
Chỉ số 1.3.2. Trường đã tiến hành tự đánh giá trường, tự đánh giá chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.				x			
Chỉ số 1.3.3. Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.				x			
Chỉ số 1.3.4. Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản				x			

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.							
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo

Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình

1. Mô tả

Chỉ số 2.4.1. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao

Nhà trường hiện đang thực hiện 23 CTĐT bậc đại học hệ chính quy (13 CTĐT Cử nhân sư phạm, 10 CTĐT cử nhân ngoài sư phạm), 17 CTĐT thạc sĩ, 05 CTĐT tiến sĩ [H2.02.04.01; H2.02.04.02] trong đó có 01 chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Toán học chất lượng cao thí điểm (từ 2015) [H2.02.04.03], 03 chương trình dạy học chuyên ngành bằng tiếng Anh: cử nhân Sư phạm Vật lý (2016), cử nhân sư phạm Toán học (từ 2016) [H2.02.04.03] và cử nhân Giáo dục mầm non (từ 2019) [H2.02.04.03]. Từ năm 2015, nhà trường đã xây dựng và hoàn chỉnh các CTĐT đại học hệ VLVH theo hệ thống tín chỉ, đồng dạng về nội dung với các CTĐT đại học chính quy và 104 chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp: THCS-THPT, tiểu học và mầm non [H2.02.04.04; H2.02.04.05; H2.02.04.06; H2.02.04.07].

Quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo luôn được chú ý gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu và nhiệm vụ Nhà trường được giao [H2.02.04.08]. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu chiến lược [H2.02.04.09]. Từ đó, các nhóm biên soạn bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học theo chuẩn đầu ra [H2.02.04.10; H2.02.04.11].

Việc thiết kế, xây dựng CT BDTX, CTĐT đại học, sau đại học, việc rà soát, điều chỉnh CTĐT theo định kì đảm bảo thực hiện đúng quy trình và mục tiêu đào tạo của nhà trường, căn cứ trên các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT [H2.02.04.05; H2.02.04.12; H2.02.04.13]. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành công văn hướng dẫn kèm kế hoạch thực hiện [H2.02.04.14; H2.02.04.15], thành lập Ban Chỉ đạo và các tiểu ban xây dựng, rà

soát CTĐT; dự thảo chỉnh sửa, xây dựng CTĐT, thông qua rà soát, chỉnh sửa hoặc xây dựng chương trình, ra quyết định Ban xây chương trình mới. Sau khi rà soát, Trường tổ chức họp tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động rà soát, cập nhật CTĐT, BD nhằm chỉ ra những điểm bất cập và phương án khắc phục [H2.02.04.12; H2.02.04.15; H2.02.04.16]. Việc xây dựng CTĐT hay rà soát, cập nhật CTĐT đều được tiến hành trên cơ sở khảo sát nhu cầu đào tạo [H2.02.04.05; H2.02.04.17], lấy ý kiến phản hồi của người học và người sử dụng lao động [H2.02.04.18; H2.02.04.19].

Các CTĐT được thiết kế một cách hệ thống, ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn ngoại ngữ [H2.02.04.09], chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, CTĐT nhằm mục tiêu giúp người học sau khi tốt nghiệp sẽ đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu (Kiến thức, kỹ năng, thái độ, khả năng đáp ứng vị trí việc làm) tương ứng với mỗi trình độ đào tạo [H2.02.04.20; H2.02.04.21].

Mỗi CTĐT đều có cấu trúc gồm hai khối kiến thức: Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp, thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình [H2.02.04.01; H2.02.04.02], [H2.02.04.22; H2.02.04.23]. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết, nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần [H2.02.04.01; H2.02.04.02]. Nội dung các học phần, tỉ lệ giữa các phần kiến thức, giữa lý thuyết và thực hành hợp lý theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và theo yêu cầu thực tiễn đổi mới giáo dục hiện nay [H2.02.04.12; H2.02.04.18].

Việc phát triển CTĐT nhằm mục đích hướng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ hệ thống giáo dục quốc dân. Năm 2012, nhà trường cấu trúc lại CTĐT 07 ngành đào tạo đại học (Su phạm Kỹ thuật công nghiệp, Su phạm

kỹ thuật nông nghiệp, Giáo dục Thể chất, Công nghệ thông tin, Khoa học Thư viện, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc). Năm 2015, Trường xây dựng mới toàn bộ CTĐT theo hướng dẫn của Thông tư 07/2015 [H2.02.04.01], trong đó có các chương trình đào tạo thí điểm cử nhân sư phạm chất lượng cao. Năm 2016, nhà trường xây dựng và ban hành 02 CTĐT chất lượng cao thí điểm là chương trình cử nhân Sư phạm Toán học và cử nhân Sư phạm Vật lý dạy bằng tiếng Anh. Năm 2018, Trường xây dựng và đưa vào nghiệm thu CTĐT Sư phạm Khoa học tự nhiên, CTĐT ngành Sư phạm Công nghệ được nghiệm thu năm 2019 [H2.02.04.24].

Năm 2018, nhà trường triển khai xây dựng mới 06 CTĐT CNSP trong khuôn khổ ETEP, đáp ứng chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia và yêu cầu đổi mới thực tiễn GDPT; cụ thể bao gồm: Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Lịch sử và Giáo dục thể chất Quy trình xây dựng, nghiệm thu đảm bảo đúng yêu cầu của Thông tư 07/2015. Trong quá trình xây dựng có tham vấn ý kiến chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động [H2.02.04.15]. Việc thẩm định CT có sự tham gia của nhà tuyển dụng của các cơ sở giáo dục phổ thông.

Để điều hành công tác đào tạo sau đại học, nhà trường ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường ĐHSP Hà Nội 2 xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1055/QĐ- ĐHSPHN2 ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 579/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2; Quyết định số 617/QĐ- ĐHSPHN2 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ [H2.02.04.25].

Từ năm 2019, nhà trường chú trọng phát triển các chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng. Tính đến thời điểm tháng 11 năm 2019, Trường đã nghiệm thu và ban hành CTĐT thạc sĩ theo định hướng ứng dụng các chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học Ngữ văn, Lí luận và phương pháp dạy học Hóa học, Giáo dục mầm non, Sinh lí thực vật và Sinh thái học [H2.02.04.12]. Trường cũng đã hoàn thành việc xây dựng Đề án mở ngành thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu các chuyên ngành Hóa hữu cơ, LL&PPDH Sinh học, hiện đã thông qua Hội đồng trường, đang đề nghị Bộ GD&ĐT phê duyệt.

Hội đồng thẩm định CTĐT đảm bảo sự tham gia của các chuyên gia bên ngoài trường (chủ tịch, phản biện), nhà sử dụng lao động (ủy viên) và chuyên gia trong trường (ủy viên thư ký), trong đó, các chuyên gia phản biện cho mỗi chương trình là cán bộ thuộc các cơ sở giáo dục đào tạo khác nhau và đều có sự tham gia của nhà sử dụng lao động thuộc lĩnh vực đào tạo tương ứng [H2.02.04.26].

Chỉ số 2.4.2. Các CTĐT và bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

Nhà trường đặc biệt chú ý phát triển CTĐT dựa theo nhu cầu của các bên liên quan (cụ thể bao gồm: sinh viên trước khi tốt nghiệp, chuyên gia, giảng viên, viên chức quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp). Nhà trường đã lập kế hoạch, xây dựng hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi, đánh giá từ các bên liên quan, phân tích kết quả và viết báo cáo làm cơ sở xây dựng các CTĐT, CTBD [H2.02.04.18; H2.02.04.19; H2.02.04.35], đặc biệt là các CTĐT đại học, sau đại học mới xây dựng, điều chỉnh gần đây.

Căn cứ ý kiến về nhu cầu đào tạo, đánh giá CTĐT và sản phẩm đào tạo của các nhà tuyển dụng lao động, chuyên gia, SV tốt nghiệp phản ánh thông qua kết quả khảo sát hàng năm, qua các hội nghị triển khai TTSP trao đổi trong các đợt thăm đoàn TTSP, đánh giá về SV thực tập. Nhà trường định hướng, triển khai hoạt động xây dựng và điều chỉnh CTĐT [H2.02.04.18; H2.02.04.19; H2.02.04.27; H2.02.04.38].

Các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CBQLCSGD được xây dựng, điều chỉnh, bổ sung dựa trên nhu cầu, ý kiến phản hồi của người học và nhà sử dụng lao động các địa phương [H2.02.04.05; H2.02.04.28; H2.02.04.30]. Ngoài hệ thống các CTBDTX được xây dựng từ năm 2015 nhằm định hướng lựa chọn cho các địa phương, nhà trường liên tục phát triển hệ thống CTBD theo yêu cầu phát triển chuyên môn nghiệp vụ của ngành, theo nhu cầu của các cơ sở giáo dục địa phương và yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông như CTBD cho GV và CBQL các tỉnh, CTBD theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, CT tập huấn hướng dẫn thực hiện CTGDPT mới [H2.02.04.05; H2.02.04.06]. Từ năm 2016, Trường triển khai các CTBD GV và CBQL cấp tiểu học, THCS và mầm non cho toàn bộ giáo viên tỉnh Hưng Yên [H2.02.04.05]. Riêng năm 2019, Trường đã xây dựng, nghiệm thu và triển khai trong thực tế các CT

bồi dưỡng theo đặt hàng của các tỉnh Hưng Yên, Hà Giang, Yên Bái, Vĩnh Phúc... Sự tham gia tư vấn, góp ý, xây dựng và nghiệm thu đều có sự tham góp hữu hiệu từ đội ngũ chuyên gia của cơ sở giáo dục phổ thông [H2.02.04.26].

Chỉ số 2.4.3. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.

Việc điều chỉnh, bổ sung các CTĐT và CTBD của Nhà trường dựa trên ý kiến phản hồi của người học, cựu người học, người sử dụng lao động [H2.02.04.18] và sự tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước và quốc tế [H2.02.04.07; H2.02.04.33; H2.02.04.34] các Hội thảo, tập huấn [H2.02.04.31] và ý kiến chuyên gia [H2.02.04.13]. Tuy nhiên, sự tham khảo CTĐT quốc tế chưa đồng đều giữa các ngành đào tạo khác nhau, đặc biệt việc tham khảo các CT quốc tế nhìn chung còn hạn chế ở các ngành XHNV. Căn cứ ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng lao động, của SV sắp và đã tốt nghiệp qua kết quả khảo sát hằng năm, qua các hội nghị triển khai TTSP, Nhà trường định hướng rà soát, bổ sung, điều chỉnh lại CTĐT. Đối với từng CTĐT, khi các đơn vị khoa, bộ môn cũng như nhà tuyển dụng, người học có đề nghị việc bổ sung, điều chỉnh chương trình, Nhà trường đều tiến hành xem xét để có những thay đổi phù hợp.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng các CTĐT, bồi dưỡng trong khuôn khổ ETEP từ năm 2017 [H2.02.04.17; H2.02.04.36; H2.02.04.37]. Hiện trường đã nghiệm thu 06 CTĐT cử nhân sư phạm trong khuôn khổ ETEP (sư phạm Toán học, sư phạm Vật lý, sư phạm Công nghệ, Sư phạm Lịch sử, GDTC), phát triển các mô-đun BDTX hướng dẫn thực hiện CTGDPT mới (kế hoạch dạy học theo chủ đề và thiết kế bài học minh họa) [H2.02.04.32].

Năm 2018, Nhà trường đã ban hành công văn hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo Đại học và sau Đại học [H2.02.04.14; H2.02.04.15]. Cuối năm 2018, đã có 13 chương trình CNSP, 17 chương trình đào tạo Thạc sĩ và 5 chương trình đào tạo Tiến sĩ đã được rà soát, chỉnh sửa, ban hành [H2.02.04.15].

Trường đầu tư phát triển các mô-đun BDTX hướng dẫn thực hiện CTGDPT mới thông qua việc giao đề tài cho các đơn vị triển khai xây dựng, nghiệm thu và đưa vào thực tiễn BDTX năm 2019 bộ tài liệu BDTX GVPT cốt cán thực hiện CTGD phổ thông mới bao gồm 02 sản phẩm là kế hoạch dạy học theo chủ đề và thiết kế bài học minh họa [H2.02.04.32].

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng, rà soát, chỉnh sửa các CTĐT và CTBD đã được thực hiện theo một quy trình đảm bảo về chất lượng, từ việc khảo sát, đánh giá hiện trạng, nhu cầu, tới xây dựng đội ngũ phát triển, dự thảo, thẩm định, tham vấn và ban hành.

Các CTĐT cử nhân sư phạm được xây dựng dựa trên sự tham khảo kinh nghiệm trong nước và quốc tế, có sự trao đổi giữa các trường sư phạm chủ chốt, nhờ đó tạo được sự tương đối thống nhất về CTĐT của khối trường sư phạm.

CTĐT được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt, kịp thời theo dự đoán nhu cầu nhân lực thị trường và những chuyển hướng trong phát triển nghề nghiệp của người học.

CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng và đáp ứng các yêu cầu mới nhân lực của thị trường lao động (ít nhất 02 năm /lần).

Nhà trường định kỳ hằng năm tổ chức Hội nghị triển khai TTSP lấy ý kiến phản hồi từ các Sở Giáo dục đào tạo, GV và CBQL các trường phổ thông nơi có SV đến TTSP.

Công tác lấy ý kiến người học về CTĐT đã được thực hiện hàng năm, có kế hoạch cụ thể, kết quả được phân tích và gửi về các đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã ban hành công văn hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo Đại học và sau Đại học, tuy nhiên, một quy trình cho việc rà soát, chỉnh sửa các CTBD chưa được ban hành.

Sự tham gia của các nhà tuyển dụng lao động trong việc xây dựng và điều chỉnh chương trình còn hạn chế.

Có sự tham khảo các chương trình quốc tế, tuy nhiên việc tham khảo là chưa đồng đều và phổ biến.

Công tác lấy ý kiến các bên liên quan về cấu trúc, mức độ đáp ứng của CTĐT đã được thực hiện song hiệu quả chưa cao.

Công tác lấy ý kiến nhà sử dụng lao động, người tốt nghiệp khi điều chỉnh, bổ sung CT chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1		XD quy trình rà soát, cập nhật	P. Đào tạo	6/2020	8/2020

		CTBD			
2		Tăng cường sự tham gia trực tiếp của nhà tuyển dụng vào Hội đồng xây dựng, đánh giá CTĐT.	P. Đào tạo	2020	Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tham khảo CTĐT quốc tế, trước hết là CTĐT của các trường ĐH trong khu vực khi xây dựng, điều chỉnh CTĐT.	P. Đào tạo	2020	Hàng năm
4		Rà soát, cải tiến công tác lấy ý kiến các bên liên quan về: nội dung, phương pháp, kế hoạch triển khai, phân tích kết quả và sử dụng kết quả trong điều chỉnh CTĐT.	P. Đào tạo	2020	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục gắn kết với các trường sư phạm chủ chốt trong xây dựng các CTĐT cử nhân sư phạm, đồng thời mở rộng sự gắn kết với các trường ĐH khác trong xây dựng CTĐT ngoài sư phạm.	P. Đào tạo	2020	Hàng năm
5		Tiếp tục duy trì hoạt động bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo định kỳ 02 năm/lần.	P. Đào tạo	2020	Hàng năm
		Duy trì và đổi mới hình thức tổ chức Hội nghị triển khai TTSP hằng năm.	P. Đào tạo	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.4.1. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.				x			
Chỉ số 2.4.2. Các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.				x			
Chỉ số 2.4.3. Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.				x			
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chí 2.5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

1. Mô tả

Chỉ số 2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế

CTĐT, BD của Nhà trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường, đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2.02.05.01; H2.02.05.02] và của nhà tuyển dụng, thể hiện ở chuẩn đầu ra đã được ban hành [H2.02.05.03]. Về cơ bản, các CTĐT và CTBD tích hợp được các vấn đề thời sự của giáo dục trong nước, những đòi hỏi phát triển của bản thân nhà trường và địa phương trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế, chú trọng đổi mới cách tiếp cận theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng làm việc, chú trọng nghiệp vụ, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ, kỹ năng mềm, tổ chức hoạt động trải nghiệm, đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá, cập nhật các xu hướng giáo dục mới (giáo dục trong bối cảnh công nghệ 4.0, lớp học đảo ngược, giáo dục STEM)... [H2.02.05.04; H2.02.05.05].

Nội dung các CTĐT, BD của nhà trường từ 2015 liên tục được cập nhật, phát triển. 104 CTBD, 13 chương trình đào tạo CNSP, 06 chương trình CNKH, trong đó có chương trình SP toán học chất lượng cao được xây dựng và ban hành năm 2015; 02 CTĐT CNSP Toán học và Vật lý dạy học bằng tiếng Anh được xây dựng và ban hành năm 2016; CT CNSP ngành GDMN dạy học bằng tiếng Anh được ban hành năm 2018; 13 CTĐT CNSP, 17 CTĐT thạc sĩ, 05 CTĐT tiến sĩ được rà soát, cập nhật năm 2018; hệ thống CTBD định hướng GDPT và theo đặt hàng được thực hiện theo hướng cập nhật theo chương trình GDPT mới và nhu cầu của địa phương, tiếp cận chuẩn nghề nghiệp giáo viên, tăng cường khối lượng kiến thức thực hành, tiếp cận theo năng lực, đảm bảo khoa học, hiện đại, tích hợp các vấn đề giáo dục địa phương và quốc tế [H2.02.05.10]. Từ năm 2018, Nhà trường triển khai đưa sinh viên xuống các trường PT quốc tế để kiến tập, TTSP [H2.02.05.32].

Chỉ số 2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học

Nhà trường triển khai thực hiện xây dựng CTĐT, BD theo định hướng bố trí hợp lý tỉ lệ giờ lý thuyết và thực hành, hướng đến mục tiêu tăng tính hiệu quả thực tiễn, tính ứng dụng của chương trình. Nhà trường tiến hành rà soát CT từ năm 2012 và thống nhất

điều chỉnh cơ cấu giờ lí thuyết - thực hành, bài tập và thảo luận [H2.02.05.07; H2.02.05.08]. Từ năm 2015 (khóa 41), nhà trường tiếp tục định hướng trên trong chỉ đạo thực hiện xây dựng CTĐT. Hiện nay, các CTĐT và CTBD đã có sự gia tăng đáng kể phần kiến thức nghiệp vụ cho khung CTĐT và số giờ thực hành, thảo luận, bài tập trong các môn học, đặc biệt, công tác rèn luyện NVSP thường xuyên và rèn nghề được chú ý triển khai ngay từ năm thứ nhất [H2.02.05.09; H2.02.05.10].

Nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, các CTĐT được thiết kế theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng tính ứng dụng. Cụ thể, các CTĐT đều thiết kế theo hướng đảm bảo kiến thức các học phần bắt buộc, tăng cường các học phần tự chọn, ít môn học có điều kiện tiên quyết. Mỗi môn học đều có ít nhất từ 30% đến 50% thực hành, thảo luận hay xêmina [H2.02.05.11]. Nhằm giúp SV thích ứng ngay với Chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2020, bắt đầu từ khóa 38 Nhà trường đưa vào CTĐT 05 tín chỉ về Phát triển chương trình môn học và Tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp [H2.02.05.05; H2.02.05.10; H2.02.05.17]. Nhờ đó, chất lượng SV tốt nghiệp của Nhà trường về cơ bản đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, đa số SV sau khi ra trường đều có việc làm trong vòng một năm sau tốt nghiệp [H2.02.05.08; H2.02.05.12]. Từ khóa 41, các nội dung này đều được tích hợp trong CTĐT mới. CTĐT được người học và nhà sử dụng lao động đánh giá đạt yêu cầu [H2.02.05.11; H2.02.04.13].

Chỉ số 2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học

Mỗi CTĐT đều có nhóm môn học bắt buộc và nhóm môn tự chọn phong phú, được cấu trúc linh hoạt nhằm đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học [H2.02.05.14; H2.02.05.15; H2.02.05.16; H2.02.05.17; H2.02.05.24].

Căn cứ yêu cầu chung, mỗi CTĐT được kiến tạo bởi khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, thể hiện rõ trình độ đào tạo, đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của người học; quy định rõ khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, thực tập, tham quan thực tế; kế hoạch đào tạo cụ thể, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình [H2.02.05.14; H2.02.05.16].

Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, nội dung lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần. Ngoài phần bắt buộc, CTĐT đều có phần kiến thức tự chọn bao gồm các học phần và chuyên đề học tập phong phú [H2.02.05.15; H2.02.05.11; H2.02.05.17].

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã chuyển học phần TTSP 1 từ học kì 7 (năm thứ 4) lên học kì năm (năm thứ 3) [H2.02.05.22]. Đồng thời, việc thực hiện các học phần TTSP 1 và 2 đã được triển khai một cách linh hoạt hơn, chẳng hạn như SV 2 khóa khác nhau có thể đăng kí TTSP 1 hoặc 2 trong cùng một thời gian [H2.02.05.23]; CT Rèn luyện NVSP thường xuyên cho SV cũng được thực hiện ngay từ năm thứ nhất.

Chỉ số 2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông

Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường hướng tới việc đảm bảo bao quát các tình huống học tập và gắn với thực tiễn dạy học ở trường phổ thông như: học theo chủ đề, liên môn, tích hợp, dạy học theo tình huống, dạy học theo dự án, giáo dục đặc biệt, giáo dục STEM, sự kết hợp giữa học lý thuyết với thực hành, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu, việc tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo... [H2.02.05.14; H2.02.05.18; H2.02.05.19].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch đưa giảng viên đi SHCM ở trường phổ thông và mầm non từ năm 2015 nhằm tăng cường sự gắn kết giữa đào tạo đại học và thực tiễn GDPT. Sau mỗi đợt TTSP Nhà trường đều tổ chức Hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm công tác TTSP của sinh viên và công tác sinh hoạt chuyên môn ở phổ thông của giảng viên [H2.02.05.13].

Từ năm 2018, Nhà trường triển khai các chương trình/dự án quy mô vừa và nhỏ về đào tạo và bồi dưỡng với các CSGD phổ thông. Kết quả đã có hàng trăm dự án được triển khai trên cơ sở phối hợp giữa giảng viên Nhà trường và giáo viên trường phổ thông [].

Chỉ số 2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bố thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra

Thời gian cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được thiết kế đảm bảo tính kế hoạch và tính linh hoạt (học văn hóa, rèn nghề, thực tập sư phạm, thi kết thúc học phần,

làm khóa luận tốt nghiệp). Căn cứ các yêu cầu về đội ngũ, CSVC, hạ tầng, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng chuẩn đầu ra và mục tiêu của từng CTĐT, CTBD [H2.02.05.03; H2.02.05.18]. Các CTĐT, CTBD đều được lên kế hoạch, lập thời khóa biểu xuyên suốt quá trình trong đó có kế hoạch theo năm, tháng và thời khóa biểu chi tiết theo tuần để giảng viên và người học chủ động sắp xếp kế hoạch dạy, học và đảm bảo hiệu quả [H2.02.05.07; H2.02.05.25]. Nhà trường quy định rõ điều kiện để người học có thể đăng kí học các học phần tổ chức trong học kì chính và học kì phụ, quy định về việc học ngành đại học thứ hai [H2.02.05.01].

Ngoài 2 học kì chính, người học có thể đăng kí học vượt hoặc học vào các học kì phụ [H2.02.05.14; H2.02.05.26]. Do đặc thù công tác của giáo viên phổ thông, việc tổ chức các chương trình đào tạo hình thức VLVH [H2.02.05.19; H2.02.05.29], chương trình bồi dưỡng thường xuyên có thể được thực hiện tập trung vào kì nghỉ hè hoặc vào các ngày thứ bảy, chủ nhật hằng tuần, có thể thực hiện tại địa phương hoặc tại trường [H2.02.05.27; H2.02.05.28].

Chỉ số 2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông

Nhà trường triển khai xây dựng và thực hiện các CTĐT đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo (giữa đại học và SDH, chính quy và VLVH) và tích hợp các nội dung các chuyên đề bồi dưỡng đảm bảo quyền lợi tối đa cho người học [H2.02.05.01; H2.02.05.02; H2.02.05.20]. Trong quá trình thực hiện, chương trình đào tạo được tổ chức theo linh hoạt, người học có thể lựa chọn môn học với số lượng tín chỉ phù hợp theo học kì, có thể đăng kí học vượt, học lại, học nâng điểm trong các học kì chính và học kì phụ; được tạo điều kiện học cùng lúc 02 chương trình đào tạo nếu đảm bảo các điều kiện theo quy định hiện hành [H2.02.05.26; H2.02.05.31].

Cùng với sự đa dạng về loại hình, các CTĐT, bồi dưỡng dùng cho GV và CBQLGDPT đa dạng cũng có hình thức đào tạo linh hoạt, có thể đào tạo trực tiếp hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, có thể bồi dưỡng tập huấn tại địa phương hoặc tại trường đại học đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của GV và CBQLGDPT [H2.02.05.30]. Nhà trường phối hợp với các Sở GD&ĐT triển khai các chương trình Bồi dưỡng thường xuyên theo đặt hàng, ĐT nâng chuẩn hình thức VLVH, bồi dưỡng chuyên đề dài hạn,

ngắn hạn tại địa phương, bồi dưỡng cuối tuần hoặc trong hè....) [H2.02.05.21; H2.02.05.27; H2.02.05.28].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra, được rà soát, chỉnh sửa cập nhật thường xuyên; phong phú đa dạng về loại hình, bao quát và bám sát những vấn đề thời sự trong thực tiễn giáo dục hiện nay; bao quát được những tình huống học tập cơ bản ở nhà trường sư phạm và trường phổ thông; có sự phù hợp giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học sự hiểu biết toàn diện và có thể hình thành được ở họ những phẩm chất, năng lực cần thiết để thực hiện hoạt động giáo dục một cách có hiệu quả.

Việc tổ chức, triển khai thực hiện chương trình linh hoạt, đáp ứng nhu cầu và điều kiện học tập khác nhau của người học.

3. Điểm tồn tại

Trong thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nhà trường đã tham khảo ý kiến của các bên liên quan, việc thu thập và xử lý đã bước đầu được thực hiện một cách hệ thống, việc tiếp thu trực tiếp các CTĐT, CTBD tiên tiến của nước ngoài đã được thực hiện song còn hạn chế.

Khâu kiểm tra đã được quan tâm và có kế hoạch, tuy nhiên việc khắc phục chưa được thực hiện một cách bài bản và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tham khảo học tập các chương trình ĐT, BD tiên tiến của nước ngoài; khảo sát, phân tích và tích hợp ý kiến của các bên liên quan (đặc biệt là nhà tuyển dụng và GD cốt cán phổ thông) trong xây dựng và phát triển chương trình ĐT, BD.	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2020	Hàng năm
2		Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, đặc biệt là giảng viên chủ chốt (chú trọng xây dựng các nhóm chuyên gia trong bồi dưỡng thường xuyên)	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2020	Hàng năm
3	Phát huy	Tăng cường cơ sở vật chất, đặc biệt là hạ tầng CNTT cho bồi dưỡng	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2020	Hàng năm

	điểm mạnh	trực tuyến			
--	--------------	------------	--	--	--

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.				x			
Chỉ số 2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.				x			
Chỉ số 2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.				x			
Chỉ số 2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.			x				
Chỉ số 2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.				x			
Chỉ số 2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.				x			
Điểm tiêu chí:	3,8						

Tiêu chuẩn 3. Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

Chỉ số 3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao

Với tầm nhìn, sứ mạng [H3.03.06.01] được xác định là trung tâm đào tạo và bồi dưỡng giáo viên có trình độ cao; chuyển giao tri thức và công nghệ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục thì việc nghiên cứu đề xuất các chính sách phát triển,

đổi mới là một nhiệm vụ trọng tâm được nhà trường chú trọng. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ, đặc biệt ưu tiên nghiên cứu và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục giai đoạn 2017-2022 [H3.03.06.01]. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường được cụ thể hóa trong kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học [H3.03.06.02], trong đó có sự đánh giá, điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với thực tiễn, đặc biệt là ưu tiên khoa học giáo dục phù hợp với sứ mạng của trường. Chính sách về nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H3.03.06.03]. Để phù hợp hơn với chiến lược ưu tiên các nghiên cứu khoa học giáo dục, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường được rà soát, điều chỉnh và cập nhật năm 2019 [H3.03.06.04].

Chỉ số 3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục

Dựa trên kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ, các phòng chức năng kết hợp với các khoa và các viện thực hiện việc xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch tài chính hoạt động nghiên cứu khoa học [H3.03.06.05]. Trên cơ sở đó, phòng chức năng ra thông báo về việc đăng ký đề tài khoa học công nghệ các cấp, trong đó thông báo rõ việc ưu tiên xét duyệt các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục [H3.03.06.06]. Đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp kinh phí, các nhiệm vụ, đề tài khoa học giáo dục cũng được ưu tiên cấp kinh phí [H3.03.06.07]. Cuối mỗi năm, Trường đều tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cho năm tiếp theo [H3.03.06.02]. Nhằm khuyến khích các nghiên cứu về khoa học giáo dục, trong Quy chế chi tiêu nội bộ mới ban hành năm 2019, Trường quy định rõ việc hỗ trợ các bài báo thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục đăng trên các tạp chí được Hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm [H3.03.06.04]. Về trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, hàng năm Trường đều tổ chức kiểm kê tài sản [H3.03.06.08] để xây dựng kế hoạch và phân bổ sử dụng các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khoa học giáo dục của năm tiếp theo [H3.03.06.02; H3.03.06.05]. Nhằm thực hiện một cách đồng bộ các chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học giáo dục, năm 2018 Trường đã có các dự án trang bị bổ sung cho các phòng thí nghiệm, thực hành, đặc biệt là các thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học giáo dục [H3.03.06.09].

Chỉ số 3.6.3. Kết quả nghiên cứu của trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động

dạy và học

Với sứ mạng trở thành mô hình tiêu biểu về kết nối giữa trường sư phạm với các trường phổ thông, nhiều đề tài nghiên cứu được triển khai áp dụng trên thực tiễn, đặc biệt với mục tiêu ưu tiên cho nghiên cứu khoa học giáo dục theo hướng đổi mới, các đề tài nghiên cứu theo hướng này đã thực sự sát cánh với giáo dục phổ thông [H3.03.06.10] trong lộ trình thực hiện đổi mới giáo dục phù hợp với cả xu thế mới trong nước và quốc tế [H3.03.06.11]. Điều này không chỉ thể hiện ở tên các đề tài [H3.03.06.12], biên bản hợp tác với các trường phổ thông, các sở và phòng GD&ĐT [H3.03.06.13] mà còn thể hiện ở các văn bản ghi nhớ hợp tác ứng dụng các kết quả nghiên cứu với các trường phổ thông, các địa phương [H3.03.06.12; H3.03.06.13; H3.03.06.14]. Kết quả các nghiên cứu này, đặc biệt là các nhiệm vụ được Trường đặt hàng năm 2019 [H3.03.06.15] giúp giáo viên các trường phổ thông, mầm non không những tiếp cận được các kỹ thuật dạy học hiện đại mà còn nắm bắt được chương trình giáo dục phổ thông mới được ban hành năm 2018 [H3.03.06.16]. Bên cạnh đó, các nghiên cứu này là một trong những căn cứ để điều chỉnh chương trình đào tạo của Nhà trường, đồng thời giúp các giảng viên trong Trường có phương pháp giảng dạy phù hợp hơn cho sinh viên.

Chỉ số 3.6.4. Kết quả nghiên cứu của trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế

Việc triển khai ứng dụng các đề tài khoa học giáo dục đến các trường phổ thông, mầm non đã góp phần thực hiện thành công việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [H3.03.06.16]. Nhiều nghiên cứu của giảng viên Nhà trường về khoa học giáo dục có tầm ảnh hưởng lớn trên phạm vi quốc gia [H3.03.06.17]. Năm 2017, giảng viên Nhà trường đã thực hiện một số đề tài về khảo sát nhu cầu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông mới ở một số tỉnh phía bắc [H3.03.06.18]. Hai đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục là “Bộ công cụ dùng chung để đánh giá các chương trình đào tạo giáo viên” và “Nghiên cứu phát triển bộ chỉ số TEIDI và tài liệu hướng dẫn” của giảng viên Nhà trường, sau một số lần thử nghiệm và điều chỉnh, được Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào áp dụng trên phạm vi toàn quốc [H3.03.06.18], góp phần hoạch định chính sách giáo dục quốc gia. Theo kế hoạch, trong năm học 2019-2020 Nhà sẽ tổ chức một số hội nghị toàn quốc, hội thảo về khoa học giáo dục nhằm tạo bước phát triển, đổi mới trong lĩnh vực này [H3.03.06.19].

Trên phạm vi khu vực và quốc tế, nghiên cứu về khoa học giáo dục của giảng viên Nhà trường đã có ảnh hưởng nhất định, đặc biệt trong các năm 2017, 2018 và 2019 [H3.03.06.20].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến phát triển các nhóm nghiên cứu về KHGD.

Tạo ra được kết nối giữa các kết quả nghiên cứu với các địa phương, các trường phổ thông, đặc biệt quan tâm đến đổi mới giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Chưa có kế hoạch dài hạn cho hoạt động KHCN.

Số lượng các nghiên cứu về khoa học giáo dục có tầm cỡ quốc tế còn ít.

Việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa được chú trọng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường cộng tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khoa học giáo dục với các cơ quan tổ chức trong nước và quốc tế	P.KHCN&HTQT Giảng viên/ nhóm giảng viên thực hiện NCKH	2020	Hàng năm
2		Xây dựng kế hoạch dài hạn cho nghiên cứu KHCN	P.KHCN&HTQT	2020	Định kỳ
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện chính sách, đặc biệt là phân bổ thêm kinh phí và thiết bị nghiên cứu	P.KHCN&HTQT P. Tài vụ các Khoa, Viện	2020	Hàng năm
4		Mở rộng kết nối với các địa phương và các trường phổ thông	.KHCN&HTQT P. Đào tạo Các giảng viên	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.				x			
Chỉ số 3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục.				x			
Chỉ số 3.6.3. Kết quả nghiên cứu của trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học.				x			

Chỉ số 3.6.4. Kết quả nghiên cứu của trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.			x				
Điểm tiêu chí:	3,8						

Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

Phát triển Trường ĐHSP Hà Nội 2 theo định hướng nghiên cứu là một trong những nhiệm vụ chiến lược của nhà trường đã được xác định rõ trong giai đoạn hiện nay. Các lĩnh vực NCKH mà giảng viên của Trường tham gia rất phong phú. Nhà trường đã xây dựng một số chính sách, qui định về mặt pháp lý, cũng như đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất hàng năm nhằm tạo điều kiện, hỗ trợ, giúp đỡ công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Chỉ số 3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Trường đã xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển qua từng giai đoạn trong đó có chú ý đến xây dựng kế hoạch chi tiết cho các chính sách, qui định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn [H3.03.07.01; H3.03.07.13] nhằm hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức, kinh phí, cơ sở vật chất và trang thiết bị để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là các đề tài thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục đáp ứng nhu cầu các trường phổ thông.

Từ kế hoạch tổng thể, Trường xây dựng kế hoạch công tác năm học, giao Phòng KHCN&HTQT là đơn vị chức năng có nhiệm vụ quản lý, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường các vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực KH&CN; hỗ trợ cán bộ, giảng viên và sinh viên NCKH [H3.03.07.01]. Trong năm 2018, 2019, phòng KHCN& HTQT tiếp tục duy trì thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao: hướng dẫn giảng viên đề xuất, đăng ký thực hiện đề tài và nhiệm vụ KHCN các cấp; đề xuất, tham mưu với Ban Giám hiệu thành lập Hội đồng xác định danh mục đề tài với các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu [H3.03.07.02]. Căn cứ trên những tham mưu, đề xuất của phòng KHCN&HTQT Trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn các cá nhân chủ trì đề tài [H3.03.07.03], Hội đồng phê duyệt đề tài [H3.03.07.04]. Phòng KHCN&HTQT cũng thực hiện chức năng tham mưu cho nhà trường, đối với những đề tài ở cấp Bộ và

các cấp cao hơn trong việc đề xuất thành lập Hội đồng khoa học tư vấn, góp ý và giới thiệu đề tài KH&CN cấp Bộ thực hiện từ năm 2020 [H3.03.07.05].

Dựa trên các văn bản pháp quy của nhà nước và bộ ngành, Trường ban hành công cụ quản lý nhiệm vụ KH&CN phù hợp với tình hình thực tế nhà trường [H3.03.07.01; H3.03.07.13]. Ngoài ra Trường còn ban hành Quy định Quản lý các đề tài khoa học và công nghệ do nhà trường quản lý trong đó quy định rõ các loại hình đề tài KH&CN; tiêu chuẩn của chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện đề tài KH&CN; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ nhiệm đề tài; về đăng kí thực hiện đề tài; về việc các định danh mục, tuyển chọn, thực hiện, kiểm tra, nghiệm thu, thanh lí đề tài. Phòng KHCN&HTQT được giao nhiệm vụ hướng dẫn và phối hợp với các đơn vị thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này. Dựa trên quy định của nhà trường, Phòng KHCN&HTQT xây dựng các văn bản mẫu hướng dẫn giảng viên (mẫu phiếu đề xuất đề tài KH&CN, mẫu phiếu đánh giá đề xuất đề tài KH&CN; mẫu biên bản họp Hội đồng xác định danh mục đề tài, mẫu thuyết minh đề tài, mẫu dự toán kinh phí,...) [H3.03.07.06].

Bên cạnh đó, Trường cũng chú trọng trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất và trang thiết bị để giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Về kinh phí, xác định công tác Nghiên cứu khoa học cần được đầu tư thích đáng cùng với công tác Đào tạo, Trường đã xây dựng và thực hiện qui chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định rõ việc đầu tư cho nghiên cứu khoa học, cân đối nguồn ngân sách của nhà trường và các nguồn kinh phí đầu tư cho KH&CN khác [H3.03.07.13]. Trường có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động NCKH của giảng viên: thưởng cho bài báo quốc tế, hỗ trợ kinh phí tham dự hội thảo khoa học trong và ngoài nước, tăng thêm kinh phí cho đề tài KH&CN cấp cơ sở [H3.03.07.07]. Về cơ sở vật chất, Trường có Viện nghiên cứu khoa học và ứng dụng với nhiều trang thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu. Trường cũng có sự đầu tư nhiều dự án cho cơ sở hạ tầng hỗ trợ thiết thực cho việc nghiên cứu. Tính đến hết tháng 12/2017, toàn trường có 30 phòng thí nghiệm lớn nhỏ, trong đó có 24 phòng thí nghiệm có đầu tư máy móc, trang thiết bị có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên [H3.03.07.08]. Tháng 9 năm 2018, trường ký hợp đồng “Mua sắm trang thiết bị Công nghệ thông tin” thuộc “Dự án tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường ĐHSP HN2” bổ sung trang thiết bị cho các Khoa Vật lý, Hóa học, Sinh học và phòng thí nghiệm của Viện nghiên cứu khoa học và ứng dụng [H3.03.07.09]. Như vậy, từ việc đăng kí, thực hiện, nghiệm thu đề tài, giảng viên đã

được hỗ trợ về nhiều mặt thông qua các phòng chức năng theo đúng qui định mà nhà trường đặt ra.

Trường đã thực hiện nghiêm túc các hoạt động rà soát: thường xuyên và định kì (giao ban công tác tháng, giao ban các đơn vị), hoạt động tổng kết hàng năm của các đơn vị nhằm đánh giá kết quả các hoạt động, tìm biện pháp khắc phục những điểm tồn tại cũng như phát huy điểm mạnh từ đó có kế hoạch hành động phù hợp [H3.03.07.07], [H3.03.07.08]. Tuy nhiên hiện tại, cơ chế, chính sách thực hiện và quản lý các nhiệm vụ KH&CN của nhà trường còn chưa đồng nhất, điều này gây khó khăn cho công tác quản lý và hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ mà nhà trường đặt ra [H3.03.07.08].

Chỉ số 3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình

Từ năm 2015, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, Trường đặc biệt chú trọng, ưu tiên đối với các đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục, bên cạnh đó các nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản và ứng dụng cũng được đầu tư thích đáng. Các lĩnh vực nghiên cứu của giảng viên trong Trường rất phong phú. Trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 có thêm 95 đề tài KH&CN cấp Cơ sở và ưu tiên thực hiện cấp Cơ sở được phê duyệt thực hiện; 10 đề tài KHCN cấp Bộ, 01 dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ; 02 nhiệm vụ cấp quốc gia do Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) tài trợ. Năm 2019 Trường được duyệt 09 đề tài cấp Bộ đặt hàng. Phần lớn các đề tài thực hiện tốt các nội dung nghiên cứu đảm bảo về mặt thời gian và kết quả theo đúng thuyết minh [H3.03.07.07].

Trường duy trì thực hiện kế hoạch công tác cử giảng viên về sinh hoạt chuyên môn ở các trường phổ thông với mục đích gắn các nghiên cứu KHGD với thực tế. Các giảng viên tham gia phải lập kế hoạch cho đợt sinh hoạt chuyên môn, báo cáo chuyên đề, tham gia dự giờ và dạy 01 tiết chuyên môn, báo cáo kết quả công tác trong đó đưa ra những đề xuất cải tiến. Sau mỗi đợt giảng viên tham gia sinh hoạt chuyên môn ở trường phổ thông nhà trường đều tổ chức hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá kết quả của hoạt động này từ đó đặt ra kế hoạch ở những năm tiếp theo [H3.03.07.10].

Bên cạnh đó, Trường tổ chức 02 Hội thảo Quốc tế. Các Hội thảo cấp toàn quốc, cấp trường cũng được quan tâm tổ chức [H3.03.07.07]. Hiện nay, trường có 19 nhóm nghiên cứu cấp Khoa và Bộ môn giúp giảng viên, các nhà khoa học có cơ hội phối hợp và chia sẻ kinh nghiệm. Tuy nhiên, theo kết quả rà soát, đánh giá hoạt động nghiên cứu

KH&CN của Trường, có thể thấy một thực tế là Trường vẫn chưa thu hút và chưa phát huy hết sức mạnh của đội ngũ giảng viên. Các đề tài nghiên cứu khoa học có sự hợp tác với các nhà khoa học và với các đối tác nước ngoài còn ít. Khả năng đề xuất, thể hiện ý tưởng của các chủ nhiệm đề tài còn hạn chế. Số lượng bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có tăng nhưng chưa tương xứng với tiềm năng của cán bộ, giảng viên nhà trường [H3.03.07.08].

Chỉ số 3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn trường

Hàng năm, Trường có kế hoạch về việc triển khai đăng ký đề tài khoa học các cấp (hai đợt) quy định rõ đối tượng được đăng kí, các tiêu chí, yêu cầu chung về sản phẩm đề tài, trong đó đặc biệt ưu tiên các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục và có sự gắn kết với doanh nghiệp, địa phương. Dựa trên kế hoạch của Trường, các giảng viên đăng kí đề tài nghiên cứu. Trường lập Hội đồng tuyển chọn đề tài, căn cứ vào kết quả của Hội đồng, Hiệu trưởng ký quyết định phê duyệt danh sách thực hiện đề tài khoa học các cấp. Danh sách đề tài được cập nhật và công khai trong toàn trường [H3.03.07.11].

Năm 2018, 2019 Trường đầu tư nhiều cơ sở vật chất như hệ thống máy tính, phòng thí nghiệm với nhiều thiết bị hiện đại; thư viện trường cũng được đầu tư thêm nhiều đầu sách, tạp chí làm tài liệu tham khảo. Danh sách các trang thiết bị phục vụ NCKH mua sắm mới được cập nhật, công bố công khai [H3.03.07.09; H3.03.07.12].

Tuy nhiên, hệ thống công nghệ thông tin của Trường vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay. Để khắc phục thực trạng này, Trường cần xây dựng các chính sách, quy trình thu thập và quản lý dữ liệu nghiên cứu của giảng viên; xây dựng hệ thống nộp bài trực tuyến, hệ thống rà soát và phiên bản điện tử Tạp chí Khoa học của Trường dựa trên nền tảng công nghệ thông tin cho giai đoạn tiếp theo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có định hướng quản lý hoạt động khoa học công nghệ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, nhóm nghiên cứu, tổ chức liên kết,... thực hiện nhiệm vụ KH&CN đạt được kết quả tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống công nghệ thông tin vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phát triển hệ thống thu thập và quản lý dữ liệu nghiên cứu dựa trên nền tảng CNTT	P.KHCN&HT QT Viện CNTT	2020	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì chính sách khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học đạt kết quả cao	P.KHCN&HT QT P.TCHC Các khoa	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.				x			
Chỉ số 3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.				x			
Chỉ số 3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn trường.				x			
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đối ngoại

Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương

1. Mô tả

Chỉ số 4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông

Trong Chiến lược phát triển của Trường ĐHSP Hà Nội 2 giai đoạn 2017 - 2022, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã lên kế hoạch rà soát các chương trình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên hiện hành nhằm đảm bảo các chương trình được triển khai hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H4.04.08.01]. Theo đó, chương trình đào tạo liên thông nhằm nâng chuẩn trình độ cho giáo viên tại địa phương theo hệ thống tín chỉ được ban hành năm 2015 [H4.04.08.30] được tổ chức rà soát chương trình đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông tại địa phương cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn địa phương và nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông [H4.04.08.31]. Từ việc rà soát các chương trình đào tạo giáo viên và CBQL giáo dục phổ thông, khoa chuyên môn đã phân tích được những điểm phù hợp và căn cứ từ thực tiễn trong xây dựng chương trình đào

tạo liên thông để thấy được những cải tiến về sự cân đối giữa các khối lượng kiến thức; tính liên thông giữa các trình độ và loại hình đào tạo; sự kế thừa và tính đến yếu tố cập nhật so với các chương trình đào tạo trước của người học [H4.04.08.32]. Cũng theo Chiến lược phát triển nhà trường, trường đã cải tiến chất lượng Quy trình tuyển sinh hệ liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học, hình thức VLVH để đảm bảo công khai và minh bạch về tuyển sinh [H4.04.08.33; H4.04.08.34]. Theo đó, toàn bộ quá trình tuyển sinh các khóa đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tại địa phương có sự phối hợp chặt chẽ với các địa phương, trên cơ sở nhu cầu, nguyện vọng của địa phương và của học viên; các bước trong quy trình (từ Thông báo tuyển sinh, Hướng dẫn ôn tập tuyển sinh, Tổ chức thi và công nhận kết quả trúng tuyển) đều công khai, minh bạch trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật và thông báo đúng thời hạn tới địa phương và người học [H4.04.08.35; H4.04.08.36; H4.04.08.37; H4.04.08.38; H4.04.08.39; H4.04.08.40; H4.04.08.41; H4.04.08.42; H4.04.08.43]. Đi đôi với việc rà soát các chương trình đào tạo giáo viên và CBQL giáo dục phổ thông, nhà trường đã tiến hành lập kế hoạch phát triển chương trình và tài liệu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông [H4.04.08.02; H4.04.08.03; H4.04.08.04]. Việc phát triển chương trình và tài liệu bồi dưỡng GV và CBQL giáo dục tại các địa phương được tiến hành dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu bồi dưỡng GV và CBQL giáo dục phổ thông [H4.04.08.05; H4.04.08.06; H4.04.08.07; H4.04.08.08; H4.04.08.10]. Từ những kết quả đánh giá này, nhà trường đã xây dựng được các chuyên đề bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu của địa phương trong từng giai đoạn và đã tiến hành bồi dưỡng thường xuyên cho toàn bộ giáo viên và CBQL giáo dục mầm non, tiểu học và THCS tại Hưng Yên các năm 2016, 2018, 2019 [H4.04.08.11; H4.04.08.12; H4.04.08.13; H4.04.08.14; H4.04.08.15; H4.04.08.16; H4.04.08.17; H4.04.08.18].

DANH SÁCH CÁC LỚP BỒI DƯỠNG HƯNG YÊN 2019

TT	Huyện /Thị xã/ Thành phố	THCS		Tiểu học		Mầm non		Tổng số lớp đặt tại huyện/ TX/TP
		Số lớp giáo viên	Số lớp CBQL	Số lớp giáo viên	Số lớp CBQL	Số lớp giáo viên	Số lớp CBQL	
1	TP Hưng Yên	4	L 1 (HY)	5	L 1 (HY)	3	L 1 (PC)	14
2	Phù Cừ	3		3		3		10
3	Tiên Lữ	4		4		3		12
4	Kim Động	3	L 2 (KĐ)	4	L 2 (ÂT)	4	L 2 (TL)	12
5	Ân Thi	5		5		4	L 3 (AT)	15

6	Khoái Châu	6	L 3 (KC)	6	L 3 (VG)	5	L 4 (KC)	19
7	Văn Giang	3		4		4	L 5 (YM)	12
8	Yên Mỹ	5	L 4 (MH)	5	L 4 (YM)	4		16
9	TX Mỹ Hào	3		4		3	L 6 (VL)	11
10	Văn Lâm	3		4		4		12

Ngoài bồi dưỡng cho toàn bộ giáo viên và CBQL giáo dục tại Hưng Yên, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã xây dựng được các chuyên đề bồi dưỡng GV và CBQL giáo dục phổ thông đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Các chuyên đề được xây dựng dựa trên việc đánh giá tổng thể chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THPT theo chuẩn mới [H4.04.08.21], do đó phù hợp với đặt hàng thực tiễn tại địa phương và được tiến hành triển khai bồi dưỡng toàn thể đội ngũ CBQL giáo dục tại Hà Giang năm 2019 [H4.04.08.19]. Song song với việc tổ chức bồi dưỡng theo đặt hàng của địa phương, nhà trường đã tiến hành khảo sát về bồi dưỡng cán bộ QLGD tại Hà Giang [H4.04.08.20], kết quả khảo sát được phân tích, rà soát, rút kinh nghiệm tại cuộc họp giao ban nhà trường, họp hội đồng khoa học của các khoa chuyên môn. Với việc phối hợp với các tỉnh như Hưng Yên, Hà Giang trong công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên; cán bộ quản lý giáo dục phổ thông, trường ĐHSP Hà Nội 2 có đóng góp lớn vào việc cung cấp nền giáo dục chất lượng cao cho cộng đồng và địa phương. Điều này được thể hiện rõ trong các hoạt động nghiên cứu và sinh hoạt chuyên môn về công tác đào tạo, bồi dưỡng tại trường trong các cuộc họp, seminar về chuyên môn của giảng viên về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phổ thông. Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tại địa phương được nhà trường kết hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý giáo dục địa phương đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kịp thời theo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng mang đặc thù riêng của mỗi địa phương đó.

Chỉ số 4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục

Với sứ mạng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và công nghệ trình độ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục khu vực nông thôn và miền núi phía Bắc với khu vực thành thị, thiết lập mô hình tiêu biểu về mạng lưới kết nối giữa các trường sư phạm với các trường phổ thông,

đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập của đất nước; ngoài các hoạt động kết nối với địa phương về đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên, nhà trường còn có các hoạt động hợp tác chặt chẽ với mạng lưới các trường sư phạm cụm Trung Bắc như Hội thảo khoa học các trường sư phạm cụm Trung Bắc, Hội thi nghiệp vụ sư phạm cụm Trung Bắc [H4.04.08.25]; là một trong 8 trường sư phạm chủ chốt và tham gia chương trình ETEP [H4.04.08.28]. Bên cạnh các thỏa thuận hợp tác của trường với các mạng lưới trường sư phạm, nhà trường còn ký các Biên bản thỏa thuận hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với các Sở Giáo dục – Đào tạo các tỉnh Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Hải Dương,... và các trường phổ thông ở nhiều tỉnh [H4.04.08.44]; ngoài ra nhà trường còn thường xuyên hợp tác nghiên cứu và trao đổi giảng viên với các trường và các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Thủ đô Hà Nội, Đại học Tân Trào, Đại học Artevelde Vương quốc Bỉ, Đại học Texas Hoa Kỳ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hiệp hội các trường cao đẳng, đại học Việt Nam... tại các hội nghị, hội thảo, seminar, thỏa thuận hợp tác về khoa học giáo dục [H4.04.08.22; H4.04.08.23; H4.04.08.24; H4.04.08.26; H4.04.08.27; H4.04.08.28; H4.04.08.29]. Hiệu quả triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học có sự tham gia của các bên liên quan được thể hiện rõ trong kết quả nghiệm thu nhiệm vụ song phương về khoa học và công nghệ hay trong các cuộc tọa đàm và trao đổi chuyên môn với các đối tác kể trên.

2. Điểm mạnh

Sứ mạng và tầm nhìn của trường phản ánh nhu cầu hợp tác với cộng đồng địa phương và khu vực.

Trường có đóng góp lớn trong việc cung cấp nền giáo dục chất lượng cao cho cộng đồng và địa phương.

Công tác đánh giá sự hợp tác giữa trường ĐHSP Hà Nội 2 được quan tâm thực hiện mang lại hiệu quả và tác động tốt cho việc điều chỉnh các kế hoạch hợp tác vùng, địa phương.

Trường có cơ chế phù hợp cho sự tham gia của giáo viên tại địa phương vào công việc của trường và chương trình đào tạo.

Trường tổ chức nhiều các sự kiện đồng thời kí kết nhiều các thỏa thuận hợp tác và tham gia vào việc kết nối mạng lưới các trường và các tổ chức khác trong khu vực, trong nước và ngoài nước phù hợp với mục tiêu và sứ mạng mà nhà trường đã nêu ra.

3. Điểm tồn tại

Chưa có chính sách rõ ràng trong việc khuyến khích các giảng viên đưa bối cảnh địa phương vào các hoạt động giảng dạy.

Chưa có chính sách rõ ràng trong việc khuyến khích các giảng viên cộng tác với cộng đồng lân cận cũng như cộng đồng khác trong và ngoài tỉnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng/bổ sung và ban hành hệ thống văn bản thể hiện chính sách rõ ràng trong việc khuyến khích các giảng viên đưa bối cảnh địa phương vào các hoạt động giảng dạy.	Khoa chuyên môn	9/2020	12/2020
2		Xây dựng/bổ sung và ban hành hệ thống văn bản thể hiện chính sách rõ ràng trong việc khuyến khích giảng viên cộng tác với cộng đồng lân cận cũng như cộng đồng khác trong và ngoài tỉnh.	Phòng Đào tạo Khoa chuyên môn	9/2020	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.					x		
Chỉ số 4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.				x			
Điểm tiêu chí:	4,5						

Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế

1. Mô tả

Chỉ số 4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này

Chính sách phát triển HTQT được phát triển và cải thiện hơn, thể hiện qua việc hoàn thành Bản Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2023, tầm nhìn 2030 [H4.04.09.01], qua Nghị quyết nhiệm vụ trọng tâm các năm học [H4.04.09.02], qua Quy định về quản lý hoạt động Hợp tác quốc tế của Trường ĐHSPT

Hà Nội 2 [H4.04.09.03]; qua việc cho các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn các hoạt động hợp tác quốc tế [H4.04.09.10]. Các hoạt động đó được đánh giá, tổng hợp trong báo cáo cuối năm học [H4.04.09.10] và từ đó đề ra nhiệm vụ trong năm học mới.

Trong cơ chế xây dựng chính sách HTQT, Nhà trường chủ động thuê chuyên gia tư vấn quốc tế [H4.04.09.04], xin ý kiến các bên liên quan [H4.04.09.05], chủ động tìm kiếm và đàm phán với các đối tác quốc tế [H4.04.09.06] để thêm những cơ hội hợp tác quốc tế, những Hiệp định song phương mới được ký kết, những hiệp định cũ được đàm phán và gia hạn [H4.04.09.13] nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nhà trường có nhiều biện pháp khuyến khích: các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn các hoạt động hợp tác quốc tế [H4.04.09.10]; khen thưởng các giảng viên, cán bộ nghiên cứu có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín [H4.04.09.07], hỗ trợ kinh phí cho các giảng viên ra nước ngoài đọc báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học [H4.04.09.12]; hợp tác du học đối với sinh viên ngành NNTQ [H4.04.09.09]; mua sắm sách, báo, tạp chí điện tử quốc tế, phần mềm chống đạo văn Turnitin [H4.04.09.19] để giảng viên khai thác, tìm kiếm tài liệu, phục vụ nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế [H4.04.09.18]; tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng đàm phán quốc tế cho các cán bộ quản lý, nhà trường tham gia dự án Việt Bỉ FCB [H4.04.09.16]; bên cạnh đó, lãnh đạo nhà trường cũng luôn quan tâm, khuyến khích giảng viên trẻ ra nước ngoài học tập, nghiên cứu; Viện NCKH&UD, Khoa Ngoại ngữ tổ chức các seminar, workshop hỗ trợ giảng viên kỹ thuật viết bài báo bằng tiếng Anh [H4.04.09.19]. Trang web của nhà trường và hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung đang được phát triển hỗ trợ tham gia mạng lưới quốc tế [H4.04.09.18].

Nhà trường hỗ trợ viên chức và người học về tài chính, thời gian, thủ tục trong các chuyến công tác, trao đổi ở nước ngoài, hỗ trợ các thủ tục xin visa, thẻ cư trú và chỗ ở cho sinh viên quốc tế đến học tập và giao lưu tại trường [H4.04.09.10].

Kết quả là: Từ năm 2017 đến nay, đã có 110 giảng viên được cử đi học tập thạc sĩ, NCS và hợp tác trao đổi nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (trong đó có 37 cán bộ đi hợp tác khoa học); tổ chức được 5 hội thảo quốc tế thu hút các nhà khoa học đến từ Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á và Châu Úc; đã hình thành được một số nhóm nghiên cứu có trao đổi hợp tác thường xuyên với đại học nước ngoài, chẳng hạn nhóm nghiên cứu của Khoa Toán, Vật lý, Hóa học; một số đề tài NCKH của giảng viên có sự tham

gia của chuyên gia nước ngoài [H4.04.09.11]; các hoạt động trao đổi giảng viên, trao đổi học thuật được gia tăng đáng kể [H4.04.09.15]; số lượng giảng viên tham gia vào các hoạt động trao đổi học thuật, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua hoạt động hợp tác quốc tế ngày càng nhiều [H4.04.09.17]; Trường có 170 bài báo công bố quốc tế; Nhà trường đón 43 giảng viên nước ngoài đến giảng dạy dài hạn, ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên môn cho sinh viên và giảng viên của trường; 08 đoàn sinh viên trao đổi, học tập với nước ngoài; Nhà trường triển khai Đề án Ngoại ngữ 2080, dự án FCB Việt - Bỉ, hợp tác với tổ chức Cengage Learning, Hội đồng Anh ở Việt Nam, Đại sứ quán Hoa Kỳ, bồi dưỡng cho 185 giảng viên các phương pháp giảng dạy tiên tiến, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Hằng năm, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết hoạt động Hợp tác quốc tế, rút kinh nghiệm và đề ra kế hoạch cho năm tiếp theo [H4.04.09.08; H4.04.09.48].

Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, nhà trường đã được các tổ chức đánh giá, xếp loại các trường đại học webometrics đánh giá [H4.04.09.20]; Vị thế, năng lực hợp tác quốc tế của nhà trường ngày càng được cải thiện [H4.04.09.21]; Công tác đào tạo, hợp tác quốc tế ngày càng có uy tín trong và ngoài nước [H4.04.09.15; H4.04.09.22].

Chỉ số 4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Nhà trường chú trọng các chính sách hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác ở nước ngoài, thể hiện qua Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018-2023, tầm nhìn 2030 [H4.04.09.01], trong Nghị quyết của Đảng ủy về nhiệm vụ trọng tâm công tác năm học [H4.04.09.02,] trong công văn triển khai Kế hoạch công tác năm học [H4.04.09.10].

Nhà trường có nhiều biện pháp hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác ở nước ngoài. Đó là: cập nhật thông tin về Đào tạo, KHCN trên trang web bằng tiếng Anh của trường [H4.04.09.34]; chỉ đạo các đơn vị chức năng tích cực quảng bá hình ảnh của nhà trường với quốc tế qua các ấn phẩm bằng tiếng Anh [H4.04.09.35], xây dựng kế hoạch, đề án liên kết đào tạo đại học, mời chuyên gia nước ngoài sang bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp

vụ cho giảng viên [H4.04.09.25], tổ chức xây dựng chương trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và Đề án xin phép đào tạo và cấp chứng chỉ tiếng Việt cho người nước ngoài [H4.04.09.26; H4.04.09.27]; đánh giá trường bởi hệ thống Webometrics; lãnh đạo nhà trường đưa đoàn ra nước ngoài ký kết ghi nhớ hợp tác [H4.04.09.24; H4.04.09.29; H4.04.09.30], hoặc mời đến trường để ký kết hợp tác [H4.04.09.31], hoặc qua đề án, dự án khác, chẳng hạn Đề án ngoại ngữ, Dự án FCB, Chương trình ETEP [H4.04.09.16; H4.04.09.41; H4.04.09.42]; hỗ trợ các chuyên gia, giảng viên người nước ngoài sang giảng dạy và hợp tác tại Trường về đi lại, sinh hoạt phí, chỗ ăn nghỉ theo Quy chế Chi tiêu nội bộ [H4.04.09.06].

Kết quả là, Từ 7/2017 đến nay, Nhà trường đã ký thêm được 12 biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường, các đơn vị, các tổ chức quốc tế [H4.04.09.22; H4.04.09.28], tiếp tục phát triển chương trình liên kết đào tạo ngôn ngữ Trung Quốc; mở thêm được chương trình đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài và đang xây dựng kế hoạch liên kết với đối tác Lào, Trung Quốc [H4.04.09.13; H4.04.09.33]. Chương trình cử nhân sư phạm toán dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh luôn có một chuyên gia người Singapore trực tiếp giảng dạy; chương trình ngôn ngữ Trung Quốc luôn có ít nhất 02 giảng viên người TQ, Đài Loan trực tiếp giảng dạy; chương trình Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh có 03 giảng viên người Mỹ trực tiếp giảng dạy; Nhà trường đang triển khai kế hoạch liên kết đào tạo quốc tế cử nhân sư phạm Toán dạy bằng tiếng Anh. Nhiều chương trình hợp tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học được triển khai [H4.04.09.15].

Nhà trường theo dõi, thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, các giảng viên đã tăng cường được năng lực ngôn ngữ, kỹ năng làm việc nhóm với chuyên gia quốc tế, minh chứng là hình thành nên một số nhóm nghiên cứu ở các khoa Toán, Vật lý có sự tham gia của các chuyên gia quốc tế và có sự trao đổi khoa học khá thường xuyên giữa các thành viên của nhóm này, bằng cách trực tiếp trao đổi hoặc làm việc qua mạng [H4.04.09.36].

Nhà trường đã có sự quan tâm đến việc tích hợp các vấn đề toàn cầu, môi trường và con người trong chương trình đào tạo sư phạm các ngành Giáo dục Công dân, Sư phạm sinh học, Giáo dục Mầm Non, Giáo dục Tiểu học, trong cử nhân Việt Nam học [H4.04.09.37].

Chỉ số 4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo qui định

Nhà trường đề ra chủ trương, sau đó xây dựng thành các chính sách và triển khai để giúp giảng viên và người học đạt mức thông thạo ngoại ngữ theo quy định. Đó là: yêu cầu đầy đủ về trình độ ngoại ngữ, tin học thông báo tuyển dụng viên chức [H4.04.09.39]; tổ chức cho giảng viên chủ động lên kế hoạch bồi dưỡng ngoại ngữ, chuyên môn, nghiệp vụ [H4.04.09.38]; xây dựng các chương trình, giáo trình bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho viên chức trong đó phối hợp cả các phương pháp dạy học kết hợp phần mềm [H4.04.09.44]; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho các giảng viên, cán bộ quản lý [H4.04.09.40; H4.04.09.41; H4.04.09.42]. Đối với sinh viên, nhà trường sửa đổi, bổ sung quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và lộ trình thực hiện [H4.04.09.43] cho phù hợp với tình hình hiện tại; xây dựng chương trình, giáo trình và tổ chức học tiếng Anh tăng cường đối với một bộ phận sinh viên, ưu tiên sinh viên học chuyên ngành bằng tiếng Anh [H4.04.09.44]; hằng năm tổ chức 04 lần đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu ra cho sinh viên chuyên ngữ bậc 4 theo VSTEP và HSK, bậc 2 khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với sinh viên không chuyên ngữ; hỗ trợ sinh viên tiền mua giáo trình Life và hỗ trợ phần kinh phí đối với sinh viên thi chuẩn đầu ra tại trường [H4.04.09.47]. Nhà trường hỗ trợ tổ chức các hình thức cộng đồng học ngoại ngữ, thông qua các hình thức Câu lạc bộ ngoại ngữ của sinh viên chuyên ngữ, của sinh viên không chuyên ngữ và của giảng viên, khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi Olympic tiếng Anh sinh viên do nhà trường và các đơn vị ngoài nhà trường tổ chức [H4.04.09.45]. Đề án NN 2080 Trường xây dựng các môn học tiếng Anh trong lớp học chuyên ngành để đưa vào chương trình đào tạo cử nhân dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh [H4.04.09.46], góp phần nâng cao chất lượng đào tạo các chương trình này.

2. Điểm mạnh

Chính sách, cơ chế và sự hỗ trợ của nhà trường ngày càng bài bản, rõ nét, có hệ thống và đa dạng hơn; tạo ra không khí cởi mở, tự chủ hơn trong việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia mạng lưới quốc tế các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này.

Lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các đơn vị ngày càng tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm những cơ hội cho hợp tác quốc tế.

Trường đã hỗ trợ và đang phát triển một số chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các đối tác quốc tế.

Trong chương trình đào tạo cử nhân hiện hành ở một số khoa, đã tích hợp các

vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa.

Nhà trường tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ngoại ngữ, tin học đối với giảng viên và người học.

Hỗ trợ phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên và sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Công tác xây dựng các chính sách khuyến khích giảng viên, người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản... còn chưa đáp ứng với sự thay đổi nhanh của thực tiễn.

Chưa văn bản hóa chính sách về hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhất là đối với nhóm nghiên cứu có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài.

Số lượng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế còn ít (01 đang thực hiện, 01 đang tiến hành đàm phán).

Việc cải thiện năng lực ngoại ngữ của giảng viên chưa đưa vào các chế tài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách phát triển hợp tác quốc tế về NCKH, chuyển giao tri thức, công nghệ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, liên kết đào tạo.	- Ban Giám hiệu - Phòng KHCN-HTQT - Phòng ĐT, - Viện NCSP - Các khoa	6/2020	9/2020
2		Xây dựng quy trình thực hiện công việc cho các hoạt động chủ yếu của nhà trường.	- Ban Giám hiệu - Các đơn vị trong trường	6/2020	9/2020
3		Xây dựng cơ chế hỗ trợ các nhóm nghiên cứu mạnh, nhất là nhóm nghiên cứu về KHGD, có sự tham gia của chuyên gia nước ngoài.	- Phòng KHCN-HTQT - Ban Giám hiệu	6/2020	9/2020
4		Phát triển một số các chương trình liên kết đào tạo quốc tế: sư phạm Toán, dạy tiếng Việt, tiếng Trung...	- Phòng KHCN-HTQT - Phòng ĐT - Khoa Ngoại ngữ - Khoa Toán	2020	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
5		Nghiên cứu để đưa các yếu tố toàn cầu hóa, con người và môi trường vào các chương trình cử nhân sư phạm.	- Phòng Đào tạo - Các khoa	10/2020	Hàng năm
6		Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên đạt mức thông thạo theo quy định .	- Ban Giám hiệu - Đề án NN - Phòng ĐT	6/2020	9/2020
7		Ban hành quy định về năng lực năng lực ngoại ngữ của giảng viên tại trường.	- Ban Giám hiệu, - Đề án NN, - Các Khoa, Viện	10/2020	12/2020
8	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện công tác tổng kết, đánh giá các chính sách, cơ chế hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm, và ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ.	- Ban Giám hiệu, - Các phòng ban chức năng - Các đơn vị trong trường	2020	Hàng năm
9		Phát huy vai trò của các bên liên quan: Các đối tác quốc tế, các nhà tuyển dụng, các chuyên gia nước ngoài, giảng viên, cựu sinh viên, người học vào xây dựng chính sách và kế hoạch hợp tác quốc tế của nhà trường.	- Ban Giám hiệu, - Các phòng ban chức năng	2020	Hàng năm
10		Tạo động lực tích cực để phát huy tính chủ động của các lãnh đạo đơn vị tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch hợp tác quốc tế.	- Đảng ủy, - Ban Giám hiệu	2020	Hàng năm
11		Thực hiện công tác tổng kết, đánh giá các chính sách, cơ chế hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm, và ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ.	- Ban Giám hiệu, - Các phòng ban chức năng - Các đơn vị trong trường	2020	Hàng năm
12		Thúc đẩy mạnh mẽ các chương trình đào tạo cử nhân dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, qua đó làm tăng số lượng các chương trình đào tạo liên kết quốc tế.	- Ban Giám hiệu, - Phòng Đào tạo, - Các khoa	2020	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
13		Triển khai đa dạng hóa các loại hình hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, trao đổi sinh viên, giảng viên với các trường đại học, các tổ chức quốc tế theo mô hình win-win.	- Ban Giám hiệu, - Các phòng chức năng - Các khoa	2020	Hàng năm
14		Thực hiện công tác tổng kết, đánh giá các chính sách, cơ chế hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm, và ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ.	- Ban Giám hiệu, - Các phòng ban chức năng - Các đơn vị trong trường	2020	Hàng năm
15		Tiếp tục xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên với vai trò nòng cốt là khoa Ngoại ngữ.	- Ban Giám hiệu, - Phòng chức năng - Khoa Ngoại ngữ	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này.				x			
Chỉ số 4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.			x				
Chỉ số 4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo qui định.				x			
Điểm tiêu chí:	3,7						

Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác

1. Mô tả

Chỉ số 4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học trình độ đại học và sau đại học; là trung tâm nghiên

cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trình độ cao phục vụ sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H4.04.10.01]. Việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao được xác định trong kế hoạch chiến lược của trường, trong Nghị quyết Đảng bộ trường, trong kế hoạch năm học và trong báo cáo Hội nghị công chức, viên chức, người lao động các năm học [H4.04.10.02; H4.04.10.03; H4.04.10.04].

Trường là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với 17 chuyên ngành thạc sĩ, 05 chuyên ngành tiến sĩ [H4.04.10.05]. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo và ra thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ thông qua website của Trường, website của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các phương tiện truyền thông đại chúng. Đồng thời, Trường gửi thông báo tới một số cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức có liên quan [H4.04.10.06]. Từ năm 2017 đến năm 2019, Trường đã tuyển sinh đào tạo 607 học viên cao học và 14 học viên nghiên cứu sinh [H4.04.10.07; H4.04.10.08]. Năm 2018 và 2019, Trường đã đào tạo được 710 thạc sĩ và 15 tiến sĩ cho các cơ sở giáo dục đại học, các sở giáo dục và đào tạo, và các tổ chức khác [H4.04.10.09; H4.04.10.10]. Bên cạnh việc đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho các đơn vị trong nước, Trường còn đào tạo trình độ thạc sĩ cho nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào [H4.04.10.11]. Thông qua việc tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN các cấp, Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của các giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học khác, Nhà trường cung cấp một nguồn chất lượng cao hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học khác trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học [H4.04.10.12]. Trường còn cung cấp nguồn nhân lực cho các Đoàn đánh giá chất lượng giáo dục, đánh giá chương trình đào tạo, đánh giá TEIDI; Xây dựng và đánh giá chương trình giáo dục phổ thông [H4.04.10.13].

Nhiều cựu sinh viên của nhà trường, hiện nay đang giữ những trọng trách quan trọng trong ngành giáo dục và trong nhiều lĩnh vực khác. Các cựu sinh viên của Trường luôn là cầu nối kết nối các hoạt động giữa đơn vị đang công tác và nhà trường [H4.04.10.14].

Ngoài chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh tại Trường, Nhà trường còn tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học. Từ năm 2017 đến 2019, Nhà trường đã tổ chức giảng dạy và cấp và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

cho gần 500 giảng viên các của các trường đại học, cao đẳng trên cả nước [H4.04.10.15; H4.04.10.16]. Năm 2018 và 2019, Trường đã tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho hơn 600 giảng viên các học viện, trường đại học, cao đẳng [H4.04.10.17].

Để nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học, Nhà trường đã mở chương trình đào tạo sư phạm Toán học chất lượng cao và chương trình Sư phạm Toán học, sư phạm Vật lý và giáo dục Mầm non dạy bằng Tiếng Anh [H4.04.10.18]. Tính đến năm học 2019 - 2020, nhà trường đã có 267 sinh viên tham gia đào tạo các chương trình này. [H4.04.10.19].

Chỉ số 4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn

Việc tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác được Nhà trường xác định trong quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSP Hà Nội 2 đến năm 2020 [H4.04.10.20].

Trường ĐHSP Hà Nội 2 là thành viên của Câu lạc bộ các trường đại học sư phạm. Trường thường xuyên cử cán bộ lãnh đạo tham gia các phiên họp, thảo luận chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác.

Hiện nay, Nhà trường là một trong 8 trường sư phạm tham gia Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP), bao gồm: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Đại học Vinh, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Học viện Quản lý Giáo dục. Trong năm 2018 và năm 2019, cùng với các trường nói trên, Trường đã cử giảng viên tham gia hội thảo “Nâng cao năng lực cho giảng viên các trường sư phạm về Chương trình GDPT”; Hội thảo, tập huấn về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT mới; Hội thảo góp ý bộ công cụ TEIDI và tài liệu hướng dẫn sau điều chỉnh, bổ sung; Hội thảo, tập huấn “Dạy và học các Chương trình BDTX tiếp cận theo năng lực” [H4.04.10.21; H4.04.10.22].

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 là Trường cụm 7 trường đại học, cao đẳng cụm Trung Bắc bao gồm: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, Trường cao đẳng Sư phạm Yên Bái, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà

Giang. Từ năm 1996 đến nay, 02 năm một lần, Nhà trường cùng với các trường nói trên tổ chức các hoạt động giao lưu, để chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn giữa các trường [H4.04.10.23]. Tháng 11 năm 2018, các trường đại học, cao đẳng Cụm Trung Bắc tổ chức Hội thi chuyên môn - nghiệp vụ lần thứ XII. Bên cạnh các nội dung thi nghiệp vụ sư phạm; văn nghệ; thể dục, thể thao; Olympic Toán, Tin, tiếng Anh. Trong Hội thi này cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường đã tham gia Hội thảo khoa học với chủ đề “*Đào tạo và nghiên cứu khoa học trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*” để chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn gắn với yêu cầu đổi mới, phát triển giáo dục đào tạo và hội nhập quốc tế [H4.04.10.24]. Tháng 8 năm 2019, Nhà trường đã phối hợp với Hiệp Hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học Quốc gia “*Các giải pháp ổn định, phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên*” với sự tham gia của các nhà khoa học đến từ nhiều trường đại học và các tổ chức giáo dục trên cả nước [H4.04.10.25].

Chỉ số 4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ trong đó quy định về mức chi cho hoạt động hỗ trợ giảng viên, người học tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước [H4.04.10.26].

Nhà trường tạo điều kiện về mặt thời gian để giảng viên tham gia các buổi tập huấn, hội thảo, hội nghị trong ngành do Bộ Giáo dục tổ chức [H4.04.10.27].

Nhà trường tạo điều kiện về cơ sở vật chất, hệ thống trang thiết bị, phòng thí nghiệm, tài liệu thư viện cho các đơn vị trong Trường tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, các buổi xêmina chuyên đề... của cán bộ giảng viên trong Trường hoặc giữa cán bộ GV trong Trường và ngoài Trường [H4.04.10.28].

Đối với người học, Nhà trường thường xuyên tổ chức hội nghị học tập, hội thi nghiệp vụ sư phạm, Hội Giao lưu cụm Trung-Bắc, các cuộc thi Olympic các môn học các cấp nhằm giúp sinh viên, đặc biệt là tân sinh viên sớm tìm ra phương pháp học phù hợp ở đại học [H4.04.10.29; H4.04.10.30; H4.04.10.31].

Tuy nhiên chính sách hỗ trợ của Nhà trường chưa đáp ứng nhu cầu của viên chức. Nhà trường cần có những chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn nữa để khuyến khích cán bộ giảng viên và người học tham gia vào các hoạt động chuyên môn trong ngành.

Chỉ số 4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác với các tổ chức và cá nhân nhằm thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Về hoạt động hợp tác, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể, có các dự án hợp tác như: Ký kết biên bản Ghi nhớ hợp tác đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước như: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; Trường Đại học Hoa Lư; Trường Đại học Tân Trào; Trường Hoa Văn Côn Minh, Trung Quốc; Trường Đại học Khoa học Công nghệ Kiến Quốc, Đài Loan; Làm việc với đại diện Trường Đại học Hoa Kiều; Đại biểu Đại sứ quán nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào... [H4.04.10.32].

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo đại học liên thông với nhiều trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên [H4.04.10.33].

Nhà trường cũng có quan hệ mật thiết với các Sở GD&ĐT, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang và các tỉnh vùng Đông Bắc, Trung Bắc để thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng [H4.04.10.34].

Năm học 2018-2019, đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên của Nhà trường đã triển khai nghiên cứu và công bố công trình khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước, kỉ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học, trong đó, nhiều bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín, tạo ra môi trường giao lưu học hỏi giữa các nhà khoa học trong và ngoài nước với viên chức trong Trường. [H4.04.10.35; H4.04.10.36].

Hai năm một lần, Nhà trường tổ chức các hội nghị khoa học trẻ nhằm khuyến khích, tạo môi trường trao đổi học thuật giữa các nhà khoa học trẻ. Hội nghị khoa học trẻ của Trường đã thu hút nhiều viên chức trẻ trong và ngoài trường, sinh viên và học viên tham gia [H4.04.10.37].

Tuy nhiên, hiệu quả và quy mô hợp tác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chưa tương xứng với tiềm lực và vị thế của Nhà trường [H4.04.10.38].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHSP Hà Nội 2 là nơi cung cấp nguồn nhân lực lớn có uy tín và chất lượng cho đất nước. Nhà trường có các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đa dạng, đáp ứng được nhu cầu thực tế hiện nay. Quy mô, chất lượng đào tạo từng bước được khẳng định. Nhiều cựu sinh viên, học viên của nhà trường đang đảm nhiệm những vị trí quan trọng ở các Bộ, ngành và địa phương.

Nhà trường đã phát huy được thế mạnh của trường sư phạm trong việc bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học.

Nhà trường đã tham gia tích cực vào mạng lưới các trường sư phạm trong Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP).

Nhà trường luôn khẳng định được vị thế dẫn đầu trong khối các trường đại học, cao đẳng Cụm Trung - Bắc.

Đào tạo sau đại học của Nhà trường là một thế mạnh, quy mô và chất lượng đào tạo được khẳng định, nâng cao, là nơi cung cấp nguồn nhân lực lớn có chất lượng cho đất nước.

Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã tham gia vào mạng lưới các trường đại học, cao đẳng từ khi mới được thành lập. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào danh sách 7 trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện cho giảng viên và người học tham gia hoạt động chuyên môn, học tập nâng cao trình độ.

Quan hệ hợp tác của Nhà trường không ngừng được mở rộng và phát triển, số lượng các dự án kí kết thành công, tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên có cơ hội tham gia hội nhập và nâng cao kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường còn bị động trong việc ký kết cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học, cao đẳng khác.

Chưa có khảo sát việc việc làm của cựu sinh viên tại các trường đại học sư phạm và trường đại học, viện nghiên cứu, cao đẳng, TCCN.

Chưa có khảo sát của các nhà tuyển dụng là các trường đại học sư phạm, trường đại học, viện nghiên cứu, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

Chưa có thống kê thường xuyên cựu sinh viên của Nhà trường đang công tác tại các trường đại học, cao đẳng, sở giáo dục.... hiện nay đang là học viên, NCS tại trường.

Chưa đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhà trường còn bị động trong việc ký kết cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học, cao đẳng khác.

Các Biên bản ghi nhớ về việc tham gia thành viên của mạng lưới các trường sư phạm chưa được ký kết.

Chưa có điều tra khảo sát thường xuyên các hoạt động của giảng viên tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo trong ngành giáo dục và các hoạt động chuyên sâu trong ngành.

Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với các bài báo khoa học chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của viên chức. Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng viên và người học chưa được đáp ứng theo quy chuẩn.

Nhà trường chưa xây dựng được hệ thống văn bản quy định cụ thể, rõ ràng về hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Việc liên liên kết, hợp tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường với các cơ sở nước ngoài, cũng như các doanh nghiệp sản xuất vẫn còn hạn chế, phần lớn dừng lại ở các biên bản ghi nhớ, viếng thăm; còn ít những văn bản kí kết về liên kết trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động đặt quan hệ ký kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học cao đẳng, TCCN.	- P. Đào tạo - Viện NCSP	2020	Hàng năm
2		Xây dựng phiếu khảo sát và khảo sát việc làm của cựu sinh viên tại các trường đại học sư phạm và trường đại học, viện nghiên cứu, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.	TT. Khảo thí & ĐBCLGD	10/2020	Hàng năm
3		Xây dựng phiếu khảo sát và khảo sát các nhà tuyển dụng là các trường đại học sư phạm trường đại học, viện nghiên cứu, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.	TT. Khảo thí & ĐBCLGD	10/2020	Hàng năm
4		Xây dựng kế hoạch thống kê thường xuyên cựu sinh viên của Nhà trường đang công tác tại các trường đại học, cao đẳng, Sở Giáo dục.... hiện nay đang là học viên, NCS tại trường.	P. Đào tạo	10/2020	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
5		Đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo.	P. Đào tạo	10/2020	6/2021
6		Chủ động đặt quan hệ ký kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học cao đẳng, TCCN.	ĐHSP Hà Nội 2	2020	Hàng năm
7		Xây dựng các Biên bản ghi nhớ về việc tham gia thành viên của mạng lưới các trường sư phạm chưa được ký kết.	ĐHSP Hà Nội 2	10/2020	Hàng năm
8		Xây dựng kế hoạch khảo sát thường xuyên các hoạt động của giảng viên tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo trong ngành giáo dục và các hoạt động chuyên sâu trong ngành.	P.KHCN&HTQT	10/2020	Hàng năm
9		Các biện pháp hỗ trợ cho giảng viên và người học nên được rà soát và bổ sung hàng năm để có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.	P. Tài vụ	2020	Hàng năm
10		Quan tâm xây dựng hệ thống văn bản về hoạt động hợp tác.	ĐHSP Hà Nội 2	2020	Hàng năm
11		Tăng cường mở rộng quy mô hợp tác với các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học, cũng như các địa phương, doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.	P.KHCN&HTQT	2020	Hàng năm
12		Đẩy mạnh hơn nữa việc thu hút sinh viên người nước ngoài đến học tập và nghiên cứu.	P.KHCN&HTQT	2020	Hàng năm
13		Xây dựng đội ngũ các nhà khoa học có năng lực ngoại ngữ tốt để chiếm lĩnh các dự án quốc tế.	ĐHSP Hà Nội 2	2020	Hàng năm
14	Phát huy điểm mạnh	Hoạt động sau đại học của Nhà trường là một thế mạnh cần được tiếp tục quan tâm phát huy thế mạnh của mình.	P. Đào tạo	2020	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
15		Trường được chọn vào danh sách 7 trường ĐHSP trọng điểm quốc gia. Trên cơ sở đó Nhà trường tiến tới mở rộng quy mô tham gia mạng lưới các trường sư phạm trong và ngoài nước.	ĐHSP Hà Nội 2	2020	Hàng năm
16		Duy trì và tăng thêm các biện pháp hỗ trợ kinh phí cho giảng viên và người học tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.	P. Tài vụ	2020	Hàng năm
17		Duy trì và phát triển với các mối quan hệ đã được ký kết. Trên cơ sở đó mở rộng quy mô hợp tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với những cơ sở mới.	ĐHSP Hà Nội 2 P. KHCN&HTQT	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác theo nhiều mục tiêu khác nhau.				x			
Chỉ số 4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.				x			
Chỉ số 4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành				x			
Chỉ số 4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác với các tổ chức và cá nhân nhằm thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.				x			
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông

1. Mô tả

Chỉ số 4.11.1. Trường bảo đảm việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư

Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018 - 2023, tầm nhìn 2030, trong đó xác định rõ chiến lược truyền thông (chiến lược 13) [H4.04.11.01]. Nhà trường luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của quốc gia

và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ khi xuất bản các ấn phẩm chuyên môn phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H4.04.11.15]. Cụ thể, Trường đã ban hành Quy định về viết tập bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo, trong đó quy định rõ việc trích dẫn hoặc đưa các thông tin từ các tài liệu tham khảo vào giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo phải tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ (đăng tải trên website của Trường), Luật Xuất bản và các quy định hiện hành [H4.04.11.02].

Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động khoa học công nghệ [H4.04.11.03]. Việc tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.11.04]. Trường đã ban hành Quy định về hoạt động của Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội 2 từ năm 2014, trong đó quy định rõ việc phải tuân thủ các quy định theo Luật bản quyền, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Xuất bản, Luật Báo chí [H4.04.11.05]; Quy định về tổ chức thực hiện khóa luận tốt nghiệp vào năm 2006 [H4.04.11.06], sau đó được điều chỉnh, bổ sung bằng Quy định làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H4.04.11.07]. Về hoạt động đào tạo sau đại học, Trường cũng đã có quy định yêu cầu về quy cách, hình thức luận án và tóm tắt luận án, trong đó đã quy định việc trích dẫn tài liệu tham khảo phải tuân thủ đúng quy định về Luật bản quyền, chống đạo văn [H4.04.11.08].

Việc tổ chức biên soạn giáo trình, tập bài giảng được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo nghiêm túc từ khâu đăng ký, phê duyệt triển khai viết, nghiệm thu [H4.04.11.09]. Các giáo trình khi xuất bản đều đảm bảo có giấy phép xuất bản và thuộc bản quyền của Trường [H4.04.11.11]. Các bài báo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học của Trường đều được tiến hành phản biện, ý kiến giải trình phản biện được chấp nhận mới tiến hành đăng [H4.04.11.10]. Tạp chí Khoa học của Trường được cấp giấy phép hoạt động của Bộ Thông tin và Truyền thông vào năm 2012 [H4.04.11.12]. Tạp chí Khoa học của Trường cũng đã được Trung tâm Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia cấp mã số chuẩn quốc tế ISSN 1859-2325 đã có mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ [H4.04.11.13].

Nhà trường cũng đã trang bị phần mềm kiểm tra đạo văn (phần mềm Turnitin) và triển khai tập huấn sử dụng cho cán bộ, giảng viên, viên chức làm công tác quản lý đào tạo đại học và sau đại học, quản lý khoa học [H4.04.11.14].

Để đảm bảo thuận tiện trong việc trao đổi thông tin trong hoạt động điều hành và đảm bảo quyền riêng tư, Nhà trường đã có quy định về sử dụng thư điện tử [H4.04.11.16]. Theo đó, mỗi đơn vị, cán bộ, giảng viên và người học trong trường đều được cấp miễn phí hộp thư điện tử theo tên miền của Trường là @hpu2.edu.vn. Nhà trường cấp cho mỗi sinh viên một mã số để sử dụng trong suốt quá trình học tập tại trường. Sinh viên dùng mã số truy cập vào website để đăng ký tín chỉ và xem kết quả học tập của mình [H4.04.11.17].

Chỉ số 4.11.2. Trường công khai các thông tin có cơ sở, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm

Trên cơ sở Chiến lược truyền thông được xác định trong Kế hoạch chiến lược [H4.04.11.01], Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã có nhiều hoạt động truyền thông về các hoạt động của Trường đến các bên liên quan, trong đó đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Dữ liệu về đội ngũ giảng viên được công khai trên trang web của Trường và một số đơn vị, bao gồm thông tin cá nhân cơ bản, trình độ đào tạo, quá trình công tác và kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học [H4.04.11.22; H4.04.11.37; H4.04.11.34]. Các quyết định, thông tư, hướng dẫn, quy định, thủ tục, biểu mẫu,... có liên quan đến cán bộ, giảng viên, người học đều được đăng tải trên website của Trường [H4.04.11.19]. Nhà trường cũng đã có công văn yêu cầu các đơn vị thường xuyên cập nhật thông tin lên website của Trường [H4.04.11.18]. Thông tin “ba công khai” theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng được đăng tải trên website của Trường, trong đó có thông tin về chất lượng, đội ngũ và tài chính [H4.04.11.20; H4.04.11.21]. Thông tin về đội ngũ giảng viên cũng được phổ biến công khai trong các Ngày hội tuyển sinh – hướng nghiệp được tổ chức tại Trường ĐHSP Hà Nội 2 năm 2018 [H4.04.11.23] và năm 2019 tại Bắc Giang [H4.04.11.24].

Dữ liệu về sinh viên, học viên sau đại học được Trường quản lý chặt chẽ trong suốt quá trình đào tạo. Đầu khóa học, Phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên, Phòng Sau Đại học (hiện nay là Phòng Đào tạo) là những đơn vị đầu mối thông báo và đôn đốc các khoa cập nhật dữ liệu và làm thẻ sinh viên, học viên [H4.04.11.38]. Dữ liệu sinh viên được quản lý bằng phần mềm Quản lý sinh viên do Phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên và Trợ lý Tổ chức các khoa phối hợp sử dụng

[H4.04.11.26]. Dữ liệu về kết quả học tập của sinh viên cũng được cập nhật trong phần mềm Quản lý đào tạo do Trợ lý Giáo vụ của các khoa và Phòng Đào tạo quản lý, sinh viên có thể dùng tài khoản riêng để truy cập vào trang tin chỉ để xem điểm [H4.04.11.27]. Phòng Sau Đại học (nay là Phòng Đào tạo) trực tiếp quản lý dữ liệu học viên và gửi kết quả học tập trực tiếp cho học viên qua email sau khi kết thúc các kỳ thi học phần [H4.04.11.37].

Hàng năm, Trường cũng đã triển khai kế hoạch điều tra, khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Cụ thể, các nội dung thông tin thu thập gồm: tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, khu vực làm việc của sinh viên tốt nghiệp, mức thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên tốt nghiệp [H4.04.11.28; H4.04.11.29; H4.04.11.30]. Kết quả khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp đã được báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trên trang website của trường [H4.04.11.31].

Ngoài ra, Nhà trường những năm gần đây chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường công tác truyền thông. Trường có trang website bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các đơn vị trong trường đều có trang website riêng. Trang website của trường đăng tải các thông tin giới chung về Trường, về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; các hoạt động liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, ...[H4.04.11.33]. Trang website của các đơn vị cũng đăng tải các thông tin giới thiệu chung và các hoạt động của đơn vị mình, thông tin về đội ngũ, chương trình đào tạo, các hoạt động [H4.04.11.34]. Chương trình đào tạo, đề cương môn học và đáp án đề thi sau mỗi kỳ thi học phần cũng được đưa lên website của trường, tạo điều kiện cho người học tìm hiểu, lựa chọn, đảm bảo tính khách quan trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập [H4.04.11.35]. Trường và các đơn vị trong trường cũng xây dựng trang mạng xã hội/facebook để truyền thông về các hoạt động của đơn vị đến cán bộ, giảng viên, người học và cộng đồng. Các trang mạng xã hội này đều có người phụ trách kiểm duyệt, đưa tin [H4.04.11.36].

Đầu mỗi khóa học, Trường đều tổ chức tuần Giáo dục công dân - Học sinh sinh viên nhằm giới thiệu cho tân sinh viên về: lịch sử truyền thống của Trường, tổ chức và quản lý của Trường; Quy định đào tạo; Mục tiêu, chương trình đào tạo, phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học của ngành học; Quy định về công tác sinh viên; Quy định của Thư viện; Trạm Y tế và công tác chăm sóc sức khỏe; Công tác đảm bảo an

ninh, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong nhà trường; Giới thiệu về Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ [H4.04.11.38]. Mỗi tân sinh viên đều được Trường phát một cuốn Sổ tay sinh viên, trong đó các văn bản quy định về đào tạo, quản lý sinh viên, cố vấn học tập, quyền hạn và nghĩa vụ của sinh viên,...[H4.04.11.39]. Phòng Sau đại học/Đào tạo cũng tổ chức phổ biến quy chế đào tạo, kế hoạch học tập và phát thẻ cho học viên ngay từ khi nhập học [H4.04.11.40].

Hàng năm, Trường đều biên soạn và phổ biến Báo cáo thường niên đến các bên liên quan để nắm được các thông tin về tình hình nhà trường [H4.04.11.41].

2. Điểm mạnh

Có hệ thống các văn bản quy định và đã triển khai trên thực tế việc tuân thủ luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.

Có các trang website để truyền thông về các hoạt động của Trường và các đơn vị trực thuộc.

Dữ liệu về đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và có việc làm được công khai trên website.

3. Điểm tồn tại

Website của một số đơn vị trong trường chưa thường xuyên cập nhật thông tin.

Văn bản quy định về đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ, xuất bản phẩm chưa được phổ biến, tập huấn rộng rãi, thường xuyên đến đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm hạn chế việc vi phạm luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, quy định về xuất bản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Website của một số đơn vị trong trường thường xuyên cập nhật thông tin.	Các đơn vị	2020	Hàng năm
2		Quy định về đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ, xuất bản phẩm chưa được phổ biến, tập huấn rộng rãi, thường xuyên đến đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm hạn chế việc vi phạm luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, quy định về xuất bản.	P.KHCN&HTQT	10/2020	Hàng năm
3	Phát huy	Tăng cường sử dụng phần mềm chống đạo văn để nâng cao chất lượng các ấn phẩm chuyên môn.	Thư viện, P.KHCN&HTQT, các khoa	11/2020	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
4	điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và đăng hóa hơn nữa các thông tin trên websile của Trường và các đơn vị.	Viện CNTT, Các đơn vị trực thuộc trường	9/2020	Hàng năm
5		Tiếp tục công khai đầy đủ dữ liệu về đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và có việc làm được trên website.	P.TC-HC, P.Đào tạo, Viện CNTT, các khoa đào tạo	10/2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.11.1. Trường bảo đảm việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.			x				
Chỉ số 4.11.2. Trường công khai các thông tin có cơ sở, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.				x			
Điểm tiêu chí:	3,5						

Tiêu chuẩn 5. Môi trường sư phạm và các nguồn lực

Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm

1. Mô tả

Chỉ số 5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sức mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường

Sức mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường được công bố công khai trên website và được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế [H5.05.12.01; H5.05.12.02; H5.05.12.03; H5.05.12.04]. Để cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sức mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục, trong từng giai đoạn trường đã xây dựng và điều chỉnh Quy hoạch phát triển tổng thể đến năm 2020 (xây dựng năm 2007, điều chỉnh năm 2011) trên cơ sở các rà soát và đánh giá thực trạng (báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ) [H5.05.12.02; H5.05.12.03]; trong đó thể hiện rõ nội dung quy hoạch về công tác đào tạo, công tác đoàn thể, công tác xây dựng cơ sở vật chất và các công tác khác. Cùng với sự điều chỉnh Quy hoạch phát triển tổng thể của trường, nội dung quy hoạch về cảnh quan, môi trường giảng dạy cũng được điều chỉnh cho phù hợp với chiến lược phát triển của trường trong từng giai đoạn. Trường đã xây dựng Bản đồ

quy hoạch mặt bằng tổng thể (tỷ lệ 1:500) với các khu chức năng theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN: 3981 [H5.05.12.05].

Cảnh quan, môi trường dạy học của trường được xây dựng theo định hướng lấy người học làm trung tâm. Khi thiết kế và xây dựng các tòa nhà mới luôn chú ý đến công năng sử dụng, tác động của thời tiết, khai thác tối đa ánh sáng tự nhiên. Vị trí và trang thiết bị của các tòa nhà (nhà làm việc, giảng đường, hội trường, thư viện, nhà học thí nghiệm, ký túc xá,...), vườn cây, bãi xe, căng tin, sân bãi TDTT đã được bố trí một cách hợp lý phục vụ tốt các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục, công tác NCKH và chuyển giao công nghệ [H5.05.12.05; H5.05.12.06; H5.05.12.07; H5.05.12.08; H5.05.12.09]. Trường đã chú trọng thiết kế một số hoạt động nhằm tạo cơ hội cho giảng viên và sinh viên tương tác ngoài lớp học. Kế hoạch hoạt động hằng năm để tạo cơ hội cho giảng viên và sinh viên tương tác ngoài lớp học được xây dựng và thông qua gồm ít nhất 12 hoạt động tương tác giảng viên - sinh viên được tổ chức/năm (06 Hội nghị Hiệu trưởng tiếp xúc đại diện sinh viên và 06 Hội nghị Trưởng khoa đối thoại với đại diện sinh viên) [H5.05.12.08; H5.05.12.10]. Cảnh quan và môi trường dạy học của trường cũng tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, văn hóa văn nghệ, TDTT, vui chơi, giải trí,... nhằm rèn luyện những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, giáo dục ý thức và kỹ năng mềm cho người học [H5.05.12.08; H5.05.12.09]. Môi trường giảng dạy và học tập hiện nay đảm bảo cho Trường thực hiện được mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông và là trường đại học theo theo định hướng nghiên cứu kết hợp đào tạo nghề.

Trường tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng tiếp xúc đại diện sinh viên hằng tháng để trực tiếp nghe các ý kiến, nguyện vọng, đề xuất của người học về tất cả các hoạt động của Trường, trong đó có các vấn đề liên quan tới cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của Trường, tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên để kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm xây dựng môi trường dạy học tốt hơn [H5.05.12.11]. Tuy nhiên, trường chưa chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan về cảnh quan để thường xuyên cải tiến chất lượng;

Trường cũng chưa có báo cáo về sự hiệu quả của các hoạt động kết nối giảng viên - sinh viên ngoài lớp học.

Chỉ số 5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên

Để khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, trong từng giai đoạn trường đã xây dựng và điều chỉnh Quy hoạch phát triển tổng thể đến năm 2020 (xây dựng năm 2007, điều chỉnh ở các năm: 2011, 2016) trên cơ sở các rà soát và đánh giá thực trạng (báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ) [H5.05.12.02; H5.05.12.03; H5.05.12.04]; trong đó thể hiện rõ nội dung quy hoạch về công tác xây dựng cơ sở vật chất có nhấn mạnh tập trung nguồn lực cao để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo tính hiện đại, đồng bộ, chuẩn mực đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển của một trường đại học sư phạm. Cùng với sự điều chỉnh Quy hoạch phát triển tổng thể của trường, nội dung quy hoạch về khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường cũng được điều chỉnh cho phù hợp với chiến lược phát triển của trường trong từng giai đoạn. Trường đã xây dựng Bản đồ quy hoạch mặt bằng tổng thể (tỷ lệ 1:500) với các khu chức năng theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN: 3981 [H5.05.12.05]. Nhiều diện tích đất của trường đã được UBND tỉnh Vĩnh phúc cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất [H5.05.12.12].

Trường đã xây dựng các tòa nhà cao tầng kiên cố, hiện đại có trang thiết bị phù hợp theo các khu chức năng: Nhà học đa năng (Nhà A2) là tòa nhà 8 tầng – nơi làm việc của Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng và thư viện của Trường; Nhà học 5 tầng (A3); Nhà học thí nghiệm (A4); Giảng đường chuyên dùng; Giảng đường A, B, C, E; Trung tâm GDQG&AN Hà Nội 2; Khu KTX sinh viên;... [H5.05.12.08; H5.05.12.13]. Trường đã có tổng số 123 phòng học các loại, trong đó có 10 phòng học máy tính, 4 phòng học ngoại ngữ chuyên dùng. Tổng diện tích sử dụng cho phòng học đạt hơn 44.508 m². Với quy mô 8.199 sinh viên (gồm sinh viên đại học chính quy, cao học, nghiên cứu sinh), tỉ lệ bình quân diện tích chỗ học tập cho sinh viên đạt mức 5,428 m²/sinh viên. Tỉ lệ bình quân diện tích chung và tỉ lệ bình quân diện tích đối với mỗi loại phòng học khác nhau đều đạt và vượt so với quy định [H5.05.12.07]. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của Trường được xây dựng trên diện tích hơn 12 ha với các tòa nhà chức năng được thiết kế hòa nhập với thiên nhiên và thân thiện với môi trường

[H5.05.12.05]. Trong khuôn viên của trường có vườn cây tiến sĩ, ghế đá,... [H5.05.12.13]; bên cạnh những công trình xây dựng được thiết kế trồng hệ thống cây xanh hợp lý [H5.05.12.14]. Như vậy, khuôn viên và môi trường tự nhiên của Trường được bố trí khoa học, có tính chất giáo dục. Để đảm bảo an ninh, an toàn về tài sản và con người, Trường đã xây dựng hệ thống hàng rào bảo vệ quanh trường [H5.05.12.13].

Trường có khảo sát, đánh giá chất lượng hiện trạng về khuôn viên, môi trường tự nhiên để phục vụ các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên văn hóa; các hoạt động thể dục, thể thao, vui chơi,... [H5.05.12.14]. Kết quả là Trường đã đề xuất các giải pháp để cải tiến chất lượng cảnh quan, khuôn viên, môi trường tự nhiên không [H5.05.12.15]. Tuy nhiên, trường chưa chú trọng đến việc thường xuyên đánh giá mức độ đáp ứng của các tòa nhà, vườn cây, bãi xe, căng tin, sân bãi phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, văn nghệ, vui chơi, sinh hoạt, giải trí trong trường đối với hoạt động dạy và học.

2. Điểm mạnh

Trường có môi trường giảng dạy và học tập hợp lý, phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa chú trọng đến việc thường xuyên đánh giá mức độ đáp ứng của các tòa nhà, vườn cây, bãi xe, căng tin, sân bãi phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, văn nghệ, vui chơi, sinh hoạt, giải trí trong trường đối với hoạt động dạy và học. Trường chưa chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan về cảnh quan để thường xuyên cải tiến chất lượng. Trường cũng chưa có báo cáo về sự hiệu quả của các hoạt động kết nối giảng viên - sinh viên ngoài lớp học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thành lập hội đồng rà soát khuôn viên trường và đề xuất các biện pháp cải tiến.	Phòng QTĐS (đầu mối), các đơn vị trong trường (phối hợp)	2020	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
2		Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan về cảnh quan đề thường xuyên cải tiến chất lượng.	TTKT&ĐBCLGD (đầu mối), các đơn vị trong trường (phối hợp)	2020	Hàng năm
3		Khảo sát và báo cáo về sự hiệu quả của các hoạt động kết nối giảng viên - sinh viên ngoài lớp học.	TTKT&ĐBCLGD (đầu mối), các đơn vị trong trường (phối hợp)	2020	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch, triển khai các dự án cải thiện trang thiết bị phục vụ cho các phương pháp giảng dạy và học tập hiện đại nhằm cải tiến môi trường dạy học của nhà trường.	Hội đồng rà soát môi trường sư phạm của trường (đầu mối); các đơn vị trong trường (phối hợp)	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường.				x			
Chỉ số 5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.				x			
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chí 5.13. Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học

1. Mô tả

Mục đích giáo dục của Trường ĐHSP Hà Nội 2 hướng tới đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý có chất lượng cao, có năng lực làm việc, thích nghi, sáng tạo và tự học suốt đời. Để hoạt động đào tạo và bồi dưỡng phù hợp với mục đích giáo dục, ngay trong Kế hoạch chiến lược trường đã xây dựng kế hoạch trang bị cơ sở vật chất phù hợp với trường Đại học Sư phạm [H5.05.13.01]. Kế hoạch xây dựng và phát triển CSVN theo từng giai đoạn được thể hiện rõ trong Quy hoạch phát triển tổng thể của trường [H5.05.13.02], trong Kế hoạch công tác năm học [H5.05.13.03], và theo nhu cầu sử dụng cụ thể. Nhà trường đã xây dựng Bản đồ quy hoạch [H5.05.13.04] và xây dựng mặt bằng tổng thể trên diện tích hơn 12 ha với các khu chức năng bao gồm các

tòa nhà, 484 phòng Kí túc xá, 109 phòng giảng đường, 14 phòng học Ngoại ngữ và máy tính, thư viện có 6 phòng đọc với 250 chỗ ngồi, 28 phòng thí nghiệm, 9 phòng thực hành rèn nghề cho các chuyên ngành đặc thù như Phòng Đàn, Phòng Múa, Phòng Mỹ thuật, nhà thi đấu đa năng, sân vận động...đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của Trường [H5.05.13.05]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý, Nhà trường đã đầu tư xây dựng thêm các tòa nhà chuyên dùng, hội trường lớn với trang thiết bị hiện đại đáp ứng được mục đích giáo dục [H5.05.13.06]. Hệ thống CSVC, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học đáp ứng mục đích giáo dục của Trường [H5.05.13.07]. Hệ thống phòng thí nghiệm có diện tích lớn với đầy đủ thiết bị thí nghiệm. Cơ sở dữ liệu được nâng cấp thường xuyên, thư viện điện tử có 50 máy tính được nối mạng phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả [H5.05.13.05]. Bên cạnh đó Nhà trường thực hiện nhiều dự án đầu tư trang thiết bị dạy học, thiết bị phòng thí nghiệm thực hành, ứng dụng khoa học nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho Trường. Đặc biệt Nhà trường được phê duyệt Đề án Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin thuộc Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) [H5.05.13.07; H5.05.13.13]. Căn cứ vào các báo cáo Hội nghị viên chức, báo cáo tổng kết [H5.05.13.08] và trên cơ sở các rà soát, đánh giá thực trạng vào năm 2011, 2016 Nhà trường đã điều chỉnh Quy hoạch phát triển tổng thể trong đó có CSVC đến năm 2020 để việc trang bị, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường trong từng giai đoạn [H5.05.13.02].

Trường đã có kế hoạch bảo trì CSVC theo Kế hoạch công tác năm học và theo từng hoạt động cụ thể [H5.05.13.03]. Việc bảo trì, sửa chữa CSVC và thay mới trang thiết bị được tiến hành thường xuyên, liên tục đáp ứng kịp thời cho việc dạy, học và NCKH của GV và SV [H5.05.13.09]. Các đơn vị chức năng luôn có cán bộ chuyên trách thường trực có số điện thoại liên hệ dán ở cửa phòng học, phòng chờ hỗ trợ kịp thời nhu cầu sử dụng của người dạy và người học [H5.05.13.10]. Hệ thống phòng đọc, phòng lưu trữ của Thư viện đáp ứng tiêu chuẩn, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo được cập nhật thường xuyên có số lượng với 36494 đầu sách, tạp chí, e –book và đa dạng theo từng chuyên ngành.

Theo Kế hoạch công tác năm học, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, trên cơ sở báo cáo thống kê rà soát về cơ sở vật chất của các đơn vị [H5.05.13.10], Trường lên kế hoạch và thực hiện trang bị, bảo trì các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập để phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường. Tuy nhiên, Trường chưa có dữ liệu khảo sát của VC và học viên, sinh viên về việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường.

Chỉ số 5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

Trong Quy hoạch phát triển tổng thể (cơ sở vật chất), trường đã có kế hoạch thiết kế các toà nhà với nhiều mục đích sử dụng, đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học phù hợp với các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng [H5.05.13.02]. Các tòa nhà, phòng học, phòng thí nghiệm ngoài việc đáp ứng nhu cầu dạy học chính khóa còn được sử dụng để tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng về công nghệ thông tin, về ngoại ngữ... [H5.05.13.11].

Để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học việc, trong Kế hoạch công tác năm học, Lịch công tác tuần Nhà trường đã có kế hoạch trang bị, mua sắm, sửa chữa các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.03].

Nhà trường trang bị hệ thống giảng đường gồm 109 phòng học lớn, nhỏ được trang bị đầy đủ thiết bị giảng dạy hiện đại với diện tích 20907 m² đáp ứng nhiều loại hình bồi dưỡng, 4 phòng học Ngoại ngữ với diện tích 204 m², với hệ thống âm thanh được trang bị, bảo dưỡng thường xuyên. 10 phòng thực hành máy tính với diện tích 1142 m² và 9 phòng thực hành rèn nghề diện tích 1468 m² [H5.05.13.05].

Phòng thí nghiệm được thiết kế rộng rãi với 28 phòng có tổng diện tích 4568 m², được đầy đủ trang thiết bị thí nghiệm không những đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của GV và NCKH của SV, học viên cao học và NCS mà còn phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học, thực hành của học sinh phổ thông [H5.05.13.05].

Thư viện Trường với nguồn tư liệu phong phú với 36494 đầu sách, tạp chí, e – book, hệ thống thư viện điện tử kết nối với nhiều nguồn tài liệu khoa học quốc tế chất lượng được cập nhật và hệ thống máy tính nối mạng được bố trí ở sảnh chờ đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả [H5.05.13.07].

Các phòng thực hành tin học có hệ thống máy tính nối mạng được nâng cấp thường xuyên, được trang bị điều hòa, thiết bị ánh sáng...đáp ứng nhu cầu dạy và học các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng [H5.05.13.09; H5.05.13.15]

Hội trường rộng hơn 3152 m² với hệ thống âm thanh, ánh sáng hiện đại được trang bị điều hòa, hệ thống ghế đa năng đáp ứng với nhiều mục đích sử dụng. Diện tích nhà thi đấu đa năng rộng 1032 m² và sân vận động rộng khoảng 4500 m² với đầy đủ dụng cụ học tập cho nhiều chuyên ngành [H5.05.13.05].

Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành thường xuyên được kiểm tra, rà soát và được đơn vị chức năng lên phương án sửa chữa [H5.05.13.03; H5.05.13.09; H5.05.13.16]

Hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng và thay mới theo định kỳ hàng năm [H5.05.13.09]. Các thiết bị phát sóng không dây, thiết bị âm thanh, máy chiếu, phòng Lab được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ kịp thời GV chủ động ứng dụng CNTT đổi mới cách dạy [H5.05.13.09].

Trường có cán bộ chuyên trách và số điện thoại đường dây nóng hỗ trợ kịp thời cho người dạy và người học, sử dụng linh hoạt các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập đáp ứng ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, [H5.05.13.10]

Đặc biệt Trường đầu tư trọng điểm các trang thiết bị phục vụ các nghiên cứu chuyên sâu cho 02 Viện nghiên cứu và các khoa. Bên cạnh đó, Nhà trường mới được phê duyệt Đề án Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin thuộc Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) [H5.05.13.13]. Tuy nhiên Nhà trường chưa thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của CSVC, thiết bị, tài liệu học tập phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

Chỉ số 5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường và Kế hoạch công tác năm học, Nhà trường đã có kế hoạch đầu tư trang thiết bị CNTT, CSVC để đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp [H5.05.13.01; H5.05.13.03].

Hệ thống máy chủ với cấu hình cao, các thiết bị giảng dạy trực tuyến được trang bị, mạng wifi truy cập miễn phí cho VC, SV thuận lợi cho việc giảng dạy, học tập [H5.05.13.15; H5.05.13.17]. Hệ thống máy tính của Trường thường xuyên được bảo trì, thay mới. Số lượng máy tính đáp ứng đủ nhu cầu cho phòng học trực tuyến phục vụ việc đào tạo ngoại ngữ và dạy học từ xa. Trường đầu tư các thiết bị phòng multimedia, các phòng hội thảo truyền hình phục vụ bồi dưỡng trực tuyến và thực hành giảng dạy với các phương pháp dạy học thích hợp [H5.05.13.04; H5.05.13.11; H5.05.13.14].

Môi trường giảng dạy trực tuyến của Nhà trường không chỉ đáp ứng nhu cầu dạy, học của GV và người học mà còn kết nối kiến thức với trường Phổ thông, đáp ứng đào tạo từ xa [H5.05.13.08].

Hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị phát sóng không dây, Phòng học trực tuyến được kiểm tra, rà soát và sửa chữa theo định kì nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu giảng dạy trực tuyến của Trường [H5.05.13.09, H5.05.13.16].

Trong Đề án Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội 2 thuộc Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP), hai phòng học tiếng với trang thiết bị hiện đại, hệ thống đào tạo từ xa, lớp học phục vụ cho việc truyền tải trực tiếp bài giảng, các phòng học trực tuyến sẽ được xây dựng đáp ứng các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến [H5.05.13.13].

Bên cạnh đó Nhà trường chưa tổ chức được nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.
Chỉ số 5.13.4: Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả.

Trong Kế hoạch công tác năm học, Nhà trường đã có kế hoạch bảo trì hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng thường xuyên, kịp thời cho nhu cầu sử dụng của giảng viên và người học [H5.05.13.03].

Phòng QTĐS và Viện CNTT là hai đơn vị giúp Trường xây dựng dự án đầu tư hệ thống CNTT và duy trì, bảo dưỡng thường xuyên để VC và người học có thể sử dụng và khai thác hiệu quả [H5.05.13.07].

Việc sửa chữa, bảo dưỡng, thay mới trang thiết bị, hệ thống CNTT của Nhà trường được tiến hành thường xuyên, liên tục [H5.05.13.09].

Theo quyết định số 3950/QĐ-BGDDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt Đề án Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội 2 thuộc Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP); Đến năm 2021, hệ thống công nghệ thông tin của Trường được nâng cấp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) [H5.05.13.13].

Đội ngũ chuyên bảo trì sửa chữa máy tính của Viện CNTT luôn thường trực, kịp thời hỗ trợ người dạy và người học khi cần. Viện CNTT có cán bộ chuyên trách về máy tính, máy chiếu với số điện thoại được dán tại cửa phòng học luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả [H5.05.13.10].

Việc kiểm tra, rà soát việc bảo trì hệ thống công nghệ thông tin của trường được tiến hành thường xuyên và có phương án để cải tiến nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng của người dạy và người học [H5.05.13.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đầu tư nhiều trang thiết bị, hệ thống CNTT và tài liệu học tập đáp ứng được mục đích dạy học.

Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng nhu cầu sử dụng.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có dữ liệu khảo sát của VC và học viên, sinh viên về việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường.

Nhà trường chưa thu thập phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của CSVC, thiết bị, tài liệu học tập phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát của VC và học viên, sinh viên về việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường.	TT KT&ĐBCLGD (đầu mối), các đơn vị trong trường (phối hợp)	2020	Hàng năm
		Thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của CSVC, thiết bị, tài liệu học tập phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.	TT KT&ĐBCLGD (đầu mối), các đơn vị trong trường (phối hợp)	2020	Hàng năm
		Tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.	Viện Nghiên cứu sư phạm, các đơn vị trong trường	2020	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiến hành triển khai các dự án nâng cấp CSVC, hệ thống CNTT, trang thiết bị và tài liệu học tập nhằm đáp ứng tốt hơn mục đích giáo dục của Nhà trường, giúp GV và người học sử dụng linh hoạt, đáp ứng tính sáng tạo trong giảng dạy các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn.	P. QTĐS và các đơn vị khác	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường.				x			
Chỉ số 5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.			x				
Chỉ số 5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.				x			
Chỉ số 5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn				x			

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả.							
Điểm tiêu chí:	3,8						

Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính

1. Mô tả

Chỉ số 5.14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường

Trường ĐHSP Hà Nội 2 là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Nhà trường là đơn vị dự toán cấp 2 chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ GD&ĐT.

Trường đã xây dựng Quy hoạch phát triển tổng thể đến năm 2020 [H5.05.14.01] thể hiện rõ nội dung xây dựng kế hoạch chiến lược, chính sách và cơ chế tài chính nhằm đa dạng hóa các nguồn thu. Kế hoạch chiến lược, chính sách và cơ chế tài chính nhằm đa dạng hóa các nguồn thu được điều chỉnh phù hợp với chiến lược phát triển của Trường trong từng giai đoạn, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường [H5.05.14.02; H5.05.14.03; H5.05.14.04].

Nhà trường đã đề ra các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính. Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện tự chủ một phần kinh phí hoạt động, chủ động khai thác các nguồn thu sự nghiệp bổ sung cho kinh phí hoạt động. Kế hoạch và dự toán kinh phí được thực hiện hàng năm [H5.05.14.05]. Các nguồn thu của Nhà trường được nêu rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ và được điều chỉnh định kỳ [H5.05.14.06] là các nguồn thu hợp pháp bao gồm kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp như: học phí đào tạo các ngành ngoài sư phạm, kinh phí đào tạo hệ Vừa làm vừa học, đào tạo cấp chứng chỉ, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý hợp đồng với các địa phương, kinh phí từ hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế, tiền kí túc xá SV ở nội trú,... [H5.05.14.07]. Tuy nhiên, nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn thấp. Trong những năm gần đây trường có nguồn thu từ chương trình ETEP. Từ nguồn tài chính trong chương trình ETEP nhà trường đã xây dựng được 3 chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho các địa phương.

Hàng năm nhà trường tăng cường mở các khóa đào tạo CNTT để tăng thêm nguồn thu [H5.05.14.08]. Thực hiện các nguồn thu chi của Trường cụ thể hóa trong kế hoạch công tác hàng năm [H5.05.14.09].

Tỷ lệ các nguồn thu của trường từ các hoạt động đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và các nguồn thu khác được công khai tại Hội nghị viên chức hàng năm [H5.05.14.10].

Chỉ số 5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của trường

Trường đã chủ động xây dựng các mối quan hệ hợp tác quốc tế tập trung vào mục tiêu nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động trao đổi cán bộ, sinh viên, trao đổi thông tin khoa học, hợp tác nghiên cứu khoa học, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ từ các dự án hợp tác, góp phần đáng kể vào việc nâng cấp cơ sở vật chất. Nhà trường nhận được đầu tư từ Văn phòng Kiều vụ tỉnh Vân Nam, Trung Quốc về xây dựng Thư viện Hán ngữ. Trang thiết bị từ nguồn hợp tác quốc tế (sách báo do Đại sứ quán Hoa Kỳ tài trợ hàng năm; Thư viện Hán ngữ với hơn 500 đầu sách, băng đĩa, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính,... do Văn phòng Quốc vụ Viện Trung Quốc tài trợ) đã đi vào sử dụng, là nơi hoạt động chuyên môn cho viên chức và sinh viên tìm hiểu, học tập, nghiên cứu. Các khoản tài trợ học bổng cho SV của trường đi học tập, thực tập ở nước ngoài [H5.05.14.11; H5.05.14.12].

Trong những năm gần đây Nhà trường có thêm nguồn thu từ hoạt động đào tạo sinh viên Lào [H5.05.14.13].

Từ hoạt động hợp tác quốc tế, Nhà trường đã mời các chuyên gia quốc tế có nhiều kinh nghiệm trong công tác đào tạo đến để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm qua các hội thảo, hội nghị, các lớp tập huấn ngắn hạn, các chuyên gia của các chương trình, tổ chức phi chính phủ; qua đó kinh nghiệm giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá,... của các giảng viên tham gia cũng có cơ hội được nâng cao. Nhà trường đón nhiều chuyên gia, các tình nguyện viên nước ngoài đến giảng dạy trong thời gian từ ngắn hạn; Ký kết Bản Ghi nhớ hợp tác trong đào tạo trao đổi giảng viên, sinh viên với đối tác là các trường đại học uy tín trên thế giới [H5.05.14.11; H5.05.14.12]. Tuy nhiên, nguồn thu từ các hoạt động hợp tác quốc tế còn khiêm tốn.

2. Điểm mạnh

Trường đã chủ động mở rộng hợp tác quốc tế để tăng các nguồn thu.

3. Điểm tồn tại

Nguồn tài chính thu được từ hoạt động hợp tác quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tìm kiếm và ký kết quan hệ hợp tác với những cơ sở đào tạo và NCKH lớn trong khu vực và thế giới.	Phòng KHCN & HTQT, Phòng Tài vụ	2020	Hàng năm
		Xây dựng đội ngũ các nhà khoa học có năng lực và khả năng sử dụng ngoại ngữ tốt để chiếm lĩnh các dự án có yếu tố nước ngoài.	ĐHSP Hà Nội 2, P. TC-HC, P. KHCN & HTQT	2020	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch tìm kiếm nguồn lực để gia tăng nguồn thu hợp pháp cho trường.	ĐHSP Hà Nội 2, P. Tài vụ	2020	Hàng năm
		Triển khai các hợp đồng đào tạo nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với năng lực của trường.	ĐHSP Hà Nội 2, P. Tài vụ	2020	Hàng năm
		Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế để tăng các nguồn thu.	P. KHCN & HTQT	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường.				x			
Chỉ số 5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của trường.			x				
Điểm tiêu chí:	3,5						

Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực

1. Mô tả

Chỉ số 5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược

Trường đã triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực theo giai đoạn 5 năm (2011-2016, 2016-2021), định hướng phát triển tổng thể

đến năm 2030, gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường [H5.05.15.01; H5.05.15.02; H5.05.15.03].

Hàng năm, chính sách tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao được cụ thể hóa thành các văn bản tuyển dụng như các quy định, kế hoạch, công văn,... và được triển khai thực hiện theo đúng quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT [H5.05.15.04; H5.05.15.05; H5.05.15.06].

Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất để viên chức được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước phù hợp với nhiệm vụ được giao. Trường xây dựng và ban hành quy định về mức chi cho hoạt động hỗ trợ viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H5.05.15.07]; tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức về ngoại ngữ, tin học, trung cấp - cao cấp lý luận chính trị [H5.05.15.08]; cử cán bộ tham dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H5.05.15.09]; tổ chức một số đoàn đi trao đổi, tìm kiếm khả năng hợp tác đào tạo, học tập trao đổi kinh nghiệm với các trường đại học trong và ngoài nước [H5.05.15.10]; Trường cũng cử nhiều viên chức đi học sau đại học tại các nước có trình độ giáo dục tiên tiến như: Australia, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc)... [H5.05.15.11].

Hàng năm, các đơn vị trong Trường đều tổ chức tổng kết công tác năm học, thực hiện việc kiểm điểm, tự kiểm điểm, đánh giá bình chọn xếp loại viên chức và tập thể [H5.05.15.12; H5.05.15.13]. Các hình thức thi đua, khen thưởng của từng cá nhân và tập thể đều được bình bầu, xét duyệt công khai ngay từ cấp đơn vị [H5.05.15.14]. Trong 5 năm qua, Nhà trường không có cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các quy định về đạo đức và những điều đảng viên không được làm [H5.05.15.15]. Nhiều đơn vị, cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương Lao động hạng Ba, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; danh hiệu Nhà giáo ưu tú... [H5.05.15.16].

Chỉ số 5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của từng đơn vị, Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thu hút đội ngũ cán bộ chất lượng cao để hiện thực hóa sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường. Thông tin tuyển dụng hàng năm được thông báo công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và được xây dựng

với những nội dung/tiêu chí rõ ràng, minh bạch và có tính cạnh tranh trong mục tiêu thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao [H5.05.15.17].

Khi được tuyển dụng, cán bộ viên chức được bố trí, sắp xếp vào vị trí việc làm phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn được đào tạo [H5.05.15.18]. Ngoài ra, Nhà trường bố trí chỗ ở viên chức, phòng làm việc cho giảng viên có học hàm PGS, GS [H5.05.15.19; H5.05.15.20].

Trong công tác bổ nhiệm viên chức lãnh đạo cấp trường, Nhà trường tuân thủ *Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo* của Thủ tướng Chính phủ [H5.05.15.21; H5.05.15.22]. Căn cứ vào Quy chế này, Nhà trường đã xây dựng quy trình, tiêu chí hướng dẫn cụ thể và tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt, hội nghị cán bộ chủ chốt mở rộng để lấy phiếu tín nhiệm giới thiệu về từng chức danh quản lý [H5.05.15.23]. Nhờ đó, công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý được tiến hành một cách nghiêm túc, quy trình rõ ràng, công khai và minh bạch, có tính cạnh tranh, các cá nhân được bổ nhiệm vào chức vụ đều đảm bảo có năng lực quản lý, giỏi chuyên môn và phù hợp vị trí công tác [H5.05.15.24; H5.05.15.25].

Bên cạnh việc tuyển dụng các cán bộ trẻ có chất lượng, Nhà trường cũng chú trọng đến việc sử dụng đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm lâu năm, đội ngũ cán bộ có học hàm, học vị cao để kéo dài thời gian công tác và chế độ hưu chí theo đúng quy định [H5.05.15.26]. Năm 2019, Nhà trường thành lập xong Hội đồng trường, bổ nhiệm thêm 02 Phó Hiệu trưởng, hoàn thiện cấu trúc đội ngũ Ban Giám hiệu [H5.05.15.27]. Có thể nói đây là bước tiến quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc đảm bảo chất lượng mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường đã công bố với xã hội.

Chỉ số 5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng

Trong quá trình triển khai các hoạt động đào tạo, bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Nhà trường thường xuyên xem xét, cân đối và tuyển dụng các giảng viên thỉnh giảng cho một số học phần, CTĐT. Cơ chế tuyển dụng bao gồm quy trình, chính sách thu hút, tiêu chuẩn, chế độ,... của giảng viên thỉnh giảng được thực hiện theo Thông tư 44/2011/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H5.05.15.28; H5.05.15.29; H5.05.15.30].

Kế hoạch sử dụng giảng viên thỉnh giảng phù hợp với trình độ chuyên môn của từng giảng viên, phù hợp với yêu cầu của từng học phần, với định hướng phát triển của các CTĐT [H5.05.15.31].

Số lượng giảng viên thỉnh giảng được tuyển dụng theo các CTĐT đảm bảo tỷ lệ theo quy định và phù hợp với chiến lược phát triển thành trường đại học định hướng nghiên cứu của Nhà trường [H5.05.15.32].

Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức các đơn vị, Hội nghị đại biểu công chức, viên chức và người lao động hằng năm và Hiệu trưởng tiếp dân hằng tháng để Lãnh đạo trường tiếp thu, giải trình các ý kiến của cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Qua đó có các chính sách phù hợp hơn trong công tác lãnh đạo quản lý, điều hành Nhà trường [H5.05.15.33; H5.05.15.34].

2. Điểm mạnh

Trường quan tâm, tạo điều kiện cử nhiều viên chức đi học tập, nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ tại các trường đại học ở trong và ngoài nước.

Trường có hệ thống văn bản, kế hoạch tuyển dụng, quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, có tính cạnh tranh.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ viên chức có học hàm PGS, GS còn thấp. Viên chức có trình độ ngoại ngữ đủ khả năng làm việc trực tiếp với đối tác nước ngoài còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Trường chưa có đánh giá riêng về chất lượng giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng dựa trên ý kiến phản hồi của người học nhằm có những đánh giá thực tế để cải tiến chất lượng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế	Ban Giám hiệu	Hàng năm	
		Xây dựng chính sách có tính đột phá trong việc thu hút nhân lực chất lượng cao	P. TCCB	2020	2021
		Đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng dựa trên phản hồi của người học	TT KT&ĐBCLGD	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội hợp tác đào tạo, bồi dưỡng với các trường đại học ở các nước phát triển.	P. KHCN&HTQT	Hàng năm	
		Cử cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên	P. TCCB	Hàng năm	

		môn và nghiệp vụ tại các trường đại học ở trong và ngoài nước.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với tầm nhìn và mục tiêu chiến lược.				x			
Chỉ số 5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.				x			
Chỉ số 5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.				x			
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chuẩn 6. Hỗ trợ dạy học

Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

1. Mô tả

Chỉ số 6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới.

Để thực hiện Tuyên ngôn, Sứ mạng và Tầm nhìn chiến lược, Trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược Quy hoạch phát triển tổng thể trường ĐHSP Hà Nội 2, trong đó chú trọng phát triển và quy hoạch đội ngũ cán bộ giảng viên [H6.06.16.01; H6.06.16.02]. Đặc biệt, Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới.

Trước hết, Trường có hệ thống văn bản, thông tin hướng dẫn cho giảng viên tập sự và giảng viên mới ngay từ khi là các ứng viên tuyển dụng vào Trường như: Tuyển dụng, Quy trình xét hết tập sự, Cơ cấu tổ chức Trường, Công tác cán bộ, Đào tạo bồi dưỡng, Chế độ chính sách, ... Hệ thống văn bản này được đăng tải trên công thông tin điện tử chính thức của Trường [H6.06.16.03].

Bên cạnh đó, hệ thống các phòng ban, viện, trung tâm, khoa và các bộ môn hỗ trợ cho giảng viên tập sự và giảng viên mới. Sau khi được tuyển dụng, các giảng viên tập sự được phòng Tổ chức-Hành chính hướng dẫn [H6.06.16.04]. Từ các khoa và bộ môn giới thiệu, Trường ra quyết cử các giảng viên có nhiều kinh nghiệm để hướng dẫn tập sự [H6.06.16.05], 100% giảng viên tuyển dụng được hướng dẫn tập sự. Việc đánh giá tập sự được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình [H6.06.16.06].

Để hỗ trợ về nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên tập sự và giảng viên mới Trường đã mở các lớp nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên. Từ năm 2017 đến nay, Viện nghiên cứu Sư phạm đã bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và cấp chứng chỉ cho hơn 50 giảng viên [H6.06.16.07]

Trường có chính sách hỗ trợ cho giảng viên tập sự và giảng viên mới rõ ràng [H6.06.16.08]: giảng viên tập sự không bắt buộc thực hiện giờ nghiên cứu khoa học để tập trung cho việc chuẩn bị bài giảng; được khuyến khích học tập nâng cao trình độ chuyên môn, trong thời gian học được miễn giảm giờ chuẩn, được hưởng nguyên lương và phụ cấp, được hỗ trợ học phí, kinh phí khi bảo vệ thành công luận văn và luận án,... Bên cạnh đó, giảng viên mới cũng được Trường khuyến khích nghiên cứu khoa học, các công trình khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành uy tín được hỗ trợ kinh phí [H6.06.16.09].

Giảng viên tập sự và giảng viên mới được Trường tạo môi trường làm việc, nghiên cứu thuận lợi: nhà trường xây dựng đề án đầu tư, mua sắm thiết bị thực hành thí nghiệm, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo trong nước và nguồn học liệu điện tử trong nước và ngoài nước hỗ trợ công tác giảng dạy và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học [H6.06.16.10; H6.06.16.11].

Đặc biệt, để các giảng viên yên tâm công tác, học tập và nghiên cứu Trường cải tạo các khu tập thể hỗ trợ chỗ ở cho giảng viên trẻ [H6.06.16.12]. Tuy nhiên, việc rà soát và lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên tập sự, giảng viên mới về sự hỗ trợ của Trường, của giảng viên hướng dẫn chưa được chú trọng, chưa có dữ liệu khảo sát giảng viên tập sự, giảng viên mới và cán bộ quản lý cấp khoa và phòng ban có liên quan về hệ thống hỗ trợ của trường đối với đội ngũ giảng viên tập sự và giảng viên mới.

Chỉ số 6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả

Trường có văn bản quy định và chế độ cụ thể cho giảng viên thực hiện nhiệm vụ cố vấn học tập cho sinh viên nhằm hướng dẫn sinh viên lên kế hoạch và thực hiện tốt kế hoạch học tập. Các giảng viên làm cố vấn học tập được giảm 15% giờ chuẩn [H6.06.16.13; H6.06.16.14; H6.06.16.15].

Bên cạnh hoạt động dạy học, giảng viên còn có nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên trong các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học. Để khuyến khích giảng viên thực hiện tốt vai trò là người hướng dẫn, Trường có chính sách khen thưởng theo Quy chế

chi tiêu nội bộ đã được rà soát và điều chỉnh [H6.06.16.15]: các giảng viên tham gia bồi dưỡng, hướng dẫn sinh viên đạt giải cấp Bộ, Quốc gia (*thi Olympic; Giải thưởng tài năng khoa học trẻ Việt Nam; Giải thưởng VIFOTEC*) được Trường tặng giấy khen và thưởng theo định mức [H6.06.16.15; H6.06.16.16].

Hàng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp cải tiến công tác giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở đại học [H6.06.16.17].

Chỉ số 6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông

Trường xác định đội ngũ cán bộ là một trong những yếu tố quyết định chất lượng đào tạo; xây dựng các tổ bộ môn mạnh về đội ngũ giảng viên và giáo viên thực hành. Điều này đã được Trường khẳng định trong *Quy hoạch phát triển tổng thể và Kế hoạch chiến lược* trường ĐHSPHN 2 giai đoạn 2018-2023 tầm nhìn 2030 cũng như trong thỏa thuận thực hiện chương trình Etep [H6.06.16.18]. Nhà trường cam kết, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ.

Từ năm 2017 đến nay, Trường đã tổ chức 02 hội nghị tập huấn về Chương trình giáo dục phổ thông mới cho 82 giảng viên sư phạm chủ chốt và giảng viên sư phạm [H6.06.16.19].

Để thực hiện yêu cầu đổi mới giảng dạy gắn với thực tế của các trường phổ thông, Trường chủ trương triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên. Trường luôn tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ như giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước [H6.06.16.20; H6.06.16.21].

Hàng năm, thông qua các đợt kiến tập, thực tập sư phạm của sinh viên, Trường cử các giảng viên tham gia hướng dẫn kiến tập và thực tập sư phạm [H6.06.16.22]. Qua quá trình hướng dẫn kiến tập, thực tập sư phạm giảng viên tiếp xúc thực tế với các vấn đề giáo dục phổ thông. Hoạt động này đã được Trường rà soát và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn, ví dụ như trước năm 2017 giảng viên xuống phổ thông dạy một tiết hoặc một chuyên đề trao đổi chuyên môn thì sau năm 2017 giảng viên dạy một tiết và triển

khai một chương trình hợp tác (báo cáo về chương trình giáo dục phổ thông mới, hợp tác về đào tạo, nghiên cứu,...). Kết thúc mỗi đợt thực tập sư phạm Trường đều tổ chức hội nghị tổng kết công tác thực tập [H6.06.16.23]. Đây là cơ hội để Trường tiếp thu những yêu cầu thực tế của công tác giáo dục phổ thông từ đó có những rà soát, điều chỉnh trong việc thực hiện chương trình và bồi dưỡng cán bộ, giảng viên một cách phù hợp.

Chỉ số 6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên

Bên cạnh việc đổi mới nội dung dạy học, Trường chú trọng đổi mới phương pháp dạy học thích hợp giúp giảng viên thực hiện hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên.

Để hỗ trợ hoạt động giảng dạy của giảng viên, đặc biệt là việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực để người học được thực hành, trải nghiệm, nhà trường đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin [H6.6.16.23]. Bên cạnh đó, Trường đã thực hiện và triển khai 02 chương trình bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho giảng viên sư phạm chủ chốt và giảng viên sư phạm [H6.06.16.24], 03 khóa học bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên dưới sự hướng dẫn của chuyên gia nước ngoài [H6.6.16.25].

Hàng năm, trong mỗi học kì, Trường và Công đoàn trường phát động thi đua giờ dạy tốt [H6.06.16.26]. Qua hoạt động này, giảng viên phát huy các phương pháp dạy học tích cực như phương pháp thực hành, phương pháp dạy học bằng tình huống, phương pháp dạy học vi mô, sinh viên học qua trải nghiệm,... Đây được xem là một tiêu chí xét danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Hàng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp cải tiến công tác giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H6.6.16.27].

Chỉ số 6.16.5. Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm

Hàng năm, theo kế hoạch của các Bộ môn và Khoa, giảng viên được Nhà trường tạo điều kiện đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được hỗ trợ kinh phí học tập; được tham gia Hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực giảng viên [H6.06.16.28]. Nhà trường, Khoa mời báo cáo viên báo cáo viên trao đổi về đổi mới chương trình phổ

thông, kinh nghiệm giảng dạy,... [H6.06.16.29]. Giảng viên được tham gia sinh hoạt chuyên môn ở trường phổ thông để tăng cường tính thực tiễn trong dạy học. Giảng viên đăng kí đề tài khoa học thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục được ưu tiên xét duyệt [H6.06.16.30].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhiều chính sách hỗ trợ giảng viên phát triển năng lực nghề nghiệp. Đặc biệt là hỗ trợ giảng viên tham gia sinh hoạt chuyên môn ở trường phổ thông/trường mầm non.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có dữ liệu khảo sát giảng viên tập sự, giảng viên mới và cán bộ quản lý cấp khoa và phòng ban có liên quan về hệ thống hỗ trợ của trường đối với đội ngũ giảng viên tập sự và giảng viên mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch khảo sát giảng viên tập sự, giảng viên mới và cán bộ quản lý cấp khoa và phòng ban có liên quan về hệ thống hỗ trợ của trường đối với đội ngũ giảng viên tập sự và giảng viên mới.	TT KT&ĐBCLGD (đầu mối), các đơn vị trong trường (phối hợp)	2020	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hỗ trợ giảng viên phát triển năng lực nghề nghiệp. Đặc biệt là hỗ trợ giảng viên tham gia sinh hoạt chuyên môn ở trường phổ thông/trường mầm non.	Các Khoa, Bộ môn (đầu mối), các đơn vị trong trường (phối hợp)	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới.				x			
Chỉ số 6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.				x			
Chỉ số 6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông.					x		

Chỉ số 6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.				x			
Chỉ số 6.16.5. Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.			x				
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên

1. Mô tả

Chỉ số 6.17.1. Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch

Nhà trường có chính sách đánh giá và phát triển đội ngũ GV thể hiện trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2020 [H6.06.17.01]. GV được đánh giá hàng năm theo kế hoạch công tác năm học [H6.06.17.02], thỏa thuận thực hiện ETEP [H6.06.17.03].

Công tác đánh giá GV được thực hiện thường xuyên. Hàng tháng, các đơn vị dựa vào mức độ hoàn thành công việc đánh giá xếp loại viên chức, GV theo các mức A, B, C, D; Từ kết quả đánh giá GV hàng tháng đơn vị nhắc nhở chấn chỉnh kịp thời hoạt động của GV. Cuối năm học, trường đơn vị đánh giá viên chức theo năm học sau đó trường đánh giá và có quyết định công bố công khai công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV trong năm [H6.06.17.04]. Trong mỗi học kì, các Khoa và bộ môn tổ chức dự giờ GV để đánh giá chuyên môn cũng như việc sử dụng PPDH của GV [H6.06.17.05]. Trong hoạt động giảng dạy, ở mỗi học kì, Trung tâm Khảo thí và ĐBCL triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV theo các tiêu chí của phiếu đánh giá [H6.06.17.06]. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học được gửi cho trường đơn vị và trường đơn vị thông báo cho riêng từng GV [H6.06.17.07] để GV rút kinh nghiệm và cải tiến hoạt động giảng dạy. Từ năm 2018 nhà trường tiến hành rà soát quy trình đánh giá GV [H6.06.17.03] để điều chỉnh quy trình và phương thức đánh giá GV. Năm 2019 hoàn thiện và ban hành Bộ KPI cho đánh giá GV [H6.06.17.03; H6.06.17.08].

Chỉ số 6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Nhà trường có chính sách [H6.06.17.09], cơ chế công nhận và đãi ngộ thành tích của GV, khuyến khích các hoạt động giảng dạy và NCKH: GV có giờ dạy được đánh giá loại tốt là đạt một tiêu chí xét danh hiệu chiến sĩ thi đua; xét tặng Giấy khen của Hiệu trưởng cho những GV có thành tích xuất sắc (bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, hướng dẫn SV đạt giải NCKH, Olympic, văn nghệ, thể dục, thể thao,...) [H6.06.17.10; H6.06.17.11].

Nhà trường có chế độ thưởng tiền cho các GV có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí có uy tín, tạo động lực để cho các nhà khoa học là GV phấn đấu nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế [H6.06.17.10]. Tuy nhiên mức thưởng còn khiêm tốn.

Định kỳ nhà trường rà soát chỉnh sửa, bổ sung cơ chế công nhận và đãi ngộ thành tích của GV (trong quy chế chi tiêu nội bộ) để khuyến khích GV nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H6.06.17.10].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá GV được thực hiện thường xuyên và khách quan.

Trường có chế độ đãi ngộ và khen thưởng kịp thời cho GV có thành tích.

3. Điểm tồn tại

Bộ tiêu chuẩn đánh giá GV chưa được hoàn thiện.

Mức thưởng cho GV có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí có uy tín còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện và ban hành bộ KPI cho đánh giá GV.	P. TC-HC	2020	2021
		Tăng mức đãi ngộ với GV có thành tích trong giảng dạy và NCKH.	P. TC-HC	2020	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đánh giá GV thường xuyên từ cấp bộ môn đến khoa và nhà trường	TT.KT&ĐBCL Các khoa	2020	Hàng năm
		Kịp thời công nhận thành tích và có chế độ đãi ngộ xứng đáng thúc đẩy GV nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.	P. TC-HC Các khoa	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7

Chỉ số 6.17.1. Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch.				X			
Chỉ số 6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.				X			
Điểm tiêu chí:	4,0						

Tiêu chuẩn 7. Hỗ trợ học tập

Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học

1. Mô tả

Chỉ số 7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và Đề án tuyển sinh và công bố Đề án đã được Bộ GD&ĐT thông qua trên trang web và chuyên trang tuyển sinh [H7.18.01.01; H7.07.18.02]. Dựa vào đó Trường công bố chính sách, quy trình tuyển sinh cho 19 ngành đào tạo đại học chính quy [H7.07.18.03], 16 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ [H7.07.18.04] và 05 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ [H7.07.18.05]. Trường cũng xây dựng thông báo và tờ rơi tuyển sinh riêng dành cho thí sinh là người nước ngoài [H7.07.18.06]. Các thông tin về tuyển sinh, quy trình tuyển sinh trên được công bố công khai trên trang web và chuyên trang tuyển sinh của nhà Trường, các ngày hội “tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp tại địa phương” [H7.07.18.07], thông tin trên các báo điện tử uy tín (như vietnamnet.vn) [H7.07.18.08], và qua mạng xã hội facebook [H7.07.18.09].

Dựa vào chỉ tiêu tuyển sinh, Trường thành lập Ban tuyển sinh và ra Quyết định về mức điểm, các điều kiện, tiêu chuẩn để tuyển sinh/xét tuyển sinh sau đó thông báo công khai trên chuyên trang tuyển sinh của Trường. Dựa vào số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển, Trường ra thông báo về mức điểm, điều kiện và tiêu chuẩn trúng tuyển; thông tin trúng tuyển cũng được thông báo công khai trên chuyên trang tuyển sinh của Trường. Đối với các hệ đào tạo sau đại học, dựa vào Đề án tuyển sinh đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt, Trường ra thông báo tuyển sinh và thông báo.

Trường giao cho Viện Nghiên cứu Sư phạm làm đầu mối [H7.07.18.10], tổ chức và thực hiện bồi dưỡng giáo viên thường xuyên, bồi dưỡng chuẩn chức danh và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT [H7.07.18.11]. Gần đây, Trường còn thực hiện việc bồi dưỡng thường xuyên giáo viên và cán bộ quản lý

cho các địa phương, thể hiện rõ vai trò của Trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo [H7.07.18.12].

Dựa trên thông tin của các địa phương về nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, Viện Nghiên cứu Sư phạm ra thông báo về việc mở lớp bồi dưỡng qua đường công văn đến các cơ sở đào tạo phối hợp và đến từng cơ sở đào tạo có nhu cầu cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng [H7.07.18.13]. Trên cơ sở rà soát hồ sơ của ứng viên, Trường ra Quyết định hoặc Thông báo về việc nhập học cho các ứng viên trung tuyển. Việc thông báo được thực hiện qua đường công văn, và công khai ở các cơ sở đào tạo phối hợp [H7.07.18.14].

Điểm, hồ sơ trúng tuyển cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được công khai trên cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường, được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội hoặc qua đường công văn đảm bảo tính minh bạch trong công tác tuyển sinh [H7.07.18.14; H7.07.18.15; H7.07.18.16]. Bên cạnh đó, công tác tuyển sinh/xét tuyển sinh có tính đến các yếu tố vùng miền, đối tượng khó khăn, đối tượng ưu tiên và được thực hiện công bằng, minh bạch theo đúng quy định của bộ GD&ĐT.

Các ý kiến phản hồi của thí sinh sau khi biết kết quả thi tuyển/xet tuyển đều được ghi nhận và Trường sẽ tổ chức chấm thi phúc khảo theo quy định và thông báo kết quả chấm phúc khảo đến thí sinh. Ngoài ra, Trường cũng tổ chức đánh giá về quá trình tuyển sinh hàng năm và thông báo đến cán bộ trong trường để cùng rút kinh nghiệm cho các đợt tuyển sinh tiếp theo [H7.18.01.17].

Chỉ số 7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận

Trường đã xây dựng chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo trình độ đại học và sau đại học [H7.07.18.18], lấy đó làm cơ sở để xây dựng khung chương trình [H7.07.18.19], [H7.07.18.20] và đề cương chi tiết môn học cho từng ngành học. Ngay từ đầu khóa học, sinh viên được phổ biến và được phát sổ tay sinh viên trong đó có đầy đủ các thông tin về ngành học, lộ trình học tập và các chính sách hỗ trợ khác cho toàn bộ khóa học [H7.07.18.21].

Dựa vào khung chương trình đào tạo, các Khoa phối hợp với Phòng đào tạo xây dựng thời khoa biểu cho từng học kỳ và công bố trên website của Khoa, cổng thông tin tin chỉ của trường hoặc qua các ứng dụng thông tin tin chỉ trên điện thoại thông minh

[H7.07.18.25]. Bên cạnh đó, đội ngũ Cố vấn học tập [H7.07.18.26] sẽ tư vấn và hướng dẫn người học đăng ký môn học cho từng học kỳ qua hệ thống tín chỉ của nhà trường đảm bảo người học có thể tiếp cận chương trình đào tạo, chương trình môn học và thời gian biểu một cách đầy đủ và dễ dàng. Trường cung cấp các mẫu đơn công khai trên trang web của nhà Trường [H7.07.18.24] và tổ chức các buổi Hiệu Trưởng tiếp sinh viên thường kỳ [H7.07.18.27] để nắm bắt các ý kiến phản hồi của người học liên quan đến chương trình đào tạo và kế hoạch thực hiện từ đó đưa ra những giải quyết thỏa đáng cho người học.

Đối với các chương trình bồi dưỡng, Trường thực hiện đầy đủ chương trình môn học theo quy định cụ thể của Bộ GD&ĐT; phối hợp với các cơ sở giáo dục địa phương để thông báo đến học viên về nội dung và kế hoạch học tập thông qua đường công văn, đảm bảo học viên tiếp cận chương trình bồi dưỡng một cách cụ thể và dễ dàng [H7.07.18.22; H7.07.18.23].

Chỉ số 7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài

Người học được phổ biến đầy đủ các nội dung văn bản về quy trình, thủ tục, mẫu đơn về giải quyết các chế độ miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi, học bổng trợ cấp, chế độ vay vốn tín dụng giáo dục và các chế độ quyền lợi khác theo quy định trong sổ tay sinh viên [H7.07.18.21]. Các mẫu đơn đề nghị, đề xuất xem xét chế độ dành cho người học được công bố trên trang web của Phòng CTCT-HSSV để người học dễ dàng tiếp cận [H7.07.18.30]. Các chế độ này, được giải quyết chu đáo, kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định, 100% người học diện CSXH được hưởng quyền lợi đúng quy định [H7.07.18.28]. Trường cũng quy định rõ ràng về Học bổng khuyến khích học tập [H7.07.18.31] và chủ động liên hệ với các tổ chức để có những suất học bổng có giá trị giúp đỡ SV nghèo vượt khó, SV giỏi như: giải thưởng KOVA, Học bổng của Quỹ hỗ trợ học sinh, SV nghèo vượt khó TP Hà Nội, Học bổng Nguyễn Trường Tộ của Quỹ khuyến học Việt Nam, Học bổng Shinnyo và FUYO (Nhật Bản), Học bổng KHFI (Hàn Quốc) [H7.07.18.32]. Đoàn Thanh niên - Hội SV và các khoa đã vận động quyên góp quỹ nhằm giúp đỡ SV nghèo học giỏi như : quỹ “*Nâng cánh ước mơ*” của Khoa Ngữ văn, quỹ “*Sử học Lê Quý Đôn*” của khoa Lịch sử,... Đặc biệt, khoa Ngữ văn đã duy trì đều đặn quỹ “*Một người vì mọi người - Mọi người vì một người*” trong nhiều năm qua.

Đối với sinh viên là người nước ngoài gặp khó khăn trong học tập do vấn đề ngôn ngữ, ĐTN-HSSV Nhà trường phối hợp với các Liên chi đoàn Khoa cử đoàn viên là sinh viên ưu tú kèm cặp hỗ trợ lưu học sinh nhằm hỗ trợ tối đa cho người học. Đặc biệt, Trường thông qua các Khoa thiết lập hệ thống cán bộ tư vấn học tập là các giảng viên am hiểu chính sách của nhà trường để tư vấn, theo dõi và hỗ trợ sinh viên kịp thời [H7.07.18.26]. Định kỳ hai tháng 1 lần, Hiệu trưởng Nhà trường tổ chức buổi tiếp xúc với đại diện người học, từ đó đưa ra các chỉ đạo đến các Phòng chức năng, Khoa chuyên môn giải quyết nhằm hỗ trợ tối đa người học [H7.07.18.27].

Chỉ số 7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước

Nhà trường đã xây dựng, ban hành và công khai hệ thống văn bản như khung chương trình đào tạo, chương trình môn học, đề cương chi tiết và thời khóa biểu hàng kỳ giúp người học sớm có định hướng học tập ngay từ đầu và trong khóa học [H7.07.18.19; H7.07.18.34]. Với người học có nhu cầu học hai ngành bậc đại học, học nâng cao trình độ, nhà Trường đã xây dựng và ban hành công khai trên website của Trường về quy định học ngành hai [H7.07.18.33]; trong đó quy định rõ về điều kiện và cách thức thực hiện đảm bảo tính liên thông giữa các ngành đào tạo trình độ đại học trong Trường.

Với các ngành đào tạo sau đại học, Trường có hướng dẫn cụ thể trong thông báo tuyển sinh trong đó có việc công nhận văn bằng của các cơ sở giáo dục khác, xác định những môn học cần bổ sung với các đối tượng khác nhau để đảm bảo tính liên thông giữa các cơ sở giáo dục [H7.07.18.35].

Chỉ số 7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học

Sau khi nhập học và hình thành lớp học, Khoa chuyên môn cử giảng viên làm cố vấn học tập cho từng lớp sinh viên và thực hiện công tác cố vấn cho người học trong suốt quá trình học tập tại Trường theo quy định [H7.07.18.26]. Đầu mỗi học kỳ, cố vấn học tập tư vấn lựa chọn học phần cho người học, nắm bắt số lượng sinh viên có nhu cầu học lại, học cải thiện điểm và báo cáo về Khoa và Phòng đào tạo. Dựa trên báo cáo của các Khoa về số lượng sinh viên đăng ký lớp học, Phòng đào tạo mở các lớp tín chỉ cho từng học kỳ trên cổng thông tin tín chỉ <http://tinchi.hpu2.edu.vn/>. Người học dựa vào

quy định về đào tạo được cung cấp đầy đủ trong sổ tay sinh viên [H7.07.18.21] và căn cứ vào năng lực thực tế của mình có thể tự đăng ý lớp học trên trang tin chỉ. Nếu cần tư vấn, giúp đỡ, người học có thể tham vấn ý kiến của cố vấn học tập và làm đơn theo mẫu có sẵn trên địa chỉ web của Trường <http://hpu2.edu.vn/vi/html/>. Trường cũng cung cấp app cho điện thoại thông minh có trên kho ứng dụng IOS hay Google Play giúp sinh viên có thể nắm bắt được kế hoạch và kết quả học tập của mình [H7.07.18.25].

Gần đây, Trường rất quan tâm đến tìm kiếm việc làm cho sinh viên. Hiệu trưởng chủ động viết thư mời các nhà tuyển dụng tiềm năng tham gia ngày hội việc làm [H7.07.18.36]. Phòng CTCT-HSSV phối hợp với các liên chi đoàn thông báo đến người học quan tâm, đặc biệt là sinh viên năm cuối tham gia. Năm 2019, đã có 900 chỉ tiêu tuyển dụng từ 38 nhà tuyển dụng khác nhau được công bố trong ngày hội việc làm 2019 [H7.07.18.37]. Ngoài ra, các khoa cũng chủ động, tích cực tổ chức ngày hội tuyển dụng để hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp [H7.07.18.38]. Ngoài ra, Trường còn tổ chức các cuộc thi Nghiệp vụ sư phạm, tư vấn kỹ năng phỏng vấn xin việc, triển khai thực hiện Đề án “hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” [H7.07.18.39; H7.07.18.40].

Sau khi tốt nghiệp, Nhà trường vẫn luôn quan tâm sát sao đến thông tin của người học, tiến hành khảo sát rộng khắp để nắm bắt thực trạng việc làm cũng như thu nhập của người học, công việc này được triển khai thực hiện từ K35 [H7.07.18.41] Bên cạnh đó, việc thành lập trang mạng xã hội như *Cựu sinh viên HPU2*, *Trường ĐHSP Hà Nội 2*, *Phòng CTCT-HSSV*, xây dựng mục *Thông tin việc làm* trên website,... thì mọi thông tin của Nhà trường, các thông tin tuyển dụng được cập nhật liên tục và phổ biến rộng rãi đến cựu sinh viên cũng như người học.

2. Điểm mạnh

Trường có chính sách quy trình tuyển sinh rõ ràng, được thực hiện công bằng và minh bạch.

Trường có các chính sách, đội ngũ cố vấn học tập cùng hệ thống văn bản, giấy tờ, hệ thống công nghệ thông tin quản lý đào tạo rõ ràng và đa dạng, hỗ trợ người học tốt để hoàn thành khoa học với kết quả tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Thông tin về công tác tuyển sinh của các chương trình bồi dưỡng tại địa phương hiện vẫn thực hiện chủ yếu qua đường công văn nên hạn chế trong việc tiếp cận của người học.

Trường có đội ngũ tư vấn học tập tại các khoa, nhưng việc theo dõi sự tiến bộ của các đối tượng gặp khó khăn trong học tập chưa thực sự chu đáo.

Trường chưa có đơn vị chuyên trách về hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo và sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thông báo tuyển sinh, chương trình môn học của các chương trình bồi dưỡng cần được công bố rõ ràng trên website.	Viện NCSP	2020	Hàng năm
		Đào tạo đội ngũ cố vấn học tập để trở thành điểm kết nối giữa người học và nhà trường.	P. Đào tạo	1/2020	6/2020
		Thành lập Trung tâm hỗ trợ, tư vấn và giới thiệu việc làm cho SV.	P. CTCT-HSSV	1/2020	4/2020
2	Phát huy điểm mạnh	Nhân rộng phương thức thực hiện của đào tạo trình độ đại học chính quy sang các chương trình đào tạo và bồi dưỡng khác.	- Ban Giám hiệu; - P. CTCT-HSSV; - Các khoa.	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.18.1. Quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.					x		
Chỉ số 7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện phải rõ ràng, đầy đủ và dễ dàng tiếp cận.				x			
Chỉ số 7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.				x			
Chỉ số 7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.				x			
Chỉ số 7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.				x			
Điểm tiêu chí:	4,2						

Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập

1. Mô tả

Chỉ số 7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra

“Cải thiện phương thức đánh giá năng lực người học dựa trên phản hồi của giảng viên và người học nhằm đảm bảo đánh giá dựa trên yêu cầu cần đạt của môn học, đồng thời phát huy hiệu quả của đánh giá quá trình” là một định hướng chiến lược trong kế hoạch chiến lược của Nhà trường, với các hoạt động cụ thể: “Đào tạo cho giảng viên về xây dựng ngân hàng đề thi theo định hướng đánh giá năng lực.”, “Xây dựng các qui định về đánh giá.”, “Cập nhật ngân hàng đề.”, “Triển khai đánh giá kỹ năng chung trong ít nhất 30% các khoá học.”, ... Các hoạt động được tích hợp trong kế hoạch của từng năm học để thực hiện.

Kết quả học tập của người học được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu: Số tín chỉ các học phần mà SV đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ, điểm trung bình chung học kỳ, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy (được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D) [H7.07.19.01].

Để nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học theo học chế tín chỉ, đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, Nhà trường đã thực hiện:

- Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng ngân hàng đề thi học phần theo hệ thống tín chỉ [H7.07.19.02], đã triển khai tổ chức tập huấn kỹ năng xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá năng lực cho giảng viên các đơn vị: Tổ Tâm lý – Giáo dục, Khoa GDCT, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Lịch sử [H7.07.19.03].
- Thường xuyên cập nhật ngân hàng đề thi cho các học phần theo từng học kỳ, năm học, với số liệu cập nhật được thể hiện qua bảng dưới đây:

Phương thức kiểm tra, đánh giá	2016-2017		2017-2018		2018-2019	
	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
Trắc nghiệm	9	3	3	5	3	4
Tự luận	56	62	59	59	63	29
Vấn đáp	7	5	10	9	13	14
Tổng số	142		145		126	

- Đề thi kết thúc học phần được lấy từ ngân hàng đề thi được lưu trữ tại Trung tâm Khảo thí & ĐBCLGD. Cán bộ chuyên trách in sao đề thi trong phòng biệt lập và niêm phong kín. Mỗi bài thi được đánh phách, cắt phách và giao cho 02 giảng viên chấm. Các kỳ thi học kỳ được thực hiện mỗi năm học ba đợt vào cuối mỗi học kỳ và học kỳ hè [H7.07.19.04; H7.07.19.05]

- Đa dạng hóa phương thức kiểm tra, đánh giá môn học bao gồm: thi viết, trắc nghiệm (trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, làm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tế chuyên môn,... Hình thức kiểm tra đánh giá học phần được quy định trong đề cương học phần [H7.07.19.06].

- Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần bao gồm việc xây dựng kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần, thành lập Ban chỉ đạo, cử cán bộ coi thi và tổ chức thi [H7.07.19.04; H7.07.19.07]. Phòng Thanh tra của Trường có nhiệm vụ thanh tra, giám sát các kỳ thi được tổ chức để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng [H7.07.19.08].

- Kết quả học tập của người học được công bố công khai, kịp thời đến người học thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, mỗi người học có tài khoản riêng để theo dõi bảng điểm của tất cả các học phần của bản thân [H7.07.19.09]. Trường quy định rõ về thời gian chấm thi/kiểm tra, phúc khảo, xử lý vi phạm thi/kiểm tra,... và phổ biến rộng rãi tới toàn thể SV nắm được [H7.07.19.05]

Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành quy trình xét công nhận kết quả học tập cho người học và cảnh báo học vụ [H7.07.19.10], xét duyệt học bổng khuyến khích học tập [H7.07.19.11]. Cuối khóa học, Nhà trường tiến hành quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học [H7.07.19.12].

Bên cạnh kết quả học tập thì kết quả rèn luyện cũng được Nhà trường đánh giá người học theo từng học kỳ với các tiêu chí cụ thể được quy định rõ ràng, chi tiết [H7.07.19.13]. Kết quả học tập và kết quả rèn luyện phản ánh sự phát triển toàn diện của người học khi học tập tại Trường, đồng thời cũng đáp ứng được mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra.

Kết quả thu thập thông tin phản hồi từ người học về CTĐT trong 02 năm gần đây cho thấy: điểm trung bình (thang Likert 5 mức) về tiêu chí “kiểm tra – đánh giá người học” dao động từ 3.28-3.47 (Học kỳ 1, 2017-2018), dao động từ 3.20-3.69 (Học kỳ 2,

2017-2018) đã khẳng định người học đánh giá rất tốt tính chính xác, khách quan, công bằng trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập [H7.07.19.14].

Chỉ số 7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin

Nhà trường ban hành Quy định về chuẩn đầu ra CNTT đối với sinh viên khối không chuyên [H7.07.19.15], Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H7.07.19.16], Chuẩn đầu ra cho các CTĐT tại Trường [H7.07.19.17]. Các quy định này sẽ là cơ sở pháp lý trong việc đảm bảo người học được đào tạo đáp ứng chuẩn cả về kiến thức chuyên môn và khả năng tin học, ngoại ngữ.

Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai thành lập Ban Chỉ đạo, xây dựng Kế hoạch rà soát các quy định về đánh giá và công nhận kết quả học tập của người học để đảm bảo việc đánh giá đúng năng lực người học, đáp ứng mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra [H7.07.19.18]

Việc công nhận năng lực giảng dạy của người học trước khi tốt nghiệp ở các CTĐT được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được quản lý thông qua các quy chế, quy định cho hoạt động kiến tập, thực tập chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục. Các kết quả đánh giá thu được sẽ là cơ sở để Nhà trường tiến hành công nhận tốt nghiệp cho người học [H7.07.19.19].

Để đào tạo giáo viên có hiệu quả, ngoài cung cấp tri thức lý thuyết, việc cung cấp các kỹ năng dạy học và giáo dục thực tiễn là không thể thiếu. Và để rèn luyện các kỹ năng này, cần có nơi cho sinh viên thực nghiệm, thực hành nghề nghiệp. Hàng năm, Nhà trường đều gửi sinh viên đi thực tập, kiến tập tại các cơ sở giáo dục phổ thông trong khu vực miền Bắc. Kết quả TTSP đợt gần nhất của năm học 2018-2019 có 100% SV đạt loại Giỏi về thực tập giảng dạy, 99,53% SV đạt loại giỏi về thực tập chủ nhiệm lớp và đa số SV đi kiến tập, thực tập được đánh giá tốt về việc ứng dụng CNTT trong dạy học, sử dụng các phương tiện dạy học tích cực [H7.07.19.20].

2. Điểm mạnh

Nhà trường định kỳ triển khai thu thập thông tin phản hồi từ người học và nhà sử dụng lao động về kết quả kiểm tra, đánh giá và chất lượng đào tạo để làm căn cứ tiến hành rà soát, điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với mục tiêu học tập của người học,

đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, cải tiến bộ công cụ kiểm tra đánh giá (đặc biệt là khâu đánh giá, thử nghiệm đề thi trước khi đưa vào lưu trữ theo ngân hàng đề) được triển khai chưa thường xuyên, quy trình chưa rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy định về việc thử nghiệm, đánh giá đề thi trước khi được lưu trữ trong ngân hàng đề.	TT KT&ĐBCLGD	1/2020	4/2020
2		Xây dựng quy định về hoạt động rà soát, cải tiến bộ công cụ kiểm tra, đánh giá.		1/2020	4/2020
3	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ triển khai hoạt động thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động kiểm tra, đánh giá và công nhận năng lực người học.	TT KT&ĐBCLGD	Theo học kỳ, năm học	
4		Thiết lập báo cáo đối sánh kết quả điều tra, khảo sát để làm căn cứ rà soát, cải tiến chất lượng đào tạo.		Theo học kỳ, năm học	

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra.				x			
Chỉ số 7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.					x		
Điểm tiêu chí:	4,5						

Tiêu chí 7.20. Các hoạt động ngoại khóa

1. Mô tả

Chỉ số 7.20.1. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập

- ❖ Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về điều kiện vật chất và môi trường pháp lý để người học thực hành, tham gia vào các hoạt động ngoại khóa:

- Cơ sở vật chất phục vụ cho người học rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, TDTT bao gồm: Hội trường 14-8 thiết kế theo kiểu sân khấu lớn (500 chỗ) với đầy đủ âm thanh ánh sáng, 01 Hội trường (giảng đường D23) thiết kế theo kiểu sân khấu nhỏ (250 chỗ), 03 phòng Hội thảo, 01 Nhà tập TDTT đa năng, 01 sân bóng đá cỏ nhân tạo 4000 m², 01 khu tập luyện điền kinh, 02 sân bóng chuyền, 02 sân bóng rổ, 08 sân cầu lông + đá cầu, 01 phòng tập thể hình, 01 phòng tập bóng bàn, 01 bãi thể dục dụng cụ và nhiều điểm luyện tập khác [H7.07.20.01]. Các công trình TDTT được bố trí trong khu vực KTX, thuận tiện cho SV tập luyện và rèn luyện sức khỏe. Người học được miễn phí khi tham gia các hoạt động VHVN, TDTT tại các địa điểm nói trên của Nhà trường. Các công trình đảm bảo cho người học tổ chức và duy trì được các chương trình văn hóa, văn nghệ và các giải thể thao cấp khoa, cấp trường.

- Hàng năm, kế hoạch các hoạt động văn hóa - xã hội - thể thao được cụ thể hóa trong Kế hoạch công tác năm học, báo cáo giao ban công tác tháng, trên website,... để các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện, đồng thời cũng giúp người học nắm bắt được các hoạt động ngoại khóa được tổ chức trong năm [H7.07.20.02; H7.07.20.03]. Mặt khác, đến mỗi một hoạt động ngoại khóa, Nhà trường thường quan hành các Quyết định, Quy chế, Kế hoạch được phê duyệt,... để tạo điều kiện pháp lý cho người học dễ dàng tham gia vào các hoạt động ngoại khóa ở trong và ngoài trường [H7.07.20.04].

Nhà trường hiện có 9 CLB/Đội sinh viên cấp trường và hơn 30 CLB sinh viên cấp khoa. Trong đó có các CLB học thuật như: CLB NVSP, CLB Tiếng Anh, CLB Tin học,...; các CLB văn hóa văn nghệ như CLB Sáo trúc-Guitar, Đội văn nghệ nhà trường,...; các CLB tình nguyện như: CLB Trái tim đỏ, CLB Tình nguyện xanh,... Đây là môi trường, là đoàn thể giúp sinh viên được rèn luyện, phát triển kỹ năng sống đa dạng để hỗ trợ cho sự phát triển toàn diện của bản thân khi theo học tại Trường ĐHSP Hà Nội 2 [H7.07.20.05].

Với các hoạt động thực hành chuyên ngành, hàng năm, Nhà trường hỗ trợ người học phát triển việc giảng dạy, nâng cao kiến thức thực tiễn bằng việc liên hệ với các trường phổ thông để gửi sinh viên về kiến tập, thực tập công tác giảng dạy, công tác giáo viên chủ nhiệm [H7.07.20.06].

Sinh viên tham gia và đạt thành tích cao trong các hoạt động ngoại khóa như: thi chuyên môn, nghiệp vụ; thi văn nghệ, TDTT; thi Olympic;... đều được Nhà trường khen

thường kịp thời với những cơ chế động viên, khuyến khích được quy định rõ ràng [H7.07.20.07; H7.07.20.08].

- ❖ *Các hoạt động ngoại khóa được lồng ghép trong các hoạt động hàng ngày của trường, có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng học tập cho người học.*

Cùng với các hoạt động dạy học, các hoạt động ngoại khóa được triển khai thường xuyên và liên tục, thu hút đông đảo người học tham gia [H7.07.20.09]:

- Các hoạt động tổ chức định kỳ hàng năm: Chào tân SV, Ngày Hội đổi sách,...(tháng 9); các hoạt động chào mừng ngày nhà giáo VN (tháng 10), Hội thi Giọng hát hay vũ điệu đẹp (tháng 11); Hiến máu nhân đạo (tháng 4); Ngày hội việc làm (tháng 5);....

- Các hoạt động tổ chức không định kỳ: Cuộc thi Tìm kiếm tài năng HPU2, Hội thi nét đẹp SV sư phạm, ngày hội SV KTX,...

- Các hoạt động ngoại khóa rất đa dạng và phong phú, diễn ra ở các cấp khác nhau: Cấp Đội, Nhóm, CLB; cấp Khoa, Trường; cấp vùng miền, toàn quốc;...giúp người học có cơ hội được trải nghiệm, giao lưu, học hỏi được hàng loạt các kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng nâng cao năng lực sư phạm.

- Các hoạt động ngoại khóa chuyên môn đặc thù:

- + Hội thi NVSP cấp khoa, cấp trường; Hội giao lưu Cụm Trung Bắc, Hội thi NVSP toàn quốc,...giúp người học rèn luyện các kỹ năng NVSP, hoàn thiện các tố chất cần thiết của người giáo viên tương lai. Đặc biệt, trong năm học 2018-2019, Hội thi NVSP cấp trường đã được cải tiến cả về chất và lượng khi các phần thi giảng được thực hiện tại các trường phổ thông, được truyền hình trực tiếp qua cầu truyền hình về hội trường để sinh viên toàn trường theo dõi; đồng thời BTC cũng mời giáo viên phổ thông tham gia vào thành phần BGK, điều này đã làm tăng tính thực tế, cập nhật và tạo sự thu hút tới đông đảo sinh viên. Mặt khác, sự thay đổi này cũng là sự khác biệt đáng khích lệ so với các trường sư phạm trong toàn quốc [H7.07.20.10].

- + Các hoạt động tham quan, học tập, đi thực tế chuyên môn được các Khoa/Viện/Trung tâm tổ chức thường niên cho sinh viên năm thứ hai, giúp người học được nghiên cứu về những địa điểm đa dạng sinh học (Khoa Sinh-KTNN), thực tế nhà máy thủy điện (Khoa Vật lý), tìm hiểu về các di tích lịch sử (Khoa Lịch sử, Khoa GDCT,...), tìm hiểu về văn hóa dân gian (Khoa GDTH, Khoa GDMN),... Những hoạt động ngoại khóa này giúp

người học gắn kết được lý thuyết và thực tiễn, có cái nhìn trực quan sinh động bổ trợ cho những bài giảng đã được học trên giảng đường [H7.07.20.11].

- Các cuộc thi Olympic trong sinh viên cũng thường xuyên được tổ chức như: Olympic các môn khoa học Mác – Lênin, Olympic Tiếng Anh khối không chuyên ngữ, Olympic Tin học, Olympic Toán học,... đã tạo sân chơi bổ ích giúp sinh viên phát triển toàn diện bản thân, đáp ứng chuẩn đầu ra và thực tiễn cuộc sống [H7.07.20.12]. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc thi, Nhà trường cũng tuyển chọn được các thành viên ưu tú cho các đội tuyển cấp trường để tham dự các cuộc thi cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp toàn quốc [H7.07.20.13].

Kết quả thu thập thông tin phản hồi từ người học về hiệu quả của các hoạt động ngoại khóa được Nhà trường tổ chức, cho thấy đa số sinh viên đánh giá tốt về hiệu quả của các hoạt động, có tác dụng tích cực trong việc cải tiến chất lượng đào tạo, hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy học [H7.07.20.14], bộ công cụ khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, với kết quả cụ thể:

Tiêu chí	Năm học	Số lượng ý kiến phản hồi	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Đánh giá
Các hoạt động ngoại khóa	2016-2017	926	2.51	1.409	Tốt
	2017-2018	2105	2.63	1.101	Tốt
	2018-2019	2011	2.60	0.873	Tốt

Nhằm động viên, khuyến khích người học tham gia vào các hoạt động ngoại khóa, Nhà trường luôn chú trọng đến việc đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tổ chức để thu hút đông đảo người học tham gia. Trường đã có điều chỉnh về định mức khen thưởng đối với người học khi đạt thành tích cao trong các hoạt động ngoại khóa [H7.07.20.07], điều chỉnh về thang xét điểm rèn luyện cho người học [H7.07.20.15] để ngày càng thu hút đông đảo người học tham gia vào các hoạt động ngoại khóa, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho bản thân, nâng cao chất lượng học tập.

Các hoạt động ngoại khóa ở trường luôn đạt được hiệu quả cao, được tổ chức thực hiện một cách bài bản, nhận được sự ủng hộ của Nhà trường và được xã hội công nhận.

Chỉ số 7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường

Năm 2017, Trường ban hành quyết định thành lập Ban liên lạc Cựu sinh viên (CSV) nhiệm kỳ 2017-2022 gồm các thầy (cô) đại diện cho Lãnh đạo Nhà trường, đại diện các phòng ban chức năng, tổ chức đoàn thể và các khoa trong Trường [H7.07.20.16]. Ban có nhiệm vụ triển khai thông kê thông tin về cựu sinh viên theo các Khoa/Viện/Trung tâm.

Năm 2019, Trường ban hành quyết định thành lập Mạng lưới cựu sinh viên Trường ĐHSP Hà Nội 2 [H7.07.20.17], Ban điều hành Mạng lưới cựu sinh viên Trường ĐHSP Hà Nội 2 và Tổ Thư ký [H7.07.20.18]. Xây dựng chương trình hành động năm học 2019-2020 và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Mạng lưới cựu sinh viên [H7.07.20.19]. Theo như lộ trình thực hiện, trong năm 2020, Ban điều hành Mạng lưới CSV và Nhà trường sẽ chỉ đạo, hỗ trợ việc thành lập các Ban liên lạc CSV theo khóa học, ngành học ở các Khoa/Viện/Trung tâm và thành lập ít nhất 02 Ban liên lạc CSV ở các tỉnh/thành phố, tổ chức Hội nghị Mạng lưới CSV Trường ĐHSP Hà Nội 2 mỗi năm một lần.

Bên cạnh đó, thông tin liên lạc giữa Nhà trường và CSV các thời kỳ được thực hiện qua các trang facebook: Cựu sinh viên HPU2, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Phòng CTCT-HSSV... [H7.07.20.20].

CSV cũng tích cực tham gia và hỗ trợ cho các hoạt động của Nhà trường, chương trình tư vấn tuyển sinh trực tiếp năm 2019 tại Vĩnh Phúc và Bắc Giang được tổ chức thành công trên cơ sở kết nối giữa Nhà trường và cựu sinh viên đang làm công tác quản lý tại các trường phổ thông [H7.07.20.21].

Hàng năm, Nhà trường triển khai các hoạt động để tổ chức cho sinh viên về thực tập tại các trường phổ thông, trong đó có tổ chức Hội nghị triển khai công tác thực tập sư phạm [H7.07.20.22], thông qua Hội nghị, Nhà trường đã kết nối được với nhiều cựu sinh viên của Trường đang làm công tác quản lý tại các trường phổ thông. Có thể nói đây như là những cánh tay nối dài của Nhà trường trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ đào tạo giáo viên.

Các chương trình tọa đàm, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm học tập, NCKH,...được Nhà trường tổ chức để kết nối cựu sinh viên với người học. Đặc biệt là chương trình Ngày hội việc làm được tổ chức năm 2019 đã kết nối được 38 đơn vị tuyển dụng (trong đó có rất nhiều đơn vị có lãnh đạo là cựu sinh viên của trường), với hơn 900 vị trí tuyển dụng, đã tạo cầu nối giữa sinh viên và nhà tuyển dụng, giữa nhà trường với cựu sinh

viên. Qua đó, những trải nghiệm thực tế, những yêu cầu cập nhật của xã hội được trao đổi, tiếp thu để Nhà trường không ngừng cải tiến chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu xã hội [H7.07.20.23].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động ngoại khóa của Nhà trường rất phong phú và đa dạng từ cấp Khoa đến cấp Trường. Đặc biệt, Trường là đơn vị đầu tiên trong cả nước tổ chức Hội thi NVSP cấp trường với sự tham gia chấm thi của giáo viên phổ thông và phần Thi Dạy học được thực hiện trực tiếp tại các trường phổ thông trên đối tượng học sinh thực tế (không sử dụng học sinh giả định như mọi năm), đồng thời chương trình được truyền phát trực tiếp về các điểm cầu trong trường để đông đảo sinh viên có thể theo dõi, học tập. Sự cải tiến này được cán bộ giảng viên và người học đánh giá rất cao, góp phần cải tiến chất lượng đào tạo và phát triển việc giảng dạy cho người học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng chương trình có sự tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động của Nhà trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các chương trình kết nối, chia sẻ, hợp tác giữa Nhà trường với cựu SV trên cơ sở kết nối giữa Trường với Ban liên lạc CSV ở các khoa, các tỉnh.	- P. CTCT-HSSV; - Các Khoa	2020	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức ít nhất 10 hoạt động ngoại khóa/năm cho người học	- P. CTCT-HSSV; - ĐTN-HSV; - Các Khoa.	2020	Hàng năm
3		Duy trì tổ chức Hội thi NVSP cấp trường thực hiện trực tiếp nhiều phần thi tại các trường phổ thông để phát triển việc giảng dạy cho người học	- Viện NCSP; - Các Khoa	2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.20.1. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.					x		
Chỉ số 7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên			x				

lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường.							
Điểm tiêu chí:	4,0						

Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐÁNH GIÁ
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn chiến lược và quản lý chất lượng	
Tiêu chí 1. Tầm nhìn chiến lược	
1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường.	4
1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,0
Tiêu chí 2. Quản lý	
1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.	5
1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm.	4
1.2.3. Toàn bộ nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,3
Tiêu chí 3. Hệ thống đảm bảo chất lượng	
1.3.1. Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.	4
1.3.2. Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.	4
1.3.3. Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.	4
1.3.4. Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,0
Điểm trung bình tiêu chuẩn	4,11
Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo	
Tiêu chí 4. Phát triển chương trình	
2.4.1. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.	4
2.4.2. Các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.	4
2.4.3. Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,0
Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện	
2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo	4

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐÁNH GIÁ
dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.	
2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.	4
2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.	4
2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.	3
2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.	4
2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.	4
Điểm trung bình tiêu chí	3,8
Điểm trung bình tiêu chuẩn	3,92
Tiêu chuẩn 3. Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
Tiêu chí 6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.	4
3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục.	4
3.6.3. Kết quả nghiên cứu của trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học.	4
3.6.4. Kết quả nghiên cứu của trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.	3
Điểm trung bình tiêu chí	3,8
Tiêu chí 7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.	4
3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.	4
3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,0
Điểm trung bình tiêu chuẩn	3,88
Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đối ngoại	
Tiêu chí 8. Hợp tác vùng, địa phương	
4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.	5

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐÁNH GIÁ
4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,5
Tiêu chí 9. Hợp tác quốc tế	
4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này.	4
4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.	3
4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo qui định.	4
Điểm trung bình tiêu chí	3,7
Tiêu chí 10. Hợp tác với các tổ chức khác	
4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau.	4
4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.	4
4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành.	4
4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,0
Tiêu chí 11. Thông tin và truyền thông	
4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.	3
4.11.2. Trường công khai các thông tin có cơ sở, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.	4
Điểm trung bình tiêu chí	3,5
Điểm trung bình tiêu chuẩn	3,92
Tiêu chuẩn 5. Môi trường sư phạm và các nguồn lực	
Tiêu chí 12. Môi trường sư phạm	
5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường.	4
5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,0
Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học	
5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường.	4

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐÁNH GIÁ
5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.	3
5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.	4
5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả.	4
Điểm trung bình tiêu chí	3,8
Tiêu chí 14. Nguồn tài chính	
5.14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường.	4
5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của trường.	3
Điểm trung bình tiêu chí	3,5
Tiêu chí 15. Nguồn nhân lực	
5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược.	4
5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.	4
5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.	4
Điểm trung bình tiêu chí	4,0
Điểm trung bình tiêu chuẩn	3,81
Tiêu chuẩn 6. Hỗ trợ dạy học	
Tiêu chí 16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	
6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới.	4
6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.	4
6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông.	5
6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.	4
6.16.5. Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.	3
Điểm trung bình tiêu chí	4,0
Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên	
6.17.1. Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch.	4
6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.	4

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐÁNH GIÁ
<i>Điểm trung bình tiêu chí</i>	4,0
Điểm trung bình tiêu chuẩn	4,00
Tiêu chuẩn 7. Hỗ trợ học tập	
Tiêu chí 18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	
7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.	5
7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.	4
7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.	4
7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.	4
7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí</i>	4,2
Tiêu chí 19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập	
7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.	4
7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí</i>	4,5
Tiêu chí 20. Các hoạt động ngoại khóa	
7.20.1. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.	5
7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường.	3
<i>Điểm trung bình tiêu chí</i>	4,0
Điểm trung bình tiêu chuẩn	4,23
ĐIỂM TRUNG BÌNH ĐÁNH GIÁ CSGD:	3,98

Phần 4. KẾT LUẬN

Nhận thức được vai trò của công tác tự đánh giá trong việc thực hiện chương trình ETEP cũng như trong hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã có những chỉ đạo và triển khai quyết liệt cho công tác này.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách để thực hiện các nhiệm vụ trong công tác tự đánh giá. Quá trình tự đánh giá của Nhà trường có sự tham gia đông đảo, tích cực của các thành viên trong trường, được thực hiện đúng theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Quản lý chương trình ETEP. Việc tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số trong bộ chỉ số phát triển trường sư phạm với 07 tiêu chuẩn 20 tiêu chí và 63 chỉ số, được thực hiện qua các hoạt động: Mô tả, phân tích đánh giá thực trạng; Xác định điểm mạnh, điểm tồn tại; Tự đánh giá mức độ đạt được và lập kế hoạch hành động cải tiến chất lượng.

Thông qua quá trình tự đánh giá, Nhà trường đã đánh giá được hiện trạng chất lượng giáo dục trường về tất cả các mặt: đào tạo, NCKH, HTQT, CSVN,... từ đó xác định được những điểm mạnh, những tồn tại và đề ra kế hoạch hành động nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng giáo dục. Quá trình tự đánh giá cũng là một cơ hội để VC và SV nhận thức rõ hơn về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường.

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019.

HIỆU TRƯỞNG